

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG



## BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng kí kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng)

**Lưu ý:**

- Tài liệu này là tài sản riêng của **Trường CĐSP Trung ương** do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN cung cấp cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ để phục vụ hoạt động đánh giá ngoài;
- Tài liệu này không được chia sẻ với bất cứ cá nhân, tổ chức nào nếu không được sự đồng ý của **Trường CĐSP Trung ương** và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN;
- Không thực hiện các hành vi sao chụp, phát tán tài liệu dưới mọi hình thức;
- Những cá nhân không liên quan đề nghị không đọc tài liệu này.

**Hà Nội, năm 2023**

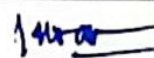


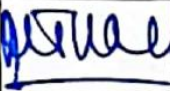

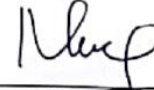
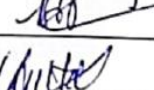


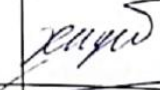



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG








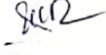

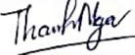
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


### DANH SÁCH THÀNH VIÊN

#### Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-CDSPTU ngày 09 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký
1	Trần Đình Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Trịnh Thị Xim	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Lê Thị Chúc Quỳnh	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên TT	
4	Nguyễn Minh Tuấn	Phụ trách Khoa Tiếng Anh	Ủy viên thư ký	
5	Phạm Tiến Thành	Trưởng phòng Thông tin - Truyền thông	Ủy viên thư ký	
6	Nguyễn Thị Nhung	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên	
7	Nguyễn Thị Thủy	Kế toán trưởng	Ủy viên	
8	Nguyễn Thạc Hải	Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên	
9	Phạm Văn Hào	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên	
10	Phương Thị Xuyên	Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên	Ủy viên	
11	Nguyễn Thị Hồng Vân	Trưởng khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên	
12	Trần Nguyên Hương	Trưởng khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp	Ủy viên	
13	Phạm Minh Tùng	Trưởng khoa Nghệ thuật	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký
14	Đoàn Đức Dương	Trưởng phòng Kế hoạch tài chính	Ủy viên	
15	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Ủy viên	
16	Phan Thị Thương	Giám đốc Trung tâm Thư viện	Ủy viên	
17	Khoa Việt Hà	Giám đốc Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng kiến thức	Ủy viên	
18	Dương Xuân Phương	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên	
19	Nguyễn Thị Phương	Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp	Ủy viên	
20	Bùi Minh Hải	Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên	
21	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên	
22	Vũ Thị Thanh Huyền	Giảng viên, trợ lý khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên	
23	Nguyễn Thị Thanh Nga	Sinh viên lớp 21CDMN-A5	Ủy viên	

(Danh sách gồm 23 người) 

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Chữ ký thành viên HĐTĐG	1
Mục lục	3
Danh mục chữ viết tắt	6
Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ	7
Phần II. TỔNG QUAN CHUNG	10
Phần III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG	19
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng	19
Mở đầu	19
Tiêu chí 1.1	19
Tiêu chí 1.2	22
<i>Kết luận tiêu chuẩn 1</i>	25
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức quản lý	25
Mở đầu	25
Tiêu chí 2.1	25
Tiêu chí 2.2	25
Tiêu chí 2.3	30
Tiêu chí 2.4	31
Tiêu chí 2.5	33
Tiêu chí 2.6	36
Tiêu chí 2.7	38
Tiêu chí 2.8	39
Tiêu chí 2.9	41
<i>Kết luận tiêu chuẩn 2</i>	43
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1	44
Tiêu chí 3.2	47
Tiêu chí 3.3	51
Tiêu chí 3.4	53
Tiêu chí 3.5	56
Tiêu chí 3.6	58
<i>Kết luận tiêu chuẩn 3</i>	59
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 4.1	61
Tiêu chí 4.2	68
Tiêu chí 4.3	71
Tiêu chí 4.4	75
Tiêu chí 4.5	79
Tiêu chí 4.6	83

Tiêu chí 4.7	84
Tiêu chí 4.8	86
Tiêu chí 4.9	88
<i>Kết luận tiêu chuẩn 4</i>	92
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	93
Mở đầu	93
Tiêu chí 5.1	93
Tiêu chí 5.2	95
Tiêu chí 5.3	97
Tiêu chí 5.4	99
Tiêu chí 5.5	100
Tiêu chí 5.6	102
Tiêu chí 5.7	103
<i>Kết luận tiêu chuẩn 5</i>	105
Tiêu chuẩn 6: Người học	106
Mở đầu	106
Tiêu chí 6.1	106
Tiêu chí 6.2	108
Tiêu chí 6.3	112
Tiêu chí 6.4	115
<i>Kết luận tiêu chuẩn 6</i>	118
Tiêu chuẩn 7. NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	118
Mở đầu	118
Tiêu chí 7.1	119
Tiêu chí 7.2	122
Tiêu chí 7.3	124
Tiêu chí 7.4	127
Tiêu chí 7.5	129
<i>Kết luận tiêu chuẩn 7</i>	131
Tiêu chuẩn 8. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	131
Mở đầu	131
Tiêu chí 8.1	132
Tiêu chí 8.2	136
Tiêu chí 8.3	139
Tiêu chí 8.4	141
Tiêu chí 8.5	143
Tiêu chí 8.6	146
Tiêu chí 8.7	147
Tiêu chí 8.8	149
<i>Kết luận tiêu chuẩn 8</i>	151
Tiêu chuẩn 9. Tài chính và quản lý tài chính	151
Mở đầu	151

Tiêu chí 9.1	152
Tiêu chí 9.2	155
Tiêu chí 9.3	158
<i>Kết luận tiêu chuẩn 9</i>	159
Tiêu chuẩn 10. Quan hệ giữa Nhà trường và xã hội	160
Mở đầu	160
Tiêu chí 10.1	160
Tiêu chí 10.2	162
<i>Kết luận tiêu chuẩn 10</i>	163
Phần III. KẾT LUẬN	164
Tổng hợp kết quả tự đánh giá	166
Phần IV. PHỤ LỤC - Cơ sở dữ liệu	167
Quyết định; Danh sách HĐTDG; Kế hoạch	185

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1.	CBQL	Cán bộ quản lý
2.	CĐSPTU	Cao đẳng Sư phạm Trung ương
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CTĐT	Chương trình đào tạo
5.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
6.	GDMN	Giáo dục mầm non
7.	GV	Giảng viên
8.	GVMN	Giáo viên mầm non
9.	HSSV	Học sinh sinh viên
10.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
11.	KHCN	Khoa học công nghệ
12.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
13.	NH	Người học
14.	MNTH	Mầm non thực hành
15.	PGS	Phó Giáo sư
16.	PP	Phương pháp
17.	SV	Sinh viên
18.	TĐG	Tự đánh giá
19.	ThS	Thạc sĩ
20.	THSP	Thực hành sư phạm
21.	TS	Tiến sĩ
22.	TT	Trung tâm
23.	TTSP	Thực tập sư phạm

## **PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường đại học, cao đẳng. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (CĐSPТУ) đã triển khai hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra. Sau chu kỳ 5 năm, kể từ lần đánh giá chu kỳ 1 năm 2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá chất lượng giáo dục trường chu kỳ 2, giai đoạn 2017 - 2022. Nhà trường nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2. Đánh giá các hoạt động của Nhà trường trong việc thực hiện và bảo đảm chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục chu kỳ 2, xác định mức độ đáp ứng của Nhà trường so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khắc phục những tồn tại đã được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ ra trong lần đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 1 năm 2017; thực hiện quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và kiểm định chất lượng giáo dục. Thực hiện trách nhiệm giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của Nhà trường.

Trong xu thế phát triển và hội nhập, Nhà trường đã xác định muốn nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, một trong những nhiệm vụ quan trọng là Trường phải thực hiện hiệu quả hoạt động tự đánh giá (TĐG) và tiến hành kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng sư phạm bởi một đơn vị độc lập. Tự đánh giá sẽ cung cấp hồ sơ có liên quan tới các hoạt động của Nhà trường theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng để từ đó có cái nhìn tổng thể về những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại để có những điều chỉnh phù hợp và đầu tư kịp thời để tạo ra những chuyển biến tích cực trong hoạt động của Nhà trường. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thể hiện trách nhiệm giải trình của Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được xác định.

Mục đích của việc tự đánh giá là tiến hành rà soát, đánh giá về chất lượng và hiệu quả của tất cả các hoạt động bên trong Nhà trường, bao gồm: đào tạo, công tác HSSV, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và các hoạt động liên quan khác, từ đó có các biện pháp điều chỉnh



quá trình thực hiện và nguồn lực nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Tự đánh giá giúp Nhà trường xác định được điểm mạnh để phát huy, điểm tồn tại để khắc phục. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp, kế hoạch hành động phù hợp để dần từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 Hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Bao gồm các bước:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, xử lý, phân tích thông tin và minh chứng.

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Bước 7: Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương pháp đánh giá được sử dụng phù hợp với từng tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn như: phân tích, so sánh, tổng hợp, khảo sát, lấy ý kiến phản hồi, thống kê số liệu.

Công cụ đánh giá: Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng; Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Công văn số 528/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn tìm thông tin minh chứng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng và các tài liệu hướng dẫn khác.

Sự tham gia của các bên liên quan: Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 923/QĐ-CĐSPТУ ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường CĐSPТУ, gồm 23 thành viên đại diện cho các phòng, ban, khoa, trung tâm, đại diện giảng viên, học sinh, sinh viên. Bên cạnh đó sự phản hồi của sinh viên, các cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động và chuyên gia là những thông

tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá chất lượng giáo dục của Nhà trường. Các thành viên trong Hội đồng TĐG, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đều được phân công những nhiệm vụ cụ thể, đóng góp vào hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục của Nhà trường.

## PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG

### 1. Khái quát chung về Nhà trường

Ngày 28/5/1988 theo Nghị định 93/HĐBT của Chính phủ, Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I được thành lập trên cơ sở sát nhập, hợp nhất Trường Sư phạm mẫu giáo trung ương (thành lập năm 1963) và Trường Trung cấp nuôi dạy trẻ trung ương (thành lập năm 1972).

Ngày 26/01/2006 tại Quyết định số 509/QĐ - BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Trường CĐSPTU với bề dày gần 60 năm thành lập, gần 35 năm đào tạo trình độ cao đẳng đến nay đã trở thành một cơ sở đào tạo uy tín, có chất lượng và được xã hội ghi nhận. Đội ngũ CBQL, giảng viên và giáo viên ở trường MNTH có sự khác biệt về năng lực và phẩm chất. Tính chuyên nghiệp và sự đam mê công việc được thể hiện khá rõ nét ở đội ngũ CBGV của Nhà trường. Trường đã xây dựng được quy trình khép kín Đào tạo - nghiên cứu - Chuyển giao công nghệ. Sứ mạng và tầm nhìn của Trường là *“Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học”*. Đến nay Trường đã xây dựng và phát triển được một số mô hình: Đào tạo GVMN theo các chuyên ngành; Trung tâm Hỗ trợ và phát triển Giáo dục hòa nhập; Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng kiến thức; Hệ thống 03 trường mầm non thực hành trực thuộc trường.

#### a) Về cơ cấu tổ chức, đội ngũ

Hiện nay, cơ cấu của Nhà trường gồm có 20 đơn vị thuộc và trực thuộc với 8 phòng, 5 khoa, 4 trung tâm và 3 Trường Mầm non thực hành. Nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên dày dặn kinh nghiệm tương đối đồng bộ và tâm huyết với nghề nghiệp gồm: 469 CBVC, trong đó có 01 Phó Giáo sư, 20 Tiến sĩ, 202 Thạc sĩ, 10 NCS.

#### b) Về công tác đào tạo

Hiện nay, Nhà trường tổ chức đào tạo 01 chương trình sư phạm (giáo viên mầm non trình độ cao đẳng) và 10 chương trình đào tạo thuộc hệ thống giáo dục

nghe nghiệp với quy mô tuyển sinh hằng năm khoảng trên 1000 sinh viên, quy mô đào tạo tính đến thời điểm hiện tại là 3339 sinh viên.

Là đơn vị có thế mạnh về đào tạo giáo viên mầm non, Nhà trường thường xuyên rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn GDMN. Từ năm 2018 đến năm 2020, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo thí điểm chương trình đào tạo ngành GDMN chất lượng cao. Chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non hiện hành được chỉnh sửa năm 2021 có 08 chuyên đề chuyên sâu, giúp người học được rèn luyện, nâng cao kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non: Phát triển nhận thức, ngôn ngữ; Phát triển thể chất, tình cảm và kỹ năng xã hội; Tổ chức hoạt động tạo hình; Tổ chức hoạt động âm nhạc; Tổ chức hoạt động làm quen Tiếng Anh; Giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong trường MN; Giáo dục trẻ có rối loạn ngôn ngữ trong trường MN; Công tác xã hội trong trường MN. Trường CĐSPTU là một trong số các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non uy tín trên cả nước. Hiện nay, bên cạnh chương trình đào tạo, Trường đã xây dựng nhiều chương trình bồi dưỡng giáo viên mầm non, cán bộ quản lý giáo dục mầm non cập nhật với khu vực và thế giới như: Phương pháp giáo dục Montessori, Ứng dụng STEAM trong giáo dục mầm non, Tiếp cận Reggio Emilia,... Trong những năm qua, Trường được Bộ GD&ĐT giao thực hiện 06 nhiệm vụ trong Đề án 33 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng CBQL và GVMN và giai đoạn 2018 - 2025. Nhà trường xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng mang tính chiến lược, tính nhân văn và đã tập trung thực hiện đạt kết quả tốt.

Bên cạnh đào tạo ngành giáo dục mầm non, Trường cũng tổ chức đào tạo các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp như: Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Tiếng Anh, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Công tác xã hội, Hướng dẫn du lịch, Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Thư ký văn phòng.

#### c) Về hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

Cùng với công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ được Nhà trường thường xuyên quan tâm. Từ 2018 đến 2022 cán bộ giảng viên của Nhà trường đã và đang thực hiện 57 đề tài NCKH các cấp; 23 tài liệu tham khảo; 06 giáo trình; 27 băng hình; 05 sách dịch từ tiếng nước ngoài phục vụ cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, trong đó đã xuất bản 39 đầu sách. Trường đã tổ chức thành công 27 hội thảo cấp Khoa, 02 hội thảo cấp trường; 06

hội thảo quốc gia, 01 hội thảo quốc tế; 07 bài báo đăng tạp chí quốc tế, 71 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. 100 bài báo khoa học đăng trên Tập san Thông tin Khoa học Giáo dục.

Về hoạt động hợp tác quốc tế: Thông qua chương trình hợp tác quốc tế từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã đón gần 100 chuyên gia, giảng viên, sinh viên Đan Mạch, Singapore, Hàn quốc, Đức, Ba Lan, Úc, Áo, Mỹ, Lào, Ireland, Bỉ, Nga đến trao đổi chuyên môn, thực tập sư phạm.

Từ năm 2017 đến 2022, Nhà trường đã có 16 đợt công tác của cán bộ, giảng viên đi tham quan học tập kinh nghiệm giáo dục tại Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Bỉ, Áo, Đài Loan, Singapore, Indonesia... Trung bình mỗi năm đón từ 07 đến 10 đoàn chuyên gia quốc tế vào làm việc với Trường.

Từ năm 2017 đến năm 2022 có 48 sinh viên Đan Mạch sang thực tập sư phạm và 05 sinh viên của khoa Giáo dục Mầm non, Giáo dục Đặc biệt, Khoa tiếng Anh đã được trao học bổng đi bồi dưỡng học tập ở các trường Đại học của Đan Mạch

Năm 2018, Nhà trường đào tạo, bồi dưỡng 17 cán bộ, giáo viên Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về Phương pháp giáo dục Montessori.

d) Về công tác cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Với quy mô như hiện nay, Nhà trường có đủ phòng học, trang thiết bị cơ bản đủ bảo đảm chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nhà trường có vị trí thuận lợi trên mặt đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội với tổng diện tích mặt bằng đất là 12.622m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng là 16.944m<sup>2</sup>, được xây dựng 10 tòa nhà từ 2 đến 5 tầng và một số công trình cấp 4 phụ trợ. Bên cạnh đó, Nhà trường có 3 trường Mầm non thực hành với diện tích sử dụng khoảng 16.500 m<sup>2</sup> (Trường Mầm non Thực hành Hoa Hồng với diện tích gần 8.000m<sup>2</sup>, Trường Mầm non Thực hành Hoa Sen với diện tích gần 6.500m<sup>2</sup> và Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên nằm trong khuôn viên của Nhà trường với gần 2000m<sup>2</sup>). Tổng số phòng học của Nhà trường hiện có 177 phòng, với tổng diện tích là 14.250m<sup>2</sup>, trong đó có 51 phòng học giảng đường với diện tích là 2.708m<sup>2</sup>; 126 phòng học thực hành với diện tích 11.542m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ dạy và học như bàn ghế, âm thanh, ánh sáng, hệ thống máy tính, máy projector, máy cassette, mạng wifi, kết nối mạng LAN và internet phục vụ tốt cho việc dạy và học, bao gồm 7 phòng học thực hành tin học với tổng diện tích 425m<sup>2</sup>; 04 phòng thực hành âm nhạc có với tổng diện tích 100m<sup>2</sup>; 03

phòng thực hành mỹ thuật với diện tích 345m<sup>2</sup>; 01 phòng thực hành nghiệp vụ Giáo dục Mầm non với tổng diện tích 70m<sup>2</sup>, 2 phòng thực hành thư viện với tổng số diện tích 750m<sup>2</sup>, 13 phòng học ngoại ngữ với diện tích 633m<sup>2</sup>, 4 phòng thực hành dinh dưỡng với diện tích là 660m<sup>2</sup> và 5 hội trường đa năng dùng để thực hành nghiệp vụ nghề nghiệp với tổng diện tích 1207m<sup>2</sup>.

Thư viện có đầy đủ học liệu, bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo... phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo. Tính đến tháng 12/2022, về tài liệu truyền thống, Thư viện có khoảng 12.034 đầu sách với khoảng 99.325 cuốn sách, 32 loại báo và tạp chí, 60 tên đĩa VCD, CD tư liệu phục vụ đào tạo giáo viên, 655 tên tài liệu nội sinh gồm luận án, luận văn, khóa luận, đề tài nghiên cứu, tài liệu hội nghị hội thảo. Phục vụ cho ngành đào tạo Giáo dục Mầm non của Nhà trường, Thư viện có 98 tên giáo trình, với 11.980 bản, 290 tên tài liệu tham khảo, với 16.206 bản. Từ năm 2020, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 100 tên trong đó phần lớn là tài liệu nội sinh.

## **2. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá**

Hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục là một hoạt động đặc biệt quan trọng đã được quy định trong Luật giáo dục và Luật giáo dục Đại học. Nhà trường nhận thức vai trò và tầm quan trọng của hoạt động tự đánh giá nên đã triển khai hoạt động này từ rất sớm (năm 2008). Qua quá trình tự đánh giá, Trường CĐSPTU đã nhìn nhận lại tất cả các hoạt động trong Nhà trường, từ đó xác định những điểm mạnh, tồn tại và lập kế hoạch hành động để khắc phục, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Sứ mạng của Nhà trường được xác định rõ ràng và được công bố rộng rãi: *“Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học”*. Hằng năm, các mục tiêu của trường được bổ sung, điều chỉnh nhằm phù hợp với yêu cầu tình hình thực tiễn về phát triển các nguồn lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH. Tuy nhiên, việc nâng cấp trường thành trường đại học/học viện còn gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian tới, Trường sẽ tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết để có thể nâng cấp trường (Tiêu chuẩn 1).

Công tác tổ chức, cán bộ và quản lý được Nhà trường đặc biệt quan tâm, trong giai đoạn 2017 - 2022, Trường đã thực hiện Đề án tái cấu trúc và sắp xếp lại các đơn vị thuộc và trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị, đáp ứng những thay đổi của thực tiễn. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành đầy đủ các quy chế liên quan đến tổ chức và hoạt động của trường; quy chế tuyển dụng, sử dụng và đánh giá viên chức, người lao động; quy chế thi đua khen thưởng. Đầu mỗi năm học, các đơn vị đều tiến hành rà soát, điều chỉnh quy chế làm việc của đơn vị, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho mỗi thành viên trong đơn vị mình qua đó nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm và vai trò của mỗi cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, việc chưa thành lập được Hội đồng trường do những nguyên nhân khách quan cũng gây ra một số khó khăn trong quá trình hoạt động của Nhà trường (Tiêu chuẩn 2).

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo GD&ĐT và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã xây dựng đầy đủ chương trình đào tạo và đề cương chi tiết cho từng ngành học phù hợp với mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của trường, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu nguồn nhân lực ở địa phương. CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của từng ngành học, bậc học. Năm 2022, chương trình đào tạo ngành GDMN đạt chất lượng kiểm định với 86,05% tiêu chí đạt. Tuy nhiên, số chương trình được tiến hành kiểm định chất lượng chưa được nhiều, trong thời gian tới Trường sẽ cố gắng tiến hành đăng kí đánh giá ngoài một số chương trình thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp (Tiêu chuẩn 3).

Hoạt động đào tạo được Nhà trường đặc biệt quan tâm, tập trung nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Mọi hoạt động liên quan đến công tác đào tạo đều được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả bảo đảm tính khách quan, trung thực từ lúc tổ chức tuyển sinh tới lúc người học được nhận bằng tốt nghiệp. Trường đã có CSDL về hoạt động đào tạo, được bổ sung hằng năm và được lưu giữ an toàn đúng quy định. Trong giai đoạn 2017 - 2022, Trường đã thống nhất được cơ sở dữ liệu trong phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tin chỉ. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng để tiếp thu, điều chỉnh kịp thời trong quá trình tổ chức đào tạo. Đồng thời, Nhà trường không ngừng đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với tình hình thực tế và bảo đảm chất lượng đào tạo của Trường. Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của một số bên liên quan đến các

ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, việc khảo sát công tác tuyển sinh đôi lúc chưa thực sự hiệu quả cũng có những tác động nhất định đối với hoạt động tuyển sinh của Trường. Trong thời gian tới, Trường sẽ tích cực nghiên cứu, đổi mới phương thức nhằm thu thập được nhiều ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công việc (Tiêu chuẩn 4).

Cơ cấu tổ chức Nhà trường đúng theo Điều lệ trường cao đẳng và phù hợp điều kiện thực tế. Nhà trường có đội ngũ giảng viên được đào tạo đúng chuyên ngành, có bề dày kinh nghiệm về công tác giảng dạy, được thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường luôn quan tâm công tác tuyển dụng, luân chuyển vị trí công tác, bổ sung lực lượng giảng viên trẻ cho các ngành đào tạo. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng biện pháp đồng bộ trong công tác phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đào tạo của Nhà trường. Tuy nhiên, việc tuyển dụng bổ sung đội ngũ giảng viên gặp nhiều khó khăn do chính sách tinh giản biên chế bên cạnh việc Trường chưa có cơ chế tài chính để thu hút nhân tài ở một số vị trí cần tuyển dụng, việc đánh giá xếp loại viên chức, người lao động đôi lúc còn định tính. Trong thời gian tới, Trường sẽ xây dựng cơ chế để thu hút giảng viên chất lượng cao, đồng thời xây dựng quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động đảm bảo đánh giá chính xác hiệu quả công việc của mỗi cá nhân (Tiêu chuẩn 5).

Nhà trường luôn thực hiện phương châm lấy người học là trung tâm, mọi hoạt động của Nhà trường đều hướng tới bảo đảm lợi ích cho người học. Tất cả người học vào Trường đều được chào đón thân thiện, quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi. Người học luôn được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo; được hỗ trợ trong học tập, rèn luyện; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách; tạo cơ hội và môi trường lành mạnh để người học tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; kiểm tra đánh giá năng lực của người học tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo. Số lượng và chất lượng, tỉ lệ người học ra trường có việc làm cao; được các nhà tuyển dụng đón nhận. Tuy nhiên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho sinh viên chưa được tổ chức thường xuyên do ảnh hưởng của dịch Covid – 19, một số hoạt động chưa thực sự đi vào chiều sâu. Trong thời gian tới, Trường sẽ tăng cường đầu tư, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa dành cho sinh viên đảm bảo thiết thực, hiệu quả (Tiêu chuẩn 6).

Nhà trường có chủ trương rõ ràng, tạo điều kiện tốt và luôn khích lệ, tạo động lực để cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu



khoa học, phát huy sáng kiến qua nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện thực tế. Nhiều công trình nghiên cứu, tài liệu, giáo trình có ý nghĩa thực tiễn cao, phục vụ tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển công nghệ của Trường. Công tác hợp tác quốc tế được quan tâm, đóng góp vào sự phát triển chung của Trường. Tuy nhiên số lượng sinh viên tham gia NCKH chưa được nhiều là một hạn chế mà trong thời gian tới Nhà trường cần xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích động viên để tăng cường nội dung này (Tiêu chuẩn 7).

Nhà trường bảo đảm tốt các điều kiện về cơ sở trang thiết bị học tập, cơ sở vật chất, thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng thực hành, phòng đặc thù với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu của các chương trình đào tạo. Đặc biệt, Nhà trường có 3 trường Mầm non thực hành trực thuộc là nơi tổ chức các hoạt động thực hành thực tập cho học sinh sinh viên. Phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu được bố trí phù hợp, thuận tiện cho công tác quản lý và chuyên môn. Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí thiết yếu để tham khảo và học tập đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, hiện nay đang triển khai số hóa tài liệu và kết nối hệ thống thư viện mở tạo thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tra cứu học tập. Có đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu chương trình đào tạo. Tuy nhiên, hạn chế về diện tích dành cho khu tập luyện thể thao, vui chơi văn hóa, văn nghệ là một hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới (Tiêu chuẩn 8).

Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng nguyên tắc và quy định của Nhà nước, bảo đảm tính khoa học và tính khả thi, được điều chỉnh và bổ sung hằng năm để phù hợp với thực tiễn. Các nguồn lực tài chính của Nhà trường tương đối ổn định và đã đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như tăng cường cơ sở vật chất của Nhà trường. Công tác quản lý và điều hành hoạt động tài chính của Nhà trường được thực hiện nghiêm túc theo chế độ tài chính - kế toán hiện hành. Tuy nhiên, nguồn kinh phí dành cho học bổng khuyến khích học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học còn chưa được như kì vọng, nguồn thu nhập của Trường bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid - 19 và sự thay đổi một số mô hình đào tạo, dẫn đến ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động cũng như trích lập các quỹ của Trường. Trong thời

gian tới, Trường cần tập trung nghiên cứu, tìm các hoạt động nhằm tăng nguồn thu nhằm bảo đảm tốt hơn hoạt động tài chính của Trường (Tiêu chuẩn 9).

Nhà trường luôn duy trì mối quan hệ, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, địa phương, các cơ sở văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao; đã phát huy các hoạt động đoàn thể, hoạt động phong trào văn hóa xã hội cho người học; tạo cơ hội và môi trường tích cực, thuận lợi để người học thực hành, trải nghiệm bản thân; nhận thức được vai trò, ý nghĩa khi tham gia các hoạt động văn hóa xã hội, đóng góp cho cộng đồng. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến các cơ sở văn hóa và chất lượng tổ chức các hoạt động chưa được tổ chức thường xuyên. Trong thời gian tới, Trường sẽ tích cực, chủ động lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên và các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa giữa Trường và chính quyền địa phương (Tiêu chuẩn 10).

### **3. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá**

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá bao gồm 5 phần:

- Phần I: Đặt vấn đề tự đánh giá Nhà trường, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá.

- Phần II: Tổng quan chung về Nhà trường.

- Phần III: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá.

- Phần IV: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của Trường, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

- Phần V: Phụ lục theo Công văn số 528/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tìm thông tin, minh chứng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng; các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của báo cáo tập trung đánh giá 10 tiêu chuẩn gồm 55 tiêu chí theo quy định. Trong đó, tiêu chuẩn 1 (02 tiêu chí) tập trung đánh giá Sứ

mạng và mục tiêu của trường; tiêu chuẩn 2 (09 tiêu chí) và tiêu chuẩn 5 (07 tiêu chí) đánh giá về công tác tổ chức, nhân sự và quản lý; tiêu chuẩn 3 (06 tiêu chí) và tiêu chuẩn 4 (09 tiêu chí) đánh giá các chương trình đào tạo và các hoạt động tổ chức đào tạo trong Nhà trường; tiêu chuẩn 6 (04 tiêu chí) đánh giá các nội dung liên quan đến người học; tiêu chuẩn 7 (05 tiêu chí) đánh giá nội dung Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; tiêu chuẩn 8 (08 tiêu chí) đánh giá về Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác phục vụ hoạt động của Nhà trường; tiêu chuẩn 9 (03 tiêu chí) tập trung vào công tác tài chính và quản lý tài chính của Trường; tiêu chuẩn 10 (02 tiêu chí) thể hiện mối quan hệ giữa Nhà trường và xã hội.

**Phương pháp mã hóa minh chứng:** Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí

Ví dụ:

[H01.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

[H10.03.02.15]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 10.

## PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

### Tiêu chuẩn 1

#### SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG

##### Mở đầu

Trường CĐSPTU đã xác định cụ thể sứ mạng và mục tiêu, nội dung sứ mạng của Nhà trường rõ ràng và có sự điều chỉnh để cho phù hợp với các nhiệm vụ mới, với sự thay đổi về nguồn lực của Nhà trường, với nhu cầu mới về sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

Nhà trường luôn coi trọng việc xác định sứ mạng cần rõ ràng và mục tiêu phải phù hợp với từng giai đoạn trong quá trình phát triển và đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, luôn quan tâm đến việc xây dựng các mục tiêu trung hạn, dài hạn nhằm từng bước nâng cao các nguồn lực của Nhà trường cả về lượng và chất.

Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và lĩnh vực đào tạo nói riêng, mục tiêu của Trường CĐSPTU là đổi mới có hiệu quả công tác đào tạo các ngành sư phạm và các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp, từng bước đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

***Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định, được công bố công khai, có nội dung rõ ràng; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.***

##### 1. Mô tả

Trường CĐSPTU đã xác định và tuyên bố công khai về sứ mạng. Nội dung sứ mạng của Nhà trường rõ ràng và có sự điều chỉnh để cho phù hợp với các nhiệm vụ mới, với sự thay đổi về nguồn lực của Nhà trường, với nhu cầu mới về sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành. Cụ thể như:

Năm 2018, trong Kỷ yếu "30 năm thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương", Trường xác định và tuyên bố sứ mạng là: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương không ngừng phấn đấu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao bậc học cao đẳng có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu xã hội, hội nhập quốc tế, đặc biệt là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên gia cho ngành giáo dục mầm non, giáo dục đặc biệt [H1.01.01.01].

Năm 2019, Trường ban hành Quyết định số 862/QĐ-CĐSPTW ngày 02/12/2019 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường

CĐSPTU, trong đó nêu rõ sứ mạng của Trường là: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương không ngừng phấn đấu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu xã hội, hội nhập quốc tế, đặc biệt là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên gia cho ngành giáo dục mầm non, giáo dục đặc biệt [H1.01.01.02].

Năm 2020, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường CĐSPTU lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: Xây dựng Trường CĐSPTU trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội; đào tạo nguồn nhân lực một số ngành thuộc giáo dục nghề nghiệp có phẩm chất, năng lực đạt chuẩn kiến thức, trình độ trong khu vực và trên thế giới đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế [H1.01.01.03].

Năm 2021, Trường ban hành Quyết định số 480/QĐ-CĐSPTU, ngày 27/8/2021 về ban hành Sứ mạng, tầm nhìn, và mục tiêu giáo dục của Nhà trường, trong đó nêu rõ sứ mạng của Trường là: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học [H1.01.01.04].

Nội dung sứ mạng của Trường được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Trường (<http://cdsptw.edu.vn/content.aspx?sitepageid=715>) và in trên pano khổ lớn đặt tại cổng trường [H1.01.01.05].

Những sự thay đổi về sứ mạng, mục tiêu trên cho thấy sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Nhà trường. Trong những năm trở lại đây, Nhà trường luôn chú trọng tới chất lượng đào tạo, chất lượng đầu ra của sinh viên phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành.

Nội dung sứ mạng thể hiện sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường được quy định tại Nghị định số 93/HĐBT ngày 28/5/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm - Nhà trẻ Mẫu giáo Trung ương I; Quyết định số 509/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm - Nhà trẻ Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương [H1.01.01.06]; Quyết định số 862/QĐ-CĐSPTW ngày

02/12/2019 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐSPTU, đó là: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương có nhiệm vụ: đào tạo và bồi dưỡng giáo viên có trình độ cao đẳng cho giáo dục mầm non và các trường chuyên biệt; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn một số chuyên ngành khác: nghệ thuật, nhân văn, thông tin - thư viện, dịch vụ xã hội, quản lý giáo dục..; nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội [H1.01.01.02].

Nội dung sứ mạng cũng đã thể hiện sự phù hợp với nguồn lực của Nhà trường. Về nhân sự, Trường hiện tại có: 01 PGS.TS, 20 Tiến sĩ, 193 Thạc sĩ, 189 trình độ Đại học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Trường ; Cơ sở vật chất vật chất được bảo đảm; Hiện nay Trường đang triển khai tổ chức đào tạo 11 chương trình cao đẳng (01 chương trình cao đẳng GDMN và 10 chương trình cao đẳng thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp) đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội [H1.01.01.07]. Về định hướng phát triển Nhà trường được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường CĐSPTU lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 [H1.01.01.03] và tại chiến lược phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-CĐSPTU ngày 15/3/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐSPTU [H1.01.01.08].

Nội dung sứ mạng của Nhà trường phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của các ngành, đặc biệt là của ngành giáo dục. Cụ thể, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 nêu rõ mục tiêu tổng quát: "Đến năm 2020, nền giáo dục nước ta được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức; bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập." [H1.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Sứ mạng của Nhà trường đã được xác định và tuyên bố chính thức, công khai. Nội dung sứ mạng rõ ràng, có sự điều chỉnh; thể hiện rõ đặc thù cũng như thế mạnh của Trường trong đào tạo giáo viên mầm non và giáo viên chuyên biệt

chất lượng cao; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới, với các nguồn lực của Nhà trường, với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

### **3. Tồn tại**

Hình thức công khai sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường chưa thực sự đa dạng, phong phú.

### **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh sứ mạng cho phù hợp với thực tiễn và chiến lược phát triển của Nhà trường trong tình hình mới.

Sứ mạng của Nhà trường được công khai theo nhiều hình thức khác nhau như: Tổ chức Hội thảo, thông tin trên báo chí, thông qua các trang mạng xã hội, poster...

Định kỳ tổ chức lấy ý kiến đội ngũ cán bộ chủ chốt về sứ mạng và xây dựng, ban hành chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2023 - 2028, làm rõ nguồn lực thực hiện sứ mạng.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

*Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường cao đẳng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung điều chỉnh và được triển khai thực hiện.*

#### **1. Mô tả**

Mục tiêu của Trường CĐSPTU đã được xác định và thể hiện rõ trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ IX nhiệm kỳ 2020 - 2025; trong đó, mục tiêu tổng quát được xác định là “Tiếp tục xây dựng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội”, mục tiêu đào tạo được xác định là “đào tạo nguồn nhân lực một số ngành thuộc giáo dục nghề nghiệp có phẩm chất, năng lực đạt chuẩn kiến thức, trình độ trong khu vực và trên thế giới đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế” [H1.01.02.01].

Từ mục tiêu tổng quát, Nhà trường đã xác định mục tiêu cụ thể và công bố trên trang thông tin điện tử của Trường là: “Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế” [H1.01.01.04]. Điều này thể hiện rõ hai lĩnh vực hoạt động

của Nhà trường là đào tạo và nghiên cứu khoa học; trong đó, đã xác định rõ mục tiêu đào tạo của Trường là đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ có phẩm chất và năng lực đáp ứng nhu cầu đa dạng về nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nội dung này phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại điểm c, Điều 4 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 “Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc” [H1.01.02.02] và Điều 36 Luật Giáo dục năm 2019 “Giáo dục nghề nghiệp nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học trình độ cao hơn” [H1.01.02.03]. Nội dung này đã thể hiện rõ sự phù hợp với sứ mạng đã được tuyên bố của Nhà trường.

Mục tiêu của Nhà trường đã được định kỳ rà soát, bổ sung điều chỉnh và triển khai thực hiện. Cụ thể, giai đoạn 2016 - 2020, mục tiêu của Nhà trường đã được cụ thể hóa trong Phương hướng nhiệm vụ năm học từng năm [H1.01.02.04], được xây dựng trên cơ sở mục tiêu của từng đơn vị thuộc, trực thuộc Nhà trường trên các lĩnh vực hoạt động khác nhau.

Để trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non chất lượng cao, trước tiên Nhà trường phải khẳng định chương trình đào tạo chính quy ngành giáo dục mầm non đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khẳng định được vị thế trọng điểm, uy tín trong hệ thống các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non trên cả nước. Điều này đã được chứng minh thông qua kết quả của đoàn đánh giá của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, với kết quả đánh giá đạt 86.05%, chương trình đào tạo của Nhà trường được công nhận đạt kết quả kiểm định chất lượng theo Quyết định số 183/QĐ-KĐCL ngày 26/3/2022 [H1.01.02.05].

Chính vì vậy, giai đoạn 2020 - 2025, mục tiêu đào tạo của Nhà trường được xác định chi tiết, cụ thể và thể hiện rõ trong các chương trình đào tạo và chuẩn



đầu ra của các chương trình đó. Điều này khác với mục tiêu đưa ra trong giai đoạn trước, thay vì đưa vào phương hướng nhiệm vụ năm học của từng đơn vị, giai đoạn này mục tiêu được cụ thể hóa vào từng chương trình đào tạo (GDMN và GDNN). Trong mục tiêu đào tạo của mỗi chương trình đào tạo đều xác định rõ những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất mà người học cần đạt được sau khi được đào tạo. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh vào năm 2019 và năm 2021 cho phù hợp với thay đổi của Luật Giáo dục mới và dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, các cơ sở thực tập [H1.01.02.06].

Với phương châm lý thuyết đi đôi với thực hành, 03 trường mầm non thực hành của Nhà trường là cơ sở chính phục vụ công tác thực hành thực tập cho giảng viên, sinh viên. Hằng năm, sinh viên được tham dự các đợt thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp với thời gian đủ để thực hành, nắm vững các hoạt động chăm sóc, nuôi dạy trẻ. SV của trường được các cô giáo mầm non tại trường trực tiếp hướng dẫn, rèn luyện tay nghề.

Để khích lệ giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy, hằng năm, các trường MNTH trực thuộc trường tổ chức các buổi thao giảng, thi giáo viên giỏi nhằm phát triển năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu xã hội [H1.01.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu phát triển của Trường CĐSPTU đã được xác định rõ ràng, công bố chính thức và công khai; phù hợp với sứ mạng đã được tuyên bố của Nhà trường.

Trong đó, mục tiêu đào tạo của Nhà trường phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và đã được rà soát, điều chỉnh. Mục tiêu đào tạo của Nhà trường đã thể hiện rõ trọng tâm là đào tạo giáo viên mầm non chất lượng cao.

## **3. Tồn tại**

Nhà trường chưa thực hiện được mục tiêu phát triển trường thành Đại học/Học viện Giáo dục Mầm non.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục thực hiện mục tiêu phát triển, định kỳ rà soát, bổ sung điều chỉnh và được triển khai thực hiện, trong đó ưu tiên mục tiêu phát triển trường thành trường Đại học hoặc Học viện.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

## **Kết luận tiêu chuẩn 1**

Trường CĐSPTU đã xác định rõ ràng sứ mạng và mục tiêu của Trường trên cơ sở chức năng nhiệm vụ đã được Bộ GD và ĐT giao.

Nhà trường luôn chú trọng tới việc thực hiện các nhiệm vụ bám sát mục tiêu đã đề ra. Mục tiêu của Nhà trường được bổ sung, điều chỉnh nhằm phù hợp với yêu cầu tình hình thực tiễn về phát triển các nguồn lực đáp ứng nhu cầu xã hội phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Trong các năm tiếp theo, tiếp tục thực hiện mục tiêu phát triển Nhà trường, định kỳ rà soát, bổ sung điều chỉnh và triển khai thực hiện. Trong đó, ưu tiên mục tiêu phát triển trường thành trường Cao đẳng đào tạo GVMN chất lượng cao đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của xã hội hiện nay.

## **Tiêu chuẩn 2**

### **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ**

#### **Mở đầu**

Cơ cấu tổ chức của Trường CĐSPTU được xây dựng dựa trên các quy định của Điều lệ trường cao đẳng và được cụ thể hóa trong Nhà trường với đầy đủ các quy chế, quy định về tổ chức hoạt động từ cấp đơn vị đến cấp trường theo đúng quy định của pháp luật.

Để phù hợp với thực tiễn hoạt động của Nhà trường, các quy chế, quy định thường xuyên được lãnh đạo Trường quan tâm, chỉ đạo rà soát, điều chỉnh bổ sung, cập nhật những văn bản mới và ban hành kịp thời. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên và văn bản do Trường xây dựng đều được phổ biến rộng rãi, công khai đến các đơn vị, các cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên thông qua nhiều hình thức khác nhau như họp giao ban, hội nghị, tập huấn triển khai, niêm yết ở các bảng thông báo chung và trên trang thông tin điện tử. Hệ thống các văn bản này là căn cứ để các đơn vị và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách chủ động, sáng tạo trên cơ sở xây dựng kế hoạch và xác định các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao các mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

*Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường cao đẳng được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.*

## 1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo Mục 1, Mục 2 - Chương II của Điều lệ Trường cao đẳng [H2.02.01.01] và được thể chế hóa bằng quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CDSPTU được ban hành kèm theo Quyết định số 862/QĐ-CDSPTW ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường CDSPTU [H2.01.01.02].

Năm 2019, Trường thực hiện tổ chức sắp xếp lại các đơn vị thuộc, trực thuộc theo Đề án số 122/ĐA-CDSPTW ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường CDSPTU [H2.02.01.02]. Hiện nay, Nhà trường có 20 đơn vị thuộc, trực thuộc, trong đó có 05 khoa đào tạo (Giáo dục đại cương, Giáo dục mầm non, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp); 08 phòng chức năng (Tổ chức - Hành chính, Quản lý đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Quản trị - Thiết bị, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Thông tin - Truyền thông, Công tác học sinh, sinh viên, Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế); 04 trung tâm phục vụ ứng dụng và đào tạo (Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Nghiên cứu thiết bị dạy học và học liệu cho Giáo dục mầm non và Trẻ khuyết tật, Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng kiến thức); 03 trường Mầm non thực hành (Trường MNTH Hoa Sen, Trường MN thực nghiệm Hoa Hồng, Trường MNTH Hoa Thủy Tiên); Các tổ chức đoàn thể: Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội sinh viên.

Các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong Nhà trường hoạt động và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp, pháp luật, điều lệ và các quy định hiện hành. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường đã có quyết định ban hành và được sửa đổi, bổ sung căn cứ theo thực tế và công bố trên trang thông tin điện tử <http://cdsptw.edu.vn/content.aspx?sitepageid=570> [H2.02.01.03].

Năm 2022, Nhà trường tiếp tục xây dựng Đề án tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị thuộc, trực thuộc trường giai đoạn 2022-2023 đã gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo chờ phê duyệt [H2.02.01.04], nội dung trọng tâm là xây dựng bộ máy hoạt động của Nhà trường tinh gọn, linh hoạt; tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; Nhà trường đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo phương án giải thể Trung tâm Nghiên cứu thiết bị dạy học và học liệu cho Giáo dục mầm non và trẻ khuyết tật do nhiều năm hoạt động không hiệu quả; sáp nhập chức năng, nhiệm

vụ của Trung tâm trên vào phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế nhằm tăng cường hoạt động kết nối từ việc nghiên cứu khoa học đến chuyển giao ứng dụng trong thực tế hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường.

Nhà trường phân công trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của từng cá nhân trong Ban Giám hiệu được quy định rõ ràng từng năm [H2.02.01.05]. Mặt khác, Nhà trường cũng ra những văn bản cụ thể quy định chức năng nhiệm vụ của hệ thống quản lý chính quyền trong Trường, phân công nhiệm vụ cụ thể từng năm của lãnh đạo Trường đến từng đơn vị và có sự rà soát điều chỉnh nhiệm vụ của các đơn vị phù hợp với tình hình mới.

Ngoài ra, Trường Cao đẳng đã xây dựng khung danh mục vị trí việc làm và được Bộ GD&ĐT phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019. Căn cứ vào danh mục đã được phê duyệt, Nhà trường đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực các vị trí việc làm tại Đề án số 438/ĐA-CĐSPTW ngày 10/11/2020. Trong Đề án, Nhà trường nêu rõ từng vị trí việc làm cụ thể của các đơn vị trong toàn Trường [H2.02.01.06].

Hiện nay, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tư vấn và các hội đồng khác đã được thành lập, kiện toàn và hoạt động theo quy định. Năm 2020, Nhà trường đã xây dựng Đề án số 398/ĐA-CĐSPTW ngày 19/10/2020 về việc thành lập Hội đồng trường Trường CĐSPTU, nhiệm kỳ 2020 - 2025 [H2.02.01.07]. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Nhà trường gặp nhiều vướng mắc khi áp dụng các văn bản hướng dẫn. Một là, Nhà trường là đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng có một số mã ngành đào tạo thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý nên khi xây dựng Đề án thành lập Hội đồng trường phải căn cứ theo Luật Giáo dục Đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, đối với Luật Giáo dục Đại học, trường lại không đúng đối tượng áp dụng sau khi Luật được sửa đổi bổ sung năm 2019. Hai là, chưa nhận được phê duyệt danh sách quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường; được điều chỉnh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ trong từng giai đoạn nhằm xây dựng và hoàn thiện quy mô của Nhà trường xứng tầm với sứ mạng, mục tiêu.

Cơ cấu tổ chức của Trường đã có tác động tích cực, góp phần nâng cao kết quả, hiệu quả hoạt động ở các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

### **3. Tồn tại**

Chưa thành lập được Hội đồng trường do các nguyên nhân khách quan.

### **4. Kế hoạch hành động**

Ngay sau khi Điều lệ trường cao đẳng sư phạm công lập được ban hành, Nhà trường sẽ xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động và thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường, tiếp tục sắp xếp và hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhằm đáp ứng các nhiệm vụ được giao, bổ sung các văn bản, quy định cho phù hợp với thực tiễn phát triển của Nhà trường

### **5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 2.2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.***

#### **1. Mô tả**

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng Trường CĐSPTU đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 11, 12 Điều lệ Trường cao đẳng [H2.02.02.01].

Trong nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2018-2023, Nhà trường đã thực hiện quy trình bổ nhiệm 02 Phó Hiệu trưởng đúng trình tự theo quy định, trong năm 2019 và năm 2021 [H2.02.02.02].

Ban Giám hiệu Nhà trường gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng, năm sinh của Hiệu trưởng (1965), Phó Hiệu trưởng (1970 và 1976). Lãnh đạo Trường đều là các giảng viên uy tín, có thâm niên giảng dạy từ 18 năm đến 25 năm, thâm niên quản lý trên 16 năm, đảm nhiệm qua nhiều chức vụ lãnh đạo tại các Khoa chuyên môn, các Trung tâm ứng dụng vì vậy có bề dày kinh nghiệm quản lý giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ Cao cấp lý luận chính trị, có chứng chỉ bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao (Tiến sĩ) và có sức khỏe tốt để đảm nhận công tác quản lý [H2.02.02.03].

Ban Giám hiệu thực hiện các chức năng, quyền hạn và trách nhiệm theo quyết định phân công công tác hằng năm: Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Trường cao đẳng; các Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công, được sử dụng quyền hạn của

Hiệu trưởng khi được ủy quyền để giải quyết các công việc, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hiệu trưởng về các quyết định của mình. Phân công công tác cụ thể của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được quy định trong quyết định phân công công tác Ban Giám hiệu từng năm học [H2.02.01.05].

Năm 2022, thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch các chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025 - 2030 [H2.02.02.04] nhân sự đưa vào quy hoạch được lựa chọn từ nguồn cán bộ quản lý chất lượng trong Nhà trường.

Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, xếp loại đảng viên hằng năm đạt loại hoàn thành tốt trở lên [H2.02.02.05].

Từ những kết quả lãnh đạo đạt được, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được khen thưởng của các cấp về hoạt động trong nhiệm kỳ công tác như Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng Bộ các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, BCH Đảng bộ Hà Nội... [H2.02.02.06].

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có uy tín, năng lực phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ, kinh nghiệm quản lý giáo dục vững vàng, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

Việc phân công chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ rõ ràng trong lãnh đạo Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

## **3. Tồn tại**

Việc lãnh đạo, chỉ đạo một số mặt công tác của trường đôi lúc còn chưa đồng đều, chưa khai thác hết những điểm mạnh của nguồn lực, nhân lực trong trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong thời gian tới, Nhà trường đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung 01 Phó Hiệu trưởng theo đúng tỉ lệ số lượng cấp phó quy định tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nguồn cán bộ trẻ, có năng lực, đủ tiêu chuẩn vào nguồn quy hoạch Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhằm kiện toàn bộ máy và bảo đảm tính kế thừa.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.**

***Tiêu chí 2.3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường có đủ thành phần và thực hiện được chức năng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.***

### **1. Mô tả**

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường được thành lập theo đúng quy định tại Điều 13 của Điều lệ Trường cao đẳng [H2.02.02.01]. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương gồm 15 thành viên, gồm: Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế, phòng Quản lý đào tạo và Trưởng của một số khoa, phòng, trung tâm trong Trường và đại diện giảng viên có học vị tiến sĩ. Các thành viên trong Hội đồng đều có trình độ đào tạo từ Thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý giáo dục [H2.02.03.01]. Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã bầu Chủ tịch Hội đồng theo quy định tại Điều lệ Trường cao đẳng [H2.02.03.02].

Chức năng nhiệm vụ chính của Hội đồng Khoa học và Đào tạo: tư vấn với Hiệu trưởng về: Xây dựng và sửa đổi các quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo và được quy định chi tiết trong Điều 25 của quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H2.02.01.02].

Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành họp vào tháng 6 và tháng 12 hằng năm hoặc thời gian khác đột xuất do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên của Hội đồng biểu quyết tán thành. Biên bản của cuộc họp phải được trình Hiệu trưởng trong thời hạn 03 làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp. [H2.02.03.03].

Trong các cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã đề xuất về chỉnh sửa chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội: Chương trình GDMN theo hướng một chương trình chung và 7 chương trình chuyên ngành với chuẩn đầu ra là GVMN có năng lực chuyên sâu trong các lĩnh vực như: Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục đặc biệt, Công nghệ thông tin, Các phương pháp giáo dục tiên tiến (Montessori, Steam...), Công tác xã hội. Hội đồng cũng bàn về chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2019 - 2025 và 2025 - 2030 làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển Trường.

## **2. Điểm mạnh**

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường bảo đảm đủ thành phần, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Trường cao đẳng; hoạt động theo quy định tại quy chế tổ chức hoạt động của Trường. Hội đồng đã tư vấn hoạch định chiến lược phát triển các lĩnh vực hoạt động: đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

## **3. Tồn tại**

Hội đồng Khoa học và Đào tạo chưa phát huy được hết năng lực của các nhà khoa học, các giảng viên có chuyên môn sâu thuộc các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục cải tiến hoạt động của Hội đồng khoa học và Đào tạo để phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường

Có các chế độ khuyến khích viên chức, người lao động hành chính trong công tác nghiên cứu khoa học.

## **5. TỰ ĐÁNH GIÁ: Đạt yêu cầu tiêu chí**

*Tiêu chí 2.4. Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu của trường, có cơ cấu và nhiệm vụ theo quy định.*

### **1. Mô tả**

Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của tại quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H1.01.01.02]. Các nhiệm vụ không có sự chồng chéo, mâu thuẫn trong quá trình hoạt động mà còn có tính hiệu quả trong việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chung của Nhà trường.

Việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Nhà trường thường xuyên được kiểm tra, rà soát và có sự cơ cấu lại cho hợp lí. Năm 2019, Nhà trường thực hiện tổ chức sắp xếp lại các đơn vị thuộc, trực thuộc theo Đề án số 122/ĐA-CĐSPTW ngày 25 tháng 3 năm 2019, tiến hành giảm 07 đơn vị đầu mối so với trước khi thực hiện Đề án [H2.02.01.02], thay đổi cụ thể như sau:

- Giải thể các đơn vị: Trung tâm Bồi dưỡng Kiến thức - Ngoại ngữ - Tin học; Khoa Xã hội và Nhân văn; Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, Khoa Giáo dục đặc biệt, Ban Thanh tra giáo dục;



- Sáp nhập Phòng Bảo vệ vào Phòng Quản trị Thiết bị, Ban quản lý Ký túc xá vào Phòng Công tác học sinh, sinh viên, Khoa Quản lý - Văn thư vào Khoa Công nghệ Thông tin thành Khoa Công nghệ Thông - Giáo dục nghề nghiệp.

- Hợp nhất: phòng Tổ chức cán bộ và phòng Hành chính - Tổng hợp thành phòng Tổ chức - Hành chính, hợp nhất khoa Âm nhạc và Mỹ thuật thành khoa Nghệ thuật;

- Đổi tên một số đơn vị: Phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác quốc tế thành Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế; Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục đặc biệt thành Trung tâm Hỗ trợ Phát triển giáo dục hòa nhập; Khoa Cơ bản thành Khoa Giáo dục đại cương;

- Thành lập mới: Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng kiến thức; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Thông tin - Truyền thông.

Hiện tại, Nhà trường có 11 tổ bộ môn thuộc các khoa: Khoa Giáo dục mầm non có 03 tổ bộ môn: Giáo dục thể chất cho trẻ em, Tâm lý giáo dục, Giáo dục trí tuệ; Khoa Giáo dục đại cương có 02 tổ bộ môn: Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất - Giáo dục pháp luật; Khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp có 04 tổ bộ môn: Tin học, Giáo dục nghề nghiệp, Công tác xã hội, Giáo dục đặc biệt; Khoa Nghệ thuật có 02 tổ bộ môn: Âm nhạc và múa, Mỹ thuật.

Sau khi sắp xếp giảm được 04 khoa, 02 phòng ban chức năng, 01 trung tâm đào tạo. Chính việc tổ chức sắp xếp lại bộ máy đã tạo nguồn cán bộ dồi dào, từ đó lựa chọn được cán bộ tốt giúp cho việc chỉ đạo, điều hành càng được phát huy mạnh mẽ, thúc đẩy việc mở rộng quy quy mô và các hoạt động của Nhà trường [H2.02.04.01].

Đội ngũ lãnh đạo các Phòng, Khoa [H2.02.04.02] được bổ nhiệm theo đúng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại chế Độ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường CDSPTU. Từ năm 2017 đến năm 2022, Nhà trường có 132 lượt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao nhiệm vụ quản lý, kéo dài thời gian giữ chức vụ các vị trí từ Phó trưởng bộ môn đến Phó Hiệu trưởng. Độ tuổi của viên chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại từ 33 tuổi đến 58 tuổi, trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí quản lý được bổ nhiệm [H2.02.04.03].

Việc tổ chức sắp xếp làm giảm được đầu mối đơn vị có cùng chức năng, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; khai thác phát huy có hiệu quả các nguồn lực hiện có; nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, tập trung đào tạo

các ngành nghề trọng điểm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ tốt cho nhu cầu của xã hội.

## **2. Điểm mạnh**

Các phòng, ban, khoa và các bộ môn trực thuộc có cơ cấu tổ chức phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chức năng nhiệm vụ của Nhà trường, luôn có sự điều chỉnh kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

## **3. Tồn tại**

Việc sáp nhập, hợp nhất, thành lập mới lại các đơn vị trong Nhà trường dẫn đến khối lượng công việc tại các đơn vị lớn, nhân sự được điều chuyển mới nhiều, vì vậy cần có thời gian để nắm bắt công việc được giao.

## **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường tiếp tục xây dựng bộ máy hoạt động tinh gọn, linh hoạt tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động; phát huy được vai trò của mỗi cá nhân và đơn vị.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 2.5. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các cơ sở thực hành, nghiên cứu khoa học của trường được thành lập và hoạt động theo quy định.***

### **1. Mô tả**

Nhà trường có 04 tổ chức nghiên cứu và 03 cơ sở thực hành, gồm: 4 Trung tâm (Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng kiến thức, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Nghiên cứu thiết bị dạy học và học liệu cho giáo dục mầm non và trẻ khuyết tật) và 3 trường MNTN (Trường MNTN Hoa Sen, Trường MN thực nghiệm Hoa Hồng, Trường MNTN Hoa Thủy Tiên) [H2.02.05.01]. Các trung tâm và trường thực hành được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều 18,19 Điều lệ trường cao đẳng và được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H1.01.01.02]. Hằng năm, các trung tâm, các trường MNTN trực thuộc Trường, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm và phân công nhiệm vụ tới các bộ phận, nhân sự trong đơn vị [H2.02.05.02].

Trường CĐSPTƯ có bề dày, thế mạnh về đào tạo giáo viên mầm non, vì thế các trường MNTN là cơ sở thực hành thực tập, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, Nhà trường đã phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội thiết lập một mạng lưới các

cơ sở thực hành thực tập [H2.02.05.03]. Các trường MNTH là cơ sở ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của đơn vị, giảng viên trong trường. Giáo viên các trường MNTH cũng tham gia nghiên cứu nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường; hoạt động đã được triển khai đúng thời gian, quy trình, thủ tục. Sản phẩm nghiên cứu khoa học của Nhà trường đã được ứng dụng tại các trường MNTH và đó là cơ sở thực tiễn phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên trong Nhà trường. Điển hình như xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn cho trẻ làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non vào năm 2018 của Tiến sĩ Nguyễn Thị Thanh; thiết kế các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi của Tiến sĩ Nguyễn Thị Hồng Vân thực hiện năm 2018; Ứng dụng phương pháp Montessori trong việc tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ 4 - 5 tuổi của Thạc sĩ Vũ Thị Hà đều được đưa vào ứng dụng trong dạy học của 03 trường MNTH.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng rất quan tâm đến việc thành lập và phát triển các trung tâm nghiên cứu phát triển ứng dụng đào tạo, kết quả hoạt động của các trung tâm được thể hiện trong báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ các năm học [H2.02.05.04].

Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng kiến thức xây dựng các chương trình bồi dưỡng bắt kịp với xu thế và nhu cầu của xã hội như là các chương trình bồi dưỡng các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến như: Phương pháp giáo dục Montessori, Reggio Emilia, Steam...; Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; Các chương trình thuộc ngành giáo dục đặc biệt, âm nhạc, nghệ thuật... với tổng số các khóa đào tạo lên đến gần 200 khóa học và khoảng 11.000 học viên lượt đăng kí tham gia; góp phần nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, giáo viên mầm non toàn quốc, nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, giảng viên, viên chức của Nhà trường.

Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập triển khai các hoạt động cung cấp dịch vụ can thiệp sớm và hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; hướng dẫn thực hành, thực tập cho SV các ngành đào tạo của Trường; tổ chức các lớp phổ thông học bằng ngôn ngữ kí hiệu cho người điếc từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông. Trung tâm đã nhận can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật cả hai hình thức bán trú và bán thời gian. Tổ chức thực hiện kế hoạch năm học các lớp phổ thông học bằng ngôn ngữ kí hiệu cho người điếc theo đúng kế hoạch. Các cán bộ, giảng viên của Trung tâm cũng nghiên cứu, biên soạn, biên dịch tài liệu

phục vụ công tác can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật. Hằng năm, Trung tâm tổ chức nhiều đợt tư vấn, tập huấn cho phụ huynh, SV, GVMN, nhân viên các trung tâm giáo dục khuyết tật... của thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố phía Bắc.

Trung tâm Nghiên cứu thiết bị dạy học và học liệu cho giáo dục mầm non và trẻ khuyết tật triển khai các hoạt động nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, tư vấn sử dụng thiết bị dạy học và học liệu cho giáo dục mầm non và trẻ khuyết tật; ký kết các hợp đồng tư vấn, cung cấp, thiết kế, lắp đặt thiết bị, đồ dùng, sắp đặt môi trường hoạt động của trẻ cho các tổ chức, cá nhân, trường mầm non có nhu cầu. Xây dựng các chương trình tập huấn - hướng dẫn sử dụng vật liệu xây dựng môi trường học tập theo hướng tiếp cận Reggio Emilia, Steam, Montessori.

Trung tâm Thông tin - Thư viện tổ chức thực hiện công tác thông tin thư viện, phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; tổ chức xử lý, sắp xếp, bảo quản và khai thác cơ sở vật chất, thiết bị, sách báo, giáo trình, tài liệu, sách giáo khoa, luận văn, luận án và các đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức phục vụ cán bộ, giảng viên, HSSV kịp thời, hiệu quả. Trung tâm triển khai lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, HSSV hằng năm để cải tiến chất lượng phục vụ [H2.02.05.05].

Hiệu quả hoạt động của Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng kiến thức thể hiện ở số liệu điều tra quả khảo sát học viên, được triển khai sau khi kết thúc mỗi khóa học. Trung tâm đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của 654 học viên, phiếu điều tra bao gồm các câu hỏi về nội dung của khóa học, về đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, về cách thức tổ chức lớp, về bảo đảm chất lượng theo từng khóa học... Kết quả thống kê thu được trên 96% học viên đánh giá tốt về nội dung chương trình bồi dưỡng có tính ứng dụng cao; giảng viên đáp ứng yêu cầu chuyên môn, trách nhiệm, nhiệt tình; cách thức tổ chức lớp khoa học, hiệu quả; ý kiến khác mong muốn được học thêm khóa bồi dưỡng khác của Trung tâm [H2.02.05.06].

## **2. Điểm mạnh**

Các trung tâm và trường MNTTH được thành lập và hoạt động đúng quy định, góp phần quan trọng giúp Nhà trường triển khai công tác đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

## **3. Tồn tại**

Có 01 trung tâm hạn chế về quy mô hoạt động, chưa phát huy hết năng lực, hoạt động không hiệu quả, phải sáp nhập theo Đề án tái cơ cấu tổ chức phù hợp với thực tế hiện nay của Nhà trường.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ nhằm mở rộng quy mô hoạt động của các trung tâm. Phát huy thế mạnh của 03 trung tâm và 03 trường MNTH để phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên trong Nhà trường.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí**

*Tiêu chí 2.6. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.*

##### **1. Mô tả**

Năm 2017, sau khi hoàn thành kiểm định chất lượng trường, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập mạng lưới bảo đảm chất lượng nội bộ gồm nhân sự tại các đơn vị trong toàn trường; Xây dựng Chiến lược và Kế hoạch phát triển Trường nhằm thực hiện chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường CĐSPТУ giai đoạn 2017 - 2022, tầm nhìn 2030 [H2.02.06.01]; Nhà trường xây dựng các Kế hoạch bảo đảm chất lượng theo từng năm học [H2.02.06.02], các kế hoạch được triển khai nghiêm túc và có báo cáo đầy đủ hằng năm [H2.02.06.03].

Năm 2019, kiện toàn bộ máy Nhà trường theo cơ cấu tổ chức mới, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục được thành lập theo Quyết định số 268/QĐ-CĐSPТW ngày 09/5/2019, chức năng nhiệm vụ của phòng được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động của trường, hoạt động của đơn vị nhằm hỗ trợ công tác đào tạo và cải tiến chất lượng giáo dục qua từng năm [H2.02.06.04].

Hằng năm, Nhà trường đều chọn, cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng bảo đảm chất lượng và đào tạo kiểm định viên. Hiện nay, Nhà trường có 01 giảng viên có thể kiểm định viên và 02 giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo kiểm định viên. Nhiều giảng viên và chuyên viên hoàn thành khóa tập huấn tự đánh giá cơ sở giáo dục, tự đánh giá CTĐT [H2.02.06.05].

Sau khi được thành lập, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đã tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai các công việc liên quan đến công tác bảo đảm chất lượng như: thành lập mạng lưới bảo đảm chất lượng nội bộ, gồm 47 thành viên, bao gồm Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Trưởng, Phó các đơn vị chịu trách nhiệm về các hoạt động BĐCL trong đơn vị, chuyên viên của các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường là đầu mối thực hiện các hoạt động BĐCL tại đơn vị. Nhân sự tham gia mạng lưới bảo đảm chất lượng là những người có kinh nghiệm và chuyên môn vững tại các đơn vị, thường xuyên hỗ trợ tích cực cho giảng viên, cán bộ quản lý duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo [H2.02.06.06]; thực hiện các hoạt động phản hồi về đào tạo và phục vụ đào tạo như đánh giá khóa học, đánh giá môn học, đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên theo từng học kỳ; Kết quả hoạt động được thể hiện trong báo cuối năm học [H2.02.06.07].

Để đánh giá hiệu quả của mạng lưới BĐCL nội bộ, phòng chức năng đã tiến hành lấy ý kiến khảo sát về công tác này. Kết quả điều tra thể hiện trong báo cáo thống kê số liệu năm 2022. Tuy nhiên hoạt động này chưa được làm thường xuyên do nhân sự tham gia mạng lưới có biến động qua từng năm do có sự luân chuyển vị trí công tác giữa các đơn vị trong Nhà trường [H2.02.06.08].

Ngoài công tác BĐCL nội bộ, Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng đến công tác kiểm định chất lượng CTĐT và nhận thấy đây là nhiệm vụ quan trọng của Trường trong chiến lược cải tiến chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, trong năm 2021, Nhà trường đã triển khai thành công hoạt động tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng chính quy với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, kết quả đánh giá đạt 86.05% và CTĐT của trường được công nhận đạt chuẩn chất lượng [H1.01.02.05].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục có trình độ chuyên môn phù hợp. Công tác tự đánh giá thường xuyên được triển khai, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình mới nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục trong Nhà trường.

## **3. Tồn tại**

Một số thành viên tham gia mạng lưới BĐCL chưa được tham gia tập huấn chuyên sâu về công tác bảo đảm chất lượng.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Xây dựng kế hoạch nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục.

Tiếp tục cử viên chức tham gia bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ bảo đảm chất lượng.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.**

**Tiêu chí 2.7. Tổ chức Đảng trong trường cao đẳng phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật**

##### **1. Mô tả**

Đảng bộ Trường CĐSPTU là tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội, có 18 chi bộ trực thuộc, 216 đảng viên, 06 đảng viên dự bị, trong đó có 165 đảng viên nữ. [H2.02.07.01].

Đảng bộ Nhà trường đã thể hiện vai trò lãnh đạo đối với mọi hoạt động của Nhà trường, triển khai đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương Đảng, Thành ủy Hà Nội và Đảng bộ khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong mọi hoạt động; chú trọng công tác kiểm tra đánh giá chất lượng đảng viên; quan tâm đến hoạt động phê bình và tự phê bình đối với việc thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo của tập thể Đảng ủy, Chi ủy và từng đảng viên tại các buổi sinh hoạt chi bộ, các hội nghị Ban Chấp hành Đảng ủy thường kì, cuối kì và cuối năm [H2.02.07.02].

Tổ chức Đảng đã duy trì tốt việc sinh hoạt định kì, đúng quy định, các Chi bộ luôn đổi mới hoạt động, thực sự là hạt nhân cho mọi hoạt động của trường và là trung tâm đoàn kết của mọi đoàn thể quần chúng; đồng thời tạo điều kiện cho các đoàn thể phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức hoạt động [H2.02.07.03].

Đảng ủy trường đã thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, qua đó đã xây dựng và chuẩn bị được đội ngũ cán bộ đồng bộ về cơ cấu và phù hợp về độ tuổi [H2.02.07.04].

Công tác phát triển Đảng, đặc biệt là phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên được coi trọng. Tính từ năm 2017 đến nay, Đảng bộ Nhà trường đã kết nạp được 85 đảng viên mới, bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho 243 quần chúng ưu tú [H2.02.07.05] [H2.02.07.06].

Ban Chấp hành Đảng bộ Trường nhiệm kì 2020 - 2025 được chuẩn y theo Quyết định của Đảng ủy khối các trường đại học cao đẳng Hà Nội bao gồm 9

đồng chí, đó là những đảng viên có năng lực lãnh đạo, có uy tín và trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Ban Chấp hành Đảng bộ có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, có kế hoạch cụ thể theo đường lối chủ trương của tổ chức Đảng cấp trên và căn cứ vào đặc điểm cụ thể của Trường. Nhiệm kỳ 2022-2025, Đảng ủy ra Quyết định chuẩn y chỉ ủy các chi bộ thuộc Đảng bộ Trường CĐSPTU [H2.02.07.07].

Đảng bộ Nhà trường đã triển khai hoạt động cụ thể đến từng chi bộ, từng đảng viên và quần chúng trong Trường, tạo nên sự đồng bộ, gắn kết giữa các cấp tổ chức Đảng và quần chúng, giúp Trường hoàn thành tốt sứ mạng, nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra [H2.02.07.08].

Đảng bộ Trường được Ban Tuyên giáo trung ương, Đảng ủy khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội khen thưởng trong công tác "Dân vận khéo", nhiều Chi bộ đạt chuẩn "Trong sạch vững mạnh tiêu biểu" [H2.02.07.09].

## **2. Điểm mạnh**

Đảng bộ Nhà trường hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, điều lệ và quy định của Đảng; phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động của chính quyền, các đoàn thể quần chúng; có tác dụng tích cực và hiệu quả trong việc thực hiện sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

## **3. Tồn tại**

Nội dung sinh hoạt chuyên đề của Đảng bộ chưa được đa dạng, phong phú và hấp dẫn.

## **4. Kế hoạch hành động**

Nâng cao vai trò của các đồng chí Đảng ủy viên phụ trách các chi bộ. Đảng ủy chỉ đạo các chi bộ tăng cường công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong đội cán bộ, viên chức, giảng viên và học sinh, sinh viên.

Chỉ đạo và giám sát các chi bộ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề có ý nghĩa thiết thực đến đời sống, yêu cầu công tác của đảng viên.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí**

***Tiêu chí 2.8. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường cao đẳng góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của pháp luật.***

### **1. Mô tả**

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường học góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và góp phần vào sự phát triển của Nhà trường. Ngay từ khi



thành lập, Trường CĐSPTU đã xây dựng các đoàn thể và tổ chức xã hội nhằm tạo môi trường dân chủ và bảo đảm quyền lợi cho toàn thể cán bộ, viên chức, giảng viên, học sinh, sinh viên. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đoàn TNCSHCM) và Hội Sinh viên đã phát huy tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ thông qua nhiều hoạt động phong phú, thiết thực góp phần thực hiện mục tiêu và nguyên lý giáo dục. Các tổ chức được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường.

Công đoàn Nhà trường đã triển khai các nhiệm vụ theo đúng điều lệ của tổ chức. 100% cán bộ, viên chức và người lao động được tham gia tổ chức công đoàn, với 20 công đoàn bộ phận. Công đoàn đã làm tốt các hoạt động chăm lo, hỗ trợ công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, phối hợp các đơn vị quan tâm động viên công đoàn viên trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài. Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công đoàn và công tác thông tin hai chiều được bảo đảm việc cập nhật các văn bản chỉ đạo của Công đoàn cấp trên. Các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thu hút đông đảo công đoàn viên tham gia, tạo hứng khởi và động lực để xây dựng tập thể đoàn kết, phát triển [H2.02.08.01]. Công đoàn trường được khen thưởng hằng năm của Công đoàn giáo dục Việt Nam [H2.02.08.02].

Đoàn TNCSHCM Nhà trường là lực lượng trẻ, đầy nhiệt huyết, năng động, sáng tạo. Đây là một trong những lực lượng quan trọng thực hiện những nhiệm vụ mục tiêu, hoàn thành sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường và là lực lượng nòng cốt để phát triển giáo dục, xây dựng Nhà trường trong tương lai. Thực hiện Nghị quyết của Thành ủy về công tác thanh niên, Đoàn TNCSHCM Nhà trường đã xây dựng nhiều mô hình như: Câu lạc bộ, tham gia chiến dịch thanh niên tình nguyện hè tại chỗ và vùng sâu vùng xa thu hút được lực lượng đông đảo sinh viên tham gia. Đoàn TNCSHCM Nhà trường luôn bám sát những chủ trương của Trung ương Đoàn và Thành Đoàn Hà Nội tổ chức nhiều hoạt động tạo sân chơi bổ ích cho đoàn viên thanh niên như: Ngày hội Chào tân sinh viên, Ngày hội Thanh niên với văn hóa giao thông, Ngày hội Hiến máu tình nguyện toàn trường, Cuộc thi video clip NCE- Điểm đến thanh xuân. Thực hiện công trình thanh niên, cải tạo các bồn hoa trước khu vực giảng đường nhà B [H2.02.08.03].

Công tác tuyên truyền của Đoàn TNCSHCM Nhà trường được triển khai dưới nhiều hình thức khác nhau như: qua văn bản, tờ rơi, khẩu hiệu, áp-phích, qua mạng xã hội,... Chính vì vậy, các phong trào của Đoàn Thanh niên thường

thu hút được sự quan tâm của không chỉ học sinh, sinh viên và cán bộ giảng viên trong Trường mà còn nhận được sự ủng hộ của đông đảo học sinh, sinh viên các trường khác. Những thành tích của Đoàn TNCSHCM Nhà trường đã được ghi nhận bằng các bằng khen, danh hiệu của Trung ương Đoàn, Thành đoàn và các cấp lãnh đạo trao tặng [H2.02.08.04].

Các đoàn thể và tổ chức đều hoạt động tích cực và góp phần thực hiện sứ mạng của Nhà trường. Các đoàn thể, tổ chức xã hội của Nhà trường đều hoạt động theo quy định của pháp luật và góp phần quan trọng trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong Nhà trường như: tham gia tích cực trong việc thanh tra, kiểm tra; động viên cán bộ, giảng viên, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; tham gia tích cực việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và giám sát sử dụng tài chính trong Nhà trường; là những cầu nối quan trọng để tạo ra môi trường thuận lợi giúp cán bộ, giảng viên, người học trong Trường trao đổi với Đảng uỷ, Ban Giám hiệu.

## **2. Điểm mạnh**

Các đoàn thể, tổ chức xã hội đã triển khai được nhiều hoạt động phong phú, đa dạng và tuân theo đúng quy định của pháp luật; đã có tác dụng tích cực đến việc nâng cao nhận thức và giáo dục toàn diện cho cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên trong Nhà trường.

## **3. Tồn tại**

Đa số cán bộ đoàn thể, tổ chức xã hội là cán bộ kiêm nhiệm, phần nào ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực tổ chức hoạt động cho cán bộ đoàn thể, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc trong điều kiện kiêm nhiệm.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí**

***Tiêu chí 2.9. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.***

### **1. Mô tả**

Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường có tổng số là 52 người, bao gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; trưởng, phó các phòng, khoa, trung tâm và trường mầm non thực hành.

Về trình độ, có 12 tiến sỹ (23.1%), 37 thạc sỹ (71.1%) và 03 cử nhân đại học (5.8%). Về độ tuổi, có 10 người dưới 40 tuổi (19.2%), 30 người từ 40 đến 50 tuổi (57.7%), 12 người trên 50 tuổi (23.1%). Về giới tính, có 13 nam (25%) và 39 nữ (75%) [H2.02.09.01].

Với cơ cấu như trên, đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng và được phân bổ hợp lý. Đây là đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc được giao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời, họ cũng là những đảng viên gương mẫu, đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị tư tưởng, chuyên môn.

Việc bổ nhiệm các chức vụ quản lý thực hiện đúng, đầy đủ các bước được quy định cụ thể trong quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương [H2.02.04.03]. Cụ thể, cán bộ quản lý phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về phẩm chất như có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp; các yêu cầu về năng lực quản lý như có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân, nắm chắc tình hình chung và hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách; về trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên, phù hợp với lĩnh vực công tác; có trình độ quản lý hành chính Nhà nước theo quy định, sử dụng thành thạo máy tính và các trang thiết bị văn phòng. Riêng đối với các chức danh: Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính; Trưởng phòng Quản lý đào tạo; Trưởng phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác Quốc tế; Trưởng, Phó các Khoa; Trưởng, Phó Bộ môn; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các Trường Mầm non thực hành ngoài các điều kiện tiêu chuẩn chung còn phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Đối với việc phát triển nguồn cán bộ quản lý, nhận thấy nguồn cán bộ trẻ chưa được bồi dưỡng, tập huấn về năng lực quản trị cơ sở giáo dục cũng như hạn chế về tiếp cận với các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến. Vì vậy Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn cấp chứng chỉ, chứng nhận theo nhu cầu thực tế đề nghị của ban chủ nhiệm

Khoa, như chứng chỉ quản lý Khoa, Phòng, Ban, đặc biệt là các chứng chỉ quốc tế như: Reggio Emilia (tại Ý), Steam, Montessori...[H2.02.09.02].

Hằng năm, đội ngũ cán bộ quản lý được đánh giá phân loại chất lượng, đánh giá hoạt động quản lý, phát huy những điểm mạnh, sửa chữa, khắc phục những yếu kém [H2.02.02.05]. 100% cán bộ quản lý của Nhà trường được đánh giá từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng và Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT, Bằng khen của Trung ương Đoàn [H2.02.02.06].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý, làm việc hiệu quả, đáp ứng tốt nhiệm vụ được phân công.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có sự cân đối giữa các thế hệ, bảo đảm tính kế thừa.

## **3. Tồn tại**

Một số cán bộ quản lý chưa hoàn thiện khóa học nghiên cứu sinh theo đúng tiến độ.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, có hỗ trợ kinh phí từ Nhà trường.

Tạo nguồn quy hoạch cán bộ trẻ có năng lực và trình độ chuyên môn cao.

Từ năm 2023, Nhà trường rà soát và có chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí**

### **Kết luận tiêu chuẩn 2**

Trường CĐSPTU có cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý phù hợp với quy định chung của Nhà nước và điều kiện cụ thể của Nhà trường.

Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng trong lãnh đạo Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định. Cán bộ quản lý có uy tín, có năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện đúng quy định và quyền hạn của mình, tạo được sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác của đội ngũ cán bộ giảng viên, xây dựng được khối đoàn kết nhất trí cao trong mọi hoạt động của đơn vị.

Đảng bộ Nhà trường thể hiện được vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của chính quyền và của các đoàn thể quần chúng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Các tổ chức đoàn thể được thành lập theo đúng quy trình của pháp luật và trong quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường.

Để nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý, Nhà trường cần thường xuyên rà soát mục tiêu và định hướng phát triển Nhà trường, tăng cường các biện pháp giám sát chặt chẽ việc thực hiện các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và trung hạn.

### **Tiêu chuẩn 3**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **Mở đầu**

Chương trình đào tạo của Trường CDSPTU được chỉnh sửa theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam và theo các văn bản quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, được cụ thể hóa thành hướng dẫn của Trường; phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, chức năng nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Chương trình đào tạo của từng ngành được thiết kế một cách có hệ thống, có cấu trúc hợp lý và mục tiêu rõ ràng, cụ thể, bảo đảm liên thông giữa các trình độ và các ngành đào tạo. Các chương trình đào tạo được bổ sung chỉnh sửa theo định kì để phù hợp với thực tế và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Sau quá trình đánh giá Trường chu kỳ 1 và trên cơ sở các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Nhà trường tập trung rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo vào năm 2019 và 2021. Đặc biệt, năm 2021, trường đã triển khai kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy và chương trình đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

*Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường cao đẳng được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường cao đẳng có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.*

## 1. Mô tả

Tất cả các chương trình đào tạo của trường khi chỉnh sửa đều bám sát các mục tiêu, yêu cầu đào tạo, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực mà người học phải đạt được quy định tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam và theo hướng dẫn của 2 Bộ, cụ thể:

- Chương trình ngành Giáo dục mầm non theo Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên [H3.03.01.01];

- Các chương trình thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng [H3.03.01.02].

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn thiết kế chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã cụ thể hóa thành văn bản hướng dẫn và theo quy trình sau [H3.03.01.03]. [H3.03.01.04].

- Khảo sát các yêu cầu cần có của ngành học
- Khảo sát lấy ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo
- Nghiên cứu chuẩn nghề nghiệp
- Xác định năng lực cần có để người học hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động chủ yếu và đảm nhận được vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.
- Tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo
- Chỉnh sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
- Xác định cấu trúc, nội dung, khối lượng kiến thức, kỹ năng của chương trình đào tạo nhằm đảm bảo mục tiêu và chuẩn đầu ra
- Tham khảo các chương trình đào tạo của các trường khác
- Hoàn thiện dự thảo chương trình khung
- Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình khung
- Tổ chức họp khoa và các bộ môn rà soát dự thảo chương trình khung và đề cương chi tiết các học phần

- Tổ chức họp thông qua hội đồng khoa học của Nhà trường
- Chính sửa, biên tập, hoàn thiện dự thảo chương trình khung và đề cương chi tiết các học phần
- Trình Hiệu trưởng ký ban hành chương trình

Các chương trình của trường khi chỉnh sửa có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học/cao đẳng có uy tín trong nước hoặc trên thế giới. Đặc biệt với chương trình ngành Giáo dục mầm non - chương trình có tỉ lệ người học chiếm 93% - 95% tổng số người học, Trường đã tham khảo chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, đại học có đào tạo ngành Giáo dục mầm non: Chương trình đào tạo giáo viên giáo dục và chăm sóc trẻ của học viện Seed Singapore, Chương trình dạy học giáo viên mầm non trình độ cao đẳng của Trường CĐSPTU Nha Trang, Chương trình Giáo dục mầm non trình độ đại học của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Chương trình đào tạo giáo viên mầm non của Cao đẳng Artevelde - Bỉ [H3.03.01.05].

Việc chỉnh sửa chương trình ngành Giáo dục mầm non được dựa trên ý kiến khảo sát các bên liên quan: ý kiến khảo sát khảo sát giảng viên về chương trình đào tạo [H3.03.01.06], ý kiến khảo sát cơ sở thực tập đồng thời cũng là nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo [H3.03.01.07] và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên [H3.03.01.08]. Trường đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo 2019, hội nghị có sự tham gia của các chuyên gia về lĩnh vực Giáo dục mầm non và toàn thể giảng viên khoa Giáo dục mầm non [H3.03.01.09]; Chương trình đào tạo được chỉnh sửa từ cấp khoa với sự tham gia của các giảng viên, các tổ chuyên môn và cán bộ quản lý [H3.03.01.10].

Sau khi có bản dự thảo chương trình, Trường tổ chức họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (2019) hoặc thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường (2021) [H3.03.01.11]; Phòng Quản lý đào tạo chỉnh sửa, biên tập, hoàn thiện chương trình khung và đề cương chi tiết các học phần trình Hiệu trưởng ký ban hành chương trình [H3.03.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Tất cả các chương trình đào tạo của Trường được chỉnh sửa trên cơ sở các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Quá trình chỉnh sửa chương trình có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực tập...

## **3. Tồn tại**

Việc chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp chưa tổ chức lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Đợt chỉnh sửa chương trình đào tạo sắp tới sẽ tiếp tục bám sát khung trình độ Quốc gia Việt Nam và hướng dẫn của 2 bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; huy động sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực hành, thực tập.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

*Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ cao đẳng và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.*

##### **1. Mô tả**

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng theo quy trình: nghiên cứu khung trình độ quốc gia Việt Nam; xác định rõ yêu cầu, mức độ về phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù sinh viên cần đạt sau khi học; khảo nhà tuyển dụng về yêu cầu của ngành học; khảo sát nhà tuyển dụng về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên; khoa tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra và đưa vào chương trình khung; chuẩn đầu ra được nghiệm thu cùng chương trình khung thông qua hội đồng nghiệm thu/hội đồng khoa học và đào tạo; ra quyết định ban hành chuẩn đầu ra.

Kết quả khảo nhà tuyển dụng về yêu cầu của ngành học: Trên 80% các ý kiến cho rằng cần thiết và rất cần thiết các kiến thức khoa học giáo dục mầm non; Phương pháp tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục, sự phát triển của trẻ mầm non; Cần bổ sung các phương pháp mới: Montessori, Reggio, Steam,... vào chương trình đào tạo. Rất cần các kiến thức chuyên sâu về một trong các lĩnh vực giáo dục trẻ em như: Phát triển nhận thức; phát triển ngôn ngữ; phát triển thể chất và tình cảm, kỹ năng xã hội; tổ chức các hoạt động âm nhạc; tổ chức các hoạt động tạo hình; tổ chức các hoạt động làm quen với tiếng Anh; Các cách tiếp cận trong giáo dục mầm non để phát triển chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của trẻ. Trên 80% các ý kiến cho rằng rất cần các kỹ năng: Vận dụng khoa học tâm lý, giáo dục vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; Giao tiếp với trẻ, quan sát, đánh giá sự phát triển của



trẻ, Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ, tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ khoa học; Phân tích, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của bản thân và đồng nghiệp; Quản lý nhóm, lớp; Hợp tác và giao tiếp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong hoạt động chăm sóc, giáo dục; Ứng dụng công nghệ thông tin và Tiếng anh trong công việc. Về năng lực: Cần tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân; Chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non [H3.03.01.07].

Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về khả năng đáp ứng của sinh viên về kiến thức chuyên môn; khả năng, kỹ năng nghề nghiệp; khả năng thích ứng với công việc như sau:

Mức 1: Không hài lòng	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5: Rất hài lòng
4,2%	4,9%	24,4%	39,4%	27,1%

*Tỉ lệ đánh giá từ mức 3 trở lên đạt 90,9% [H3.03.01.08].*

So với phiên bản 2019, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non phiên bản 2021 được điều chỉnh, cập nhật theo khung trình độ quốc gia Việt Nam, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non và theo nhu cầu xã hội, trong đó có 4 chuẩn về kiến thức (kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật; kiến thức khoa học cơ bản; kiến thức chuyên ngành; kiến thức về công nghệ thông tin), 4 chuẩn về kỹ năng (kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo; kỹ năng thực hành; kỹ năng giao tiếp; năng lực ngoại ngữ), 3 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm (Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc; Hướng dẫn, hỗ trợ những người khác thực hiện nhiệm vụ; Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ [H3.03.01.01].

Chuẩn đầu ra các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo đúng như Bộ Lao động Thương binh và xã hội đã xây dựng cho từng ngành [H3.03.02.05].

Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, Khả năng học tập, nâng cao trình

độ sau khi tốt nghiệp) và phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường [H1.01.01.04], [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Đề cương chi tiết của từng học phần cũng có mục tiêu cụ thể, rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, gắn với mục tiêu chung của chương trình đào tạo [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Tất cả các chương trình đào tạo được cấu trúc hợp lý gồm các nội dung sau: Tên chương trình, Trình độ đào tạo, Ngành đào tạo, Mã ngành, Hình thức đào tạo, Mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể), Chuẩn đầu ra, Khối lượng kiến thức toàn khóa, Nội dung chương trình, Hướng dẫn thực hiện chương trình [H3.03.02.01], [H3.03.01.02].

Các học phần trong chương trình được thiết kế một cách có hệ thống bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chung, khối kiến thức kỹ năng cơ bản và khối kiến thức kỹ năng ngành với tỉ lệ hợp lý: Khối kiến thức kỹ năng chung cho tất cả các khối ngành khoảng 19% - 20%; Khối kiến thức kỹ năng cơ bản khoảng 15% - 18%; Khối kiến thức ngành khoảng 63% - 67% trong đó, thực tập khoảng 9% - 15% và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế) khoảng 5%. Trong khi các học phần cơ bản là học phần tiên quyết cho các học phần cơ sở khối ngành thì bản thân các học phần cơ sở khối ngành/cơ sở ngành lại là các học phần tiên quyết cho các học phần chuyên môn ngành. Tất cả các học phần đều được mã hóa và xếp thứ tự bởi điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính khoa học và logic của chương trình: Các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chung và các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng cơ bản chủ yếu được thực hiện ở kì 1 và kì 2; các học phần thuộc khối kiến thức ngành thực hiện ở kì 3, 4, 5, 6; thực tập ở kì 4, 5, 6 [H3.03.02.01], [H3.03.01.02].

Nói riêng với chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non: Chương trình đào tạo đã chỉ rõ vai trò của từng khối kiến thức, thể hiện trong bảng sau:

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỉ lệ
		BB	TC	
1	Khối kiến thức - kỹ năng chung	19		20%
2	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản	16		16,8%
3	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	52	8	63,2%
Trong đó:				

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỉ lệ
		BB	TC	
	Thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp	9		9,5%
	Tốt nghiệp (Khóa luận hoặc hai học phần thay thế)	5		5,2%
<b>Tổng</b>		<b>95</b>		

Sự thiết kế nêu trên của bảo đảm logic các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với người học.

Với chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non phiên bản 2021, số tín chỉ phân bố từng kỳ như sau: Học kỳ 1 (16 tín chỉ), Học kỳ 2 (20 tín chỉ), Học kỳ 3 (19 tín chỉ), Học kỳ 4 (14 tín chỉ) trong đó phần chuyên đề tự chọn là 6 tín chỉ và thực tập 3 tín chỉ, Học kỳ 5 (13 tín chỉ) trong đó phần tự chọn là 2 tín chỉ và thực tập 2 tín chỉ, Học kỳ 6 (13 tín chỉ) trong đó thực tập 4 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 học phần thay thế là 5 tín chỉ. Các kiến thức cơ bản của ngành Giáo dục mầm non chủ yếu xếp ở năm thứ 2 khi mà người học đã học đa số các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chung và các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản. Các chuyên đề tự chọn được xếp vào học kỳ 4 sau khi người học đã có những kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non. Thực tập được triển khai bắt đầu từ học kỳ 4 sau khi người học đã học xong các học phần về phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và chia thành 3 đợt ở 3 học kỳ 4, 5, 6 để người học có đủ thời gian trải nghiệm và vận dụng lý thuyết vào thực tế [H3.03.02.02].

Như vậy, qua các lần điều chỉnh, chương trình dạy học ngành Giáo dục mầm non có tỷ lệ hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung; khối kiến thức, kỹ năng cơ bản; khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; thực tập; khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành được ưu tiên, bảo đảm hướng tới đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Phân bố các học phần bắt buộc/tự chọn và các học phần thuộc các khối kiến thức trong chương trình dạy học hợp lý. Thông tin về học phần học trước, học phần tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần bảo đảm cho việc sắp xếp thứ tự thực hiện các học phần theo trật tự logic với thời lượng phù hợp. Tuy nhiên, các học phần tự chọn trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành còn chưa nhiều [H3.03.02.02].

## 2. Điểm mạnh

Tất cả các chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý có hệ thống bảo đảm logic giữa các học phần, đáp ứng linh hoạt nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực của xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

### **3. Tồn tại**

Một số chương trình đào tạo còn ít các học phần tự chọn.

### **4. Kế hoạch hành động**

Đợt chỉnh sửa chương trình tiếp theo, Trường sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh và bổ sung các học phần tự chọn, góp phần tăng tính linh hoạt của chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người học và yêu cầu của xã hội.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 3.3. Các học phần, môn học trong chương trình đào tạo có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của học phần, môn học.***

#### **1. Mô tả**

Các khoa được phân công xây dựng đề cương chi tiết các học phần. Đề cương chi tiết các học phần được các khoa xây dựng theo mẫu của trường sau khi chốt dự thảo chương trình khung. Đề cương chi tiết được nghiệm thu hoặc thông qua hội đồng khoa học và đào tạo của trường cùng với chương trình khung [H3.03.01.04], [H3.03.03.01].

Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo có đủ đề cương chi tiết, được xây dựng theo các quy định trong các văn bản hướng dẫn biên soạn đề cương chi tiết của Trường. Đề cương chi tiết bao gồm những nội dung: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, trình độ, phân bổ thời gian, điều kiện tiên quyết, mục tiêu học phần, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu học tập, tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, thang điểm, nội dung chi tiết học phần. Phân tài liệu học tập quy định ghi rõ về sách, giáo trình chính, tài liệu tham khảo, sách và giáo trình khác [H3.03.02.03], [H3.03.02.04]. Các giáo trình và tài liệu tham khảo có trong thư viện của trường [H3.03.03.02].

100% đề cương chi tiết học phần đều xác định rõ ràng mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm), nội dung chi tiết cho từng tuần, phương pháp kiểm tra đánh giá [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Riêng chương trình ngành Giáo dục mầm non phiên bản 2021 có bổ sung chuẩn đầu ra của học phần và thể hiện mức độ đóng góp của học phần để đạt

được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non thông qua ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đề cương chi tiết các học phần đều xác định rõ hình thức tổ chức dạy học giúp người học hiểu rõ giảng viên sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, những yêu cầu cụ thể đối với người học, những nội dung tự học cụ thể... nhằm giúp người học chủ động trong học tập để đạt được chuẩn đầu ra của học phần về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. 100% các học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để bảo đảm việc đạt được chuẩn đầu ra, có ma trận thể hiện sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra/đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần. các hình thức đánh giá được giảng viên sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, tiểu luận, thực hành...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận... Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân theo quy chế đào tạo và được công bố công khai trong đề cương chi tiết các học phần. Hệ thống các phương pháp phương pháp kiểm tra/đánh giá được thiết kế bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [H3.03.02.03].

Đề cương chi tiết các học phần cũng thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá và trọng số điểm. Theo quy định, điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6; điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2; ngoài ra để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần, người học cần tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên) [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Đề cương chi tiết các học phần được công bố đến sinh viên thông qua tài khoản cá nhân trên hệ thống quản lý đào tạo ([www.sv.cdsptw.edu.vn](http://www.sv.cdsptw.edu.vn)).

Kế hoạch giảng dạy học phần được xác định trong các đề cương chi tiết và được giám sát thông qua các kênh: Sinh viên kí xác nhận số lên lớp của giảng

viên sau khi kết thúc học phần; Ban chủ nhiệm các khoa kí xác nhận sổ lên lớp của giảng viên sau khi kết thúc học phần; Ban thanh tra/bộ phận thanh tra giáo dục được phân quyền truy cập hệ thống quản lý đào tạo và xem được thời khóa biểu của tất cả các lớp học phần, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện thời khóa biểu và kiểm tra theo chuyên đề công tác quản lý đào tạo của các khoa [H3.03.03.03], [H3.03.03.04].

## **2. Điểm mạnh**

Tất cả các học phần, môn học có đủ đề cương chi tiết, giáo trình tài liệu theo quy định, phục vụ tốt công tác giảng dạy và học tập, đáp ứng tốt mục tiêu của học phần và môn học.

## **3. Tồn tại**

Một số học phần mới đưa vào chương trình do nhu cầu của thị trường lao động nhưng tài liệu còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục chỉnh sửa chương trình đào tạo theo chu kỳ, bảo đảm tất cả các học phần có đủ đề cương chi tiết và giáo trình tài liệu tham khảo, khuyến khích giảng viên biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo với những học phần mới.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

*Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành.*

### **1. Mô tả**

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh.

Năm 2019, Trường đã chỉnh sửa 11 chương trình đào tạo (Giáo dục mầm non, Giáo dục mầm non - chương trình chất lượng cao, Giáo dục đặc biệt, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Tiếng Anh, song ngành Giáo dục Mầm non - Giáo dục Đặc biệt, song ngành Giáo dục Mầm non - Sư phạm Âm nhạc, song ngành Giáo dục Mầm non - Sư phạm Mỹ thuật, song ngành Giáo dục Mầm non - Công tác Xã hội, song ngành Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh) [H3.03.01.03], [H3.03.02.01], [H3.03.01.12].

Đến năm 2020 khi Luật Giáo dục mới có hiệu lực, trong nhóm ngành đào tạo giáo viên Trường chỉ còn đào tạo duy nhất ngành Giáo dục mầm non và

ngoài ra vẫn tiếp tục đào tạo các ngành thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp. Trường tiếp tục chỉnh sửa chương trình ngành Giáo dục mầm non với 2 phiên bản: chương trình chuyên ngành và chương trình không chuyên ngành, các chương trình này được ban hành tháng 3/2021 và sau đó tiếp tục chỉnh sửa 6 chương trình đào tạo các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp: Tiếng Anh, Công nghệ Thông Tin, Thiết kế đồ họa, Công tác xã hội, Quản trị Văn phòng, Hướng dẫn du lịch. Các chương trình này được ban hành tháng 9/2021. Tất cả các chương trình đào tạo của trường khi chỉnh sửa đều thực hiện theo hướng dẫn của 2 bộ và của Trường [H3.03.01.04], [H3.03.02.02], [H3.03.01.12].

Các chương trình được chỉnh sửa theo nguyên tắc:

- Đáp ứng được các mục tiêu, yêu cầu đào tạo, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực mà người học phải đạt được quy định tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Theo hướng dẫn của 2 Bộ.

- Kế thừa các nội dung của chương trình đã xây dựng và đang được áp dụng đào tạo tại trường; đồng thời, cập nhật những tiến bộ khoa học, công nghệ mới của ngành, nghề đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Xác định rõ ràng và cụ thể các yêu cầu cần đạt đối với người học về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; điều chỉnh tỉ lệ lý thuyết, thực hành theo hướng tăng tỉ lệ thực hành; tăng số học phần tự chọn. Riêng chương trình ngành Giáo dục mầm non bổ sung ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; bổ sung các phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm hướng tới chuẩn đầu ra của CTĐT.

Chương trình ngành Giáo dục mầm non khi chỉnh sửa có tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế: Chương trình đào tạo giáo viên giáo dục và chăm sóc trẻ của học viện Seed Singapore, Chương trình đào tạo giáo viên mầm non của Cao đẳng Artevelde - Bỉ [H3.03.01.05]. Việc chỉnh sửa chương trình được dựa trên ý kiến khảo sát các bên liên quan: ý kiến khảo sát khảo sát giảng viên về chương trình đào tạo [H3.03.01.06], ý kiến khảo sát cơ sở thực tập đồng thời cũng là nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo [H3.03.01.07] và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên [H3.03.01.08]. Trường đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo 2019, hội nghị có sự tham gia của các chuyên gia về lĩnh vực Giáo dục mầm non và toàn thể giảng viên khoa Giáo dục

mầm non [H3.03.01.09]; Chương trình đào tạo được chỉnh sửa từ cấp khoa với sự tham gia của các giảng viên, các tổ chuyên môn và cán bộ quản lý [H3.03.01.10].

Như vậy trong quá trình rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo, các nhà khoa học tham gia hội đồng thẩm định (với các chương trình chỉnh sửa 2019) và tham gia hội nghị góp ý chương trình đào tạo (với các chương trình chỉnh sửa 2021); Cán bộ quản lý tham gia các cuộc họp về chỉnh sửa chương trình đào tạo và cuộc họp thông qua chương trình đào tạo; Đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động tham gia khảo sát góp ý cho chương trình đào tạo. Dựa trên các ý kiến đóng góp và dựa trên việc nghiên cứu các chương trình tham khảo, các khoa tổ chức họp để thống nhất những nội dung điều chỉnh và thay đổi so với phiên bản trước. Những thay đổi của phiên bản 2021 so với phiên bản 2019 thể hiện trong báo cáo so sánh chương trình 2019 và 2021 [H3.03.04.01].

Sau khi có bản dự thảo chương trình, Trường tổ chức họp thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường [H3.03.01.11]; Phòng Quản lý đào tạo chỉnh sửa, biên tập, hoàn thiện chương trình khung và đề cương chi tiết các học phần trình Hiệu trưởng ký ban hành chương trình [H3.03.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực tập, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và giảng viên.

## **3. Tồn tại**

Việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các chương trình thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Phát huy thế mạnh của chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non đặc biệt là các chương trình chuyên ngành, mang bản sắc riêng của Nhà trường.

Tổ chức chỉnh sửa các chương trình đào tạo theo định kỳ, tiếp tục tham khảo các chương trình tiên tiến, lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực tập, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và giảng viên ở mức độ sâu rộng hơn để làm căn cứ chỉnh sửa chương trình đào tạo cho các lần tiếp theo.



## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng bảo đảm liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.***

### **1. Mô tả**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non đảm bảo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng. Học sinh tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non của trường rất thuận lợi khi học liên thông lên cao đẳng do đã được học các kiến thức cơ bản và cốt lõi của Giáo dục mầm non, được học đủ các môn phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ và phương pháp tổ chức hoạt động. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non liên thông từ trung cấp lên cao đẳng được xây dựng theo nguyên tắc nâng cao những nội dung đã học và bổ sung những nội dung chưa học ở chương trình trung cấp chuyên nghiệp. Từ 2017 đến 2021 trường đã triển khai đào tạo 13 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

Trong quá trình chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, Nhà trường đã tham khảo các chương trình đào tạo trình độ đại học cùng ngành [H3.03.01.05]. Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng của Trường đã được tiếp nhận học liên thông lên bậc đại học ở các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Thủ đô, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Sư phạm Hà Nội 2 và được công nhận kết quả của các học phần đã đạt [H3.03.05.01]. Năm 2021 trường đã kí hợp đồng đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học với các trường: Đại học Thủ đô Hà Nội ngành Giáo dục Mầm non, Đại học nghệ thuật thuộc Đại học Huế ngành Sư phạm Mỹ thuật; kí hợp đồng về việc đặt hàng đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh Hà Nam [H3.03.05.01].

Các chương trình chỉnh sửa năm 2019 bảo đảm liên thông ngang giữa các ngành đào tạo gần nhau và giữa các song ngành:

- Tất cả các chương trình thuộc cùng nhóm ngành đào tạo giáo viên đều có chung khối kiến thức, kỹ năng chung và khối kiến thức, kỹ năng cơ bản.
- Tất cả các chương trình song ngành đều có chung khối kiến thức, kỹ năng chung và khối kiến thức ngành 1 (ngành Giáo dục mầm non). [H3.03.02.01].

Các chương trình thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp chỉnh sửa năm 2021 đều có chung khối kiến thức chung. [H3.03.02.02].

Điều này bảo đảm cho việc nếu sinh viên học cùng lúc 2 chương trình thì hoàn toàn có thể được công nhận kết quả của các học phần đã đạt.

Mặt khác, quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu rõ:

*"Chương trình đào tạo giáo viên để cấp bằng tốt nghiệp thứ hai trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hoặc chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên đối với từng ngành đào tạo là chương trình đào tạo giáo viên cùng trình độ của ngành học đó với cùng hình thức đào tạo đang thực hiện tại cơ sở đào tạo giáo viên.*

*Người học chương trình đào tạo giáo viên để cấp bằng tốt nghiệp thứ hai hoặc chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên chỉ được bảo lưu kết quả học tập đối với những học phần trong chương trình đào tạo trước đã học có số đơn vị tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn so với chương trình đào tạo giáo viên của ngành mới và kết quả học tập đạt yêu cầu theo quy định"*

*"Dựa vào kết quả học tập trên bảng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp thứ nhất, thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định việc bảo lưu kiến thức, khối lượng kiến thức, các môn học, học phần và nội dung phải học đối với từng người học"* [H3.03.05.02].

quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo cũng nêu rõ: *"Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 13 của quy chế này"* [H3.03.05.03].

Với cách tổ chức đào tạo như vậy rất thuận tiện cho người học học liên thông lên bậc cao hơn theo nguyên tắc được công nhận kết quả những học phần tương đương đã đạt mà có số đơn vị tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn và học bổ sung những học phần còn thiếu [H3.03.05.02].

## **2. Điểm mạnh**

Các chương trình đào tạo của Trường có sự giao thoa, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo học các chương trình khác nhau.

Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng bảo đảm liên thông lên trình độ đại học.

### **3. Tồn tại**

Chưa đổi chiều được nhiều chương trình cùng trình độ hoặc trình độ cao hơn để tăng tính liên thông.

### **4. Kế hoạch hành động**

Trong giai đoạn 2023 - 2025, Nhà trường sẽ chú trọng tham khảo nhiều hơn các chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng của các cơ sở giáo dục đại học uy tín, tăng tính liên thông đối với tất cả các chương trình đào tạo của Trường.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.***

#### **1. Mô tả**

Nhà trường đã chỉ đạo các khoa, các tổ bộ môn định kỳ rà soát chương trình để kịp thời điều chỉnh [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Các phiên bản sau được chỉnh sửa, cải tiến chất lượng dựa trên các góp ý phiên bản trước, ngày một hoàn thiện hơn [H3.03.06.01].

Giai đoạn 2017 - 2022 trường đã tự đánh giá và kiểm định chất lượng 01 chương trình đó là chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non - chương trình có tỉ lệ người học chiếm 93% - 95%. Cụ thể trong năm học 2021 - 2022, Nhà trường triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy. Sau khi hoàn thành BCTĐG, Trường đăng ký đánh giá ngoài để kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục [H3.03.06.02].

Theo đánh giá của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội: "*chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh theo hướng cập nhật các văn bản Luật mới ban hành; bảo đảm khối lượng tín chỉ theo quy định, nội dung có tính cập nhật và về cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành. Khi rà soát, điều chỉnh có tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước, có lấy ý kiến của các bên liên quan. Cấu trúc của CTDH*

*được phân bố khá hợp lý, theo trình tự khá logic các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp; các học phần tiên quyết, trung gian được sắp xếp theo trình tự hợp lý về tiến trình nhận thức của người học. Các học phần trong chương trình: tổ hợp các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy học, KTĐG đều xác định mức độ đóng góp để đạt được chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo " [H3.03.06.03].*

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài sau quá trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non năm 2021, Trường đã xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo với mục tiêu: cải tiến chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường; đề xuất các biện pháp nhằm duy trì, phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại được chỉ ra trong báo cáo đánh giá ngoài; phân công đơn vị chịu trách nhiệm cải tiến chất lượng, dự kiến thời gian hoàn thành, cách thức tổ chức thực hiện và các biện pháp triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo [H3.03.06.04].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đã chủ động rà soát, chỉnh sửa chương trình, cải tiến chất lượng dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan.

Chương trình ngành Giáo dục mầm non của Trường đã đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## **3. Tồn tại**

Do chương trình đào tạo mới được kiểm định năm 2022 nên việc cải tiến chất lượng mới chỉ là bước đầu.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo để tiếp tục kiểm định chất lượng các chu kỳ tiếp theo.

Cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá đặc biệt là chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

### **Kết luận tiêu chuẩn 3**

Sau quá trình đánh giá Trường chu kỳ 1 và trên cơ sở các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Nhà trường tập trung rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo vào năm 2019 và 2021. Đặc biệt, năm 2021, trường đã triển khai

kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy và chương trình đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương trình đào tạo của Nhà trường được chỉnh sửa trên cơ sở khung trình độ Quốc gia Việt Nam và hướng dẫn của 2 Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu nguồn nhân lực ở địa phương. Trường có đủ chương trình đào tạo cho từng ngành học. Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết và giáo trình tài liệu. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lí, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng của từng ngành học, bậc học. Chương trình đào tạo được chỉnh sửa với sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lí và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung. Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng bảo đảm liên thông dọc với các trình độ đào tạo và liên thông ngang giữa các ngành đào tạo gần nhau.

Trong quá trình chỉnh sửa chương trình đào tạo, Trường chưa tham khảo được nhiều chương trình đào tạo của các nước tiên tiến mà chủ yếu là các trường trong nước. Việc tổ chức lấy ý kiến về các chương trình đào tạo các ngành thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế. Chưa thực hiện được đối chiếu chương trình với nhiều trường khác để bảo đảm tính liên thông ở mức cao hơn.

Trong thời gian tới, trường sẽ tham khảo thêm các chương trình quốc tế và trong nước, tổ chức khảo sát lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan, bổ sung các học phần tự chọn, tăng tính liên thông và tính linh hoạt và tính tích hợp của các chương trình, rà soát lại chuẩn đầu ra và mối liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện rõ nét hơn sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

## **Tiêu chuẩn 4**

### **HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

#### **Mở đầu**

Trường CDSPTU là một trong ba trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đào tạo được giao hướng tới ngày càng hoàn thiện hơn các quy trình quản lí, tổ chức đào tạo của Trường.

Hoạt động đào tạo của Trường được tổ chức tuân thủ chặt chẽ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện đa dạng các phương thức đào tạo, phát huy tính tích cực của người học, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo toàn diện. Công tác tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế; số liệu thống kê về người tốt nghiệp hằng năm được công bố công khai; chú trọng tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động.

Sau giai đoạn đánh giá Trường lần 1, từ năm 2018, Nhà trường chú trọng hơn tới việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo. Tuy nhiên, cùng lúc với tình hình dịch bệnh xảy ra, để hoạt động đào tạo không bị gián đoạn và vẫn bảo đảm chất lượng, hiệu quả, được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, việc chuyển đổi hình thức đào tạo trực tuyến thay thế cho hình thức đào tạo trực tiếp đã được thực hiện. Việc chuyển đổi không chỉ trên công tác tổ chức đào tạo, mà được tổ chức ở công tác tuyển sinh. Chính sự chuyển đổi này đã tạo điều kiện cho các thí sinh thuận lợi trong việc đăng ký nộp hồ sơ xét tuyển, đăng ký thi và thi năng khiếu.

Công tác cấp phát văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận cho người học thực hiện đúng quy định và không xảy ra sai sót; bước đầu triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường để làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo và có sự điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài nghiên cứu về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, các hội thảo đổi mới phương pháp dạy và học được khuyến khích, đồng thời tạo điều kiện để giảng viên triển khai thực hiện.

***Tiêu chí 4.1. Công tác tuyển sinh được bảo đảm thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.***

### **1. Mô tả**

Từ năm 2018 đến nay, tiếp nối các kết quả tích cực đã làm được, công tác tuyển sinh luôn được Nhà trường đánh giá là công việc then chốt, cần được chú trọng, tập trung mọi nguồn lực. Cơ sở thực tiễn để Nhà trường tiếp tục đầu tư nguồn lực, duy trì ngành đã và đang đào tạo, đăng ký chỉ tiêu là dựa trên các kết quả nghiên cứu của các cơ quan chức năng Nhà nước; dựa trên các kết quả khảo

sát đơn vị tuyển dụng; dựa trên các kết quả hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm của Nhà trường.

Sau mỗi kì tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường tổ chức họp rút kinh nghiệm để đánh giá lại toàn bộ công tác tuyển sinh đã thực hiện, đồng thời đề ra những giải pháp khắc phục cho kì tuyển sinh tiếp theo. Thông qua hội nghị tổng kết rất nhiều ý kiến đã được nêu ra, góp ý cho công tác tuyển sinh của Nhà trường. Ngoài việc thống kê số lượng thí sinh nhập học, thì tiến hành rà soát, kiểm tra, đánh giá hoạt động tư vấn tuyển sinh và công tác tổ chức thực hiện tuyển sinh; đánh giá hiệu quả, hạn chế công tác tuyển sinh là cơ sở để tiếp tục cải tiến công tác này trong các năm tiếp theo [H4.04.01.01]. Ví dụ, Trường điều chỉnh quy trình tổ chức thi tuyển các môn năng khiếu theo hướng ngày càng bảo đảm tính khách quan, hạn chế tối đa các tiêu (các môn Đọc kể diễn cảm và Hát), thay đổi tổ hợp xét tuyển, linh hoạt hình thức đăng ký và nộp hồ sơ, thi năng khiếu trong giai đoạn diễn ra dịch Covid, theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho thí sinh, đặc biệt là thí sinh ở các vùng sâu, vùng xa. Cùng với đó các khâu tuyên truyền hướng dẫn thí sinh tự do (tốt nghiệp THPT trước năm xét tuyển) được sát sao hơn. Tiếp tục tăng cường công tác bảo mật về danh sách cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi từng phòng thi. Hoạt động quảng bá trong tuyển sinh với một số chương trình đào tạo đã được Nhà trường khắc phục kịp thời. Năm 2019, 2020, 2021, 2022 tiến hành khảo sát ý kiến của người học về tính công bằng khách quan trong các kì tuyển sinh. Kết quả cho thấy mức độ rất hài lòng và hài lòng về chất lượng phục vụ tuyển sinh Nhà trường là 82,85%... [H4.04.01.02].

Cùng với đó, kết các quả khảo sát các cơ sở THPT đánh giá cao chất lượng đào tạo của Nhà trường thông qua công tác rèn luyện nghiệp vụ nghề nghiệp cho sinh viên [H4.04.01.03]. Nhà trường tiến hành việc lấy ý kiến các nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên đã tốt nghiệp [H4.03.01.04]. Kết quả cho thấy, các cơ sở GDMN và các nhà tuyển dụng ngành nghề khác rất tin tưởng vào chất lượng đào tạo của Nhà trường. Hầu hết đều đánh giá là chất lượng sinh viên ra trường đáp ứng được yêu cầu cơ bản của nghề nghiệp.

Năm 2021, Vụ Giáo dục mầm non - Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp Trường CDSPTU tổ chức hội thảo “Đề xuất và triển khai mô hình đào tạo, bồi dưỡng, khắc phục vấn đề thiếu giáo viên mầm non” với sự tham gia của các trường Cao đẳng, Đại học có đào tạo giáo viên mầm non và đại diện các Sở

Giáo dục của các tỉnh thành trên cả nước. Số liệu được các Sở Giáo dục báo cáo về Vụ Giáo dục mầm non cho thấy nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên mầm non còn rất lớn, toàn quốc thiếu 45.000 giáo viên mầm non. Tình trạng thiếu giáo viên tại nhiều địa phương chậm được khắc phục; tỷ lệ giáo viên/lớp ở nhiều địa phương rất thấp, năm học 2018 - 2019 tỷ lệ này trên toàn quốc là 1.80, năm học 2019 - 2020 tỷ lệ là 1.82. Tổng số giáo viên cần nâng chuẩn 42.621 người; số giáo viên có nhu cầu nâng chuẩn là 23.032 người. Từ kết quả khảo sát cho thấy, nhu cầu đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên mầm non toàn quốc còn rất lớn. Đây là một trong những cơ sở thực tiễn để Nhà trường tiếp tục duy trì, phát huy thế mạnh đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non [H4.03.01.05].

Bên cạnh việc tiếp thu ý kiến thì công tác tuyển sinh vẫn được thực hiện theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các thông báo tuyển sinh, Đề án tuyển sinh được thông báo đầy đủ công khai trên Website, trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo [H4.04.01.06]. Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh riêng cho từng năm, gửi lên phần mềm Nghiệp vụ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.07], [H4.04.01.08] và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường. Các thông báo tuyển sinh, hướng dẫn thủ tục đăng kí thi/xét tuyển, hướng dẫn thí sinh dự thi được công bố theo quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử [H4.04.01.06].

Hồ sơ xét tuyển sinh được thực hiện đầy đủ, đúng quy định: Phiếu đăng ký dự thi, bằng THPT/giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời công chứng, chứng minh thư/CCCD công chứng, học bạ công chứng, giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT công chứng [H4.04.01.09]. Các quyết định (thành lập hội đồng tuyển sinh, thành lập các ban giúp việc, quyết định thành lập Hội đồng chấm thi...), các biên bản (biên bản tổ chức thi, chấm thi, xét tuyển...); Quyết định và danh sách trúng tuyển [H4.04.01.10]. Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn, điều hành toàn bộ các công việc liên quan: xây dựng kế hoạch, tổ chức họp hội đồng trong các đợt thi/xét tuyển, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm [H4.04.01.11].

Việc tổ chức thi đã bảo đảm tính công bằng, khách quan: niêm yết đầy đủ các quy định, hướng dẫn, danh sách phòng thi chung toàn trường trước mỗi kì thi (niêm yết tại trường và tại điểm thi, thông tin vào các nhóm zalo thí sinh đăng ký dự thi năng khiếu); niêm yết số điểm, biên bản xét duyệt điểm trúng



tuyển, quyết định trúng tuyển và danh sách trúng tuyển, thời gian nhập học, kế hoạch tổ chức nhập học... Các đối tượng diện chế độ chính sách đều được quan tâm giải quyết thỏa đáng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.02].

Công tác đề thi: từ năm 2018 Nhà trường xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia được quản lý bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo và xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia và kết quả học tập ở trường THPT đối với những ngành GDMN và các ngành khác. Riêng ngành GDMN, TKĐH do đặc thù ngành, Nhà trường có tổ chức thi năng khiếu để xét tuyển. Từ năm 2021, đổi mới tổ hợp xét tuyển từ M00 thành M01, M09 việc đổi mới tổ hợp xét tuyển đã được Nhà trường thông tin đầy đủ trên các thông tin đại chúng và bảo đảm quyền lợi, cơ hội trúng tuyển cao hơn cho các thí sinh đăng ký. Công tác đề thi: được bảo mật tuyệt đối, bảo đảm tính khoa học, không có sai sót, có khả năng phân loại được thí sinh [H4.04.01.10].

Công tác coi thi: kỷ luật thi được thực hiện nghiêm túc, HĐTS trường đã phối hợp tốt với các ngành hữu quan kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực như mang tài liệu và vật dụng trái phép vào khu vực thi và phòng thi [H4.04.01.12].

Công tác chấm thi: chấm thi đã bảo đảm tính khách quan, đúng đáp án, thang điểm theo yêu cầu của đề thi [H4.04.01.10]; HĐTS quán triệt tới toàn bộ cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi về quy chế, quy định và do đó không để xảy ra sai phạm trong quá trình tổ chức thi/xét tuyển. quy trình tổ chức chấm thi năng khiếu được cải tiến hàng năm, bảo đảm tính khách quan, công bằng và ngày càng hoàn thiện, tránh tối đa tiêu cực trong quá trình tổ chức thi; vì vậy, không nhận được bất kì khiếu nại nào [H4.04.01.13].

Công tác xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển: HĐTS Nhà trường đã thực hiện đúng quy định về việc xây dựng phương án điểm trúng tuyển, công bố điểm trúng tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển nhập học. Trước khi tổ chức đều có thông báo nhập học, kế hoạch nhập học được đăng tải trên website của trường, trên các nhóm zalo và fan page. Việc tổ chức nhập học đúng quy chế, thuận lợi, khoa học, giải quyết kịp thời những trường hợp thí sinh trúng tuyển đến muộn có lí do chính đáng. Sau khi tổ chức nhập học, HĐTS đã thực hiện thống kê, gửi báo cáo đầy đủ kết quả tuyển sinh tới Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng yêu cầu; trong đó có phân loại người học theo khu vực, dân tộc, diện chính

sách. Kết quả tuyển sinh được công bố công khai thông qua trang thông tin điện tử của Nhà trường và các phương tiện thông tin khác [H4.04.01.06].

Kết quả tuyển sinh hằng năm đều thực hiện đúng, đủ chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao:

STT	Trình độ/hệ	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021 (*)	Năm 2022
1	Cao đẳng chính quy	660	1924	2810	1793	1174
2	Cao đẳng vừa làm vừa học	0	243		180	0
3	Trung cấp chuyên nghiệp	450	423	0	180	0
	<b>Tổng</b>	<b>1110</b>	<b>2590</b>	<b>2810</b>	<b>1793</b>	<b>1174</b>

Số lượng học sinh, sinh viên trúng tuyển và nhập học các năm:

STT	Trình độ/hệ	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Cao đẳng chính quy	720	970	961	1301	1000
2	Cao đẳng liên thông vừa làm vừa học	0	87	0	120	0
3	Trung cấp chuyên nghiệp	264	246	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>893</b>	<b>1303</b>	<b>961</b>	<b>1421</b>	<b>1000</b>

Số lượng học sinh, sinh viên trúng tuyển, nhập học, điểm đầu vào hệ chính quy ngành GDMN các năm bao gồm khu vực và đối tượng ưu tiên:

STT	Năm	Số lượng	KV1	KV2	KV 2NT	KV3	ĐTƯT	Điểm đầu vào
1	Năm 2018	579	134	159	196	90	60	- CLC 19 - NCXH 18,25 - SN 15,5
2	Năm 2019	934	180	327	303	133	58	- CLC 19,8 - NCXH 16,0 - SN 16,0

STT	Năm	Số lượng	KV1	KV2	KV 2NT	KV3	ĐTUT	Điểm đầu vào
3	Năm 2020	975	184	343	310	138	59	- CLC 16,5 - NCXH 19,5
4	Năm 2021	1301	289	472	396	144	51	- Học bạ 16 - THPT 17
5	Năm 2022	1000	269	369	275	122	79	- Học bạ 17 - THPT 17

Bắt đầu từ năm 2020, theo quy định Luật giáo dục Đại học các ngành Giáo dục đặc biệt, Sư phạm âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật được đào tạo trình độ đại học, Nhà trường không được tiếp tục tuyển sinh và phân bổ chỉ tiêu cho 3 ngành trên. Chỉ tiêu hằng năm được phân bổ theo thế mạnh các ngành đào tạo của Nhà trường và nhu cầu xã hội là ngành Giáo dục Mầm non. Năm 2021 Nhà trường đào tạo theo Nghị định 71 (nâng chuẩn trình độ GVMN) theo đặt hàng của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể đều có báo cáo và được sự phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.14]. Kết quả tuyển sinh hằng năm cho thấy Nhà trường vẫn giữ vững được thế mạnh của các ngành mũi nhọn Giáo dục Mầm non và cố gắng duy trì tốt các ngành được phép đào tạo trong tình hình khó khăn chung của các trường cao đẳng [H4.04.01.15].

Theo số liệu thống kê cho thấy năm 2018 - 2020, Nhà trường vẫn đào tạo Chương trình đào tạo GDMN chất lượng cao, Chương trình đào đại trà/đặt hàng, Chương trình đào tạo song ngành. Từ năm 2021 nhà trường không đào tạo chương trình song ngành và chất lượng cao. Những năm trước điểm trúng tuyển chương trình CLC luôn cao hơn so với chương trình đại trà/NCXH và song ngành. Riêng năm 2020 điểm trúng tuyển chương trình đại trà/NCXH cao hơn cả điểm trúng tuyển đào tạo chương trình CLC vì chỉ tiêu số lượng CLC ít, số lượng đăng ký thi chương trình CLC không nhiều. Trong khi đó thí sinh đăng ký xét tuyển chương trình đào tạo theo NCXH/đại trà rất đông và nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển đợt bổ sung, nên đã đẩy điểm trúng tuyển lên 19,5. Từ năm 2021 điểm trúng tuyển của chương trình giáo dục mầm non giao động từ 16 - 17 điểm cho cả hai phương thức tuyển sinh. Điểm trúng tuyển này đảm bảo đúng ngưỡng chất lượng đầu vào theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức điểm thi THPT và học lực đạt loại khá

đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức học bạ. Kết quả khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy, các tỉnh hầu hết đều thiếu GVMN, nhưng trong những năm gần đây mặc dù Nhà nước đã ban hành Nghị định 116 để hỗ trợ thí sinh đăng ký xét tuyển học tập ngành đào tạo giáo viên, song số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển ngành GDMN nói riêng không nhiều, giảm tỷ lớn so với những năm 2020 trở về trước [H4.04.01.07].

Trong điều kiện quy định mới của Bộ Giáo dục liên quan đến số hóa nguồn dữ liệu thí sinh, đồng bộ kết quả học tập THPT với việc xét tuyển Cao đẳng, Đại học. Nhiều thí sinh tự do không kịp làm phiếu đăng ký tại Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Bộ để thực hiện việc xét tuyển, nhiều thí sinh do không cập nhật kịp thông tin nên đăng ký phương thức xét tuyển không đúng, Nhà trường đã có trao đổi với lãnh đạo Bộ (trong nhóm zalo do Bộ lập ra) để đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ các thí sinh tự do được đăng ký xét tuyển kịp thời, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho thí sinh.

Bên cạnh đó, số lượng tuyển sinh các ngành GDNN được Nhà trường đẩy mạnh công tác tư vấn, hướng dẫn xét tuyển. Kết quả cho thấy từ năm 2020 số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển và trúng tuyển học tập tại trường ngày càng gia tăng về số lượng [H4.04.01.16]

## **2. Điểm mạnh**

Công tác tuyển sinh đã được Nhà trường quan tâm, chú trọng, đầu tư nguồn lực vật chất và con người, trở thành công việc có nề nếp, phát huy được sức mạnh trí tuệ tập thể. Mọi thông tin tuyển sinh đều được thực hiện đúng quy chế, bảo đảm tính công bằng, khách quan, đánh giá đúng năng lực thí sinh khi dự tuyển. Các phương thức xét tuyển linh hoạt, công khai, đặt quyền lợi của người học lên hàng đầu, các chính sách ưu tiên theo khu vực, theo đối tượng, được thực hiện đầy đủ góp phần cải thiện cơ cấu xã hội trong học sinh sinh viên, đáp ứng một phần nhu cầu đào tạo nhân lực và nhu cầu học tập của nhân dân địa phương, bảo đảm nguồn lực người học có chất lượng, đóng góp cho sự phát triển xã hội

## **3. Tồn tại**

Khảo sát về công tác tuyển sinh chưa được triển khai liên tục do tình hình dịch bệnh.

## **4. Kế hoạch hành động**

Phát huy điểm mạnh đã đạt được trong công tác tuyển sinh bảo đảm thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đạt được trong những năm qua.

Hàng năm Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện lấy ý kiến khảo sát của người học về công tác tuyển sinh để làm cơ sở cho việc đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyển sinh hơn nữa.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 4.2. Công khai số liệu thống kê hằng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.***

### **1. Mô tả**

Sau giai đoạn đánh giá Trường lần 1, công tác công khai số liệu hằng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo được Nhà trường triển khai đầy đủ, kịp thời, bảo đảm tính công khai, minh bạch. quy trình thu thập cơ sở dữ liệu cụ thể như sau: hằng năm phòng Công tác HSSV xây dựng kế hoạch khảo sát của tình hình việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp; tổng hợp, lưu trữ số liệu và lập báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo quy định; chuyển số liệu sang phòng QLĐT để xây dựng đề án tuyển sinh. Các số liệu thống kê về tình hình việc làm được công khai trên mục 3 công khai thuộc website của Nhà trường <http://cadsptw.edu.vn/articles.aspx?sitepageid=678>.

Bên cạnh đó, thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy, hằng năm sau khi chấm thi tốt nghiệp (học sinh trình độ trung cấp) và chấm thi khóa luận tốt nghiệp, chấm thi các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp (sinh viên trình độ cao đẳng), Trường tổ chức họp xét và công bố kết quả tốt nghiệp, cụ thể:

- Những sinh viên đủ điều kiện theo quy định được Nhà trường đăng danh sách dự kiến sinh viên được xét nghiệp trên phần mềm quản lý đào tạo để học sinh, sinh viên phản hồi. Sau thời gian phản hồi Nhà trường ban hành quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp trên phần mềm quản lý đào tạo [H4.04.02.01] và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan; đồng thời niêm yết danh sách sinh viên tốt nghiệp tại bảng tin của Nhà trường.

- Nhà trường tổ chức lễ bế giảng và phát bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng cho sinh viên vào tuần thứ 4 tháng 6 hằng năm và học sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp chuyên nghiệp vào tuần thứ 3 tháng 8 hằng năm [H4.04.02.02]. Nhà trường cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và tổ chức trao bằng tốt nghiệp

đúng thời hạn để tạo điều kiện tốt nhất, kịp thời nhất cho học sinh sinh viên tìm kiếm việc làm [H4.04.02.03].

Việc điều tra, thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp là một việc làm quan trọng đối với Nhà trường, được Nhà trường tiến hành hằng năm. Đây là yêu cầu được báo cáo trong đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường được công khai trên website và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Với đặc thù sinh viên sư phạm chiếm đa số, Trường có sự kết nối chặt chẽ với các sở Giáo dục và Đào tạo, tìm hiểu thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp qua các trao đổi khi liên hệ công tác, kết quả cho thấy sinh viên ra trường có việc làm và làm việc đúng ngành chiếm trên 90% [H4.04.02.04].

Việc khảo sát thông tin người học có việc làm sau tốt nghiệp được tiến hành định kỳ từ năm 2017 cho đến nay và chỉ khảo sát sau 01 năm tốt nghiệp; tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm rất cao, thu nhập bình quân phù hợp với bối cảnh chung của toàn xã hội. Kết quả khảo sát người học có việc làm sau tốt nghiệp được công khai trên Website của Trường và trên cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.06.04.05].

Hình thức điều tra, thu thập thông tin phản hồi của người học sau tốt nghiệp và được thực hiện chủ yếu bằng gọi điện trực tiếp và điền phiếu (đã thử nghiệm bằng hình thức phiếu hỏi google form nhưng không hiệu quả). [H6.06.04.06].

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	636	1111	1217	955	569
Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo sau 1 năm TN (%)	96,2%	92,8%	90,7%	98%	98%
Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	0,08	0,08	0,02	0,02	0,03
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	5,5 - 6 triệu	5,5 - 6 triệu	5,8 - 6 triệu	6 - 6,5 triệu	6 - 7,5 triệu

Trường cũng tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động tốt nghiệp từ Nhà trường để đánh giá về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của đơn vị, địa phương [H6.06.04.07], kết quả cụ thể:

Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020
Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	89,4%	86%	86,7%	90,1%
Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của c.việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	10,6%	14%	13,3%	9,9%
Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0%	0%	0%	0%

Bên cạnh đó, Trường cũng khảo sát ý kiến của các cơ sở thực hành thực tập để Nhằm giúp Nhà trường nắm bắt được khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên thực tập và SV đã tốt nghiệp, từ đó có căn cứ để điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo hướng phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Trong những năm qua, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp cao, có việc làm đúng ngành nghề được đào tạo đã khẳng định chất lượng, thương hiệu, uy tín của Nhà trường. Việc công khai số liệu SV có việc làm sau khi ra trường là thể hiện sự công khai minh bạch trong công tác đào tạo. Việc tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo, đánh giá năng lực người học tốt nghiệp đã bám sát mục tiêu đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo cụ thể, rõ ràng; tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cao; các cơ sở thực hành thực tập và các đơn vị tuyển dụng cơ bản hài lòng và đánh giá tốt về chất lượng đào tạo người học của Nhà trường. Đây là động lực to lớn để Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường lao động.

## **3. Tồn tại**

Việc điều tra khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhà tuyển dụng đối với các ngành GDNN thu thập được số lượng còn ít.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục phát huy thế mạnh đào tạo của Nhà trường trong những năm qua, để có sở cho công tác đổi mới trong hoạt động giáo dục đào tạo tiếp theo, năm học 2022-2023 sẽ tăng số lượng điều tra ý kiến của nhà tuyển dụng ngành giáo dục nghề nghiệp; tổ chức lấy ý kiến phản hồi nhà tuyển dụng bằng phiếu hỏi google form để tiết kiệm được thời gian và chi phí.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

**Tiêu chí 4.3. Tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của trường đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.**

**1. Mô tả**

Công tác tổ chức đào tạo từ mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động. Các kết quả đạt được này được sử dụng trong xác định/điều chỉnh các định hướng phát triển các loại hình này trong tương lai. Hiện nay nhà trường có 2 loại hình: đào tạo dài hạn chính quy và bồi dưỡng ngắn hạn.

Kết quả đào tạo dài hạn thể hiện ở 3 minh chứng: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, Tỷ lệ sinh viên có kết quả tốt nghiệp, kết quả thực tập; Khảo sát của nhà tuyển dụng về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc. Về kết quả tốt nghiệp của sinh viên 90% sinh viên đạt xếp loại tốt nghiệp từ khá, giỏi, xuất sắc. Kết quả THPT nghề nghiệp 1, nghề nghiệp 2, tốt nghiệp đều đạt 95% sinh viên đều đạt từ Giỏi trở lên. Kết quả khảo sát các nhà tuyển dụng cho thấy mức độ hài lòng về việc vận dụng kiến thức chuyên môn vào công việc, khả năng, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng thích ứng của SVTN với công việc được đánh giá rất cao, mức hài lòng và rất hài lòng chiếm 66,5% [H4.03.03.02], [H4.04.03.16], [H4.04.03.17].

Kết quả đào tạo ngắn hạn thể hiện ở minh chứng kết quả khảo sát học viên. Nhà trường tiến hành khảo sát đối với 484 học viên học chứng nhận “Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1” từ khoá 06 đến khoá 23, 82 học viên lớp “Can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ và trẻ khuyết tật trí tuệ”, 79 học viên lớp “Can thiệp trẻ rối loạn ngôn ngữ và lời nói”, 09 học viên lớp “Phương pháp giáo dục Montessori” cho thấy về chương trình khóa học hầu hết học viên được hỏi đánh giá tốt về chương trình khóa học, có tính ứng dụng cao, mong muốn được học thêm khóa bồi dưỡng khác [H4.04.03.18].

Câu hỏi	TTH		Montessori		GDĐB		Ngôn ngữ	
	Tốt	Cần cải thiện	Tốt	Cần cải thiện	Tốt	Cần cải thiện	Tốt	Cần cải thiện
Chương trình môn học	472	12	9	0	86	2	77	2
Nội dung cần cải tiến	506	7	79	0	79	7	69	0



Câu hỏi	TTH		Montessori		GDĐB		Ngôn ngữ	
	Tốt	Cần cải thiện	Tốt	Cần cải thiện	Tốt	Cần cải thiện	Tốt	Cần cải thiện
Đánh giá đội ngũ GV và CB phụ trách lớp	512	1	79	0	79	0	70	0
Học viên có đăng ký thêm học lớp bồi dưỡng	513	0	79	0	79	0	71	0
Đóng góp khác	513	0	79	0	79	1	71	0

Cùng với kết quả khảo sát trên, các ý kiến đóng góp đã được tiếp thu để làm cơ sở cho việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, duy trì các ngành có nhu cầu, chỉnh sửa chương trình đào tạo, dừng ngành đào tạo có nhu cầu đăng ký xét tuyển thấp. Cụ thể:

Chương trình đào tạo của từng ngành được thiết kế một cách có hệ thống, có cấu trúc hợp lý và mục tiêu rõ ràng, cụ thể, bảo đảm liên thông giữa các trình độ và các ngành đào tạo. Các chương trình đào tạo được bổ sung chỉnh sửa theo định kì để phù hợp với thực tế và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Đối với thị trường lao động, theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, việc chỉnh sửa chương trình ngành Giáo dục mầm non của Nhà trường đã được dựa trên ý kiến khảo sát các bên liên quan: ý kiến khảo sát khảo sát giảng viên về CTĐT [H4.03.03.01]; ý kiến khảo sát cơ sở thực tập đồng thời cũng là nhà tuyển dụng về CTĐT [H4.03.03.02] và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SV [H3.03.01.03]. Trường đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo 2019, hội nghị có sự tham gia của các chuyên gia về lĩnh vực Giáo dục mầm non và toàn thể giảng viên khoa Giáo dục mầm non [H4.03.03.04]; Chương trình đào tạo được xây dựng từ cấp khoa với sự tham gia của các giảng viên, các tổ chuyên môn và cán bộ quản lý [H4.03.03.05]. Sau khi có bản dự thảo chương trình, Trường tổ chức họp thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường [H4.03.03.06]; Phòng Quản lý đào tạo chỉnh sửa, biên tập, hoàn thiện chương trình khung và đề cương chi tiết các học phần trình Hiệu trưởng ký ban hành chương trình [H4.03.03.07].

Năm 2021, Vụ Giáo dục mầm non - Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp Trường CĐSPTU tổ chức hội thảo “Đề xuất và triển khai mô hình đào tạo, bồi

dưỡng, khắc phục vấn đề thiếu giáo viên mầm non” với sự tham gia của các Trường Cao đẳng, Đại học có đào tạo giáo viên mầm non và đại diện các Sở Giáo dục của các tỉnh thành trên cả nước. Số liệu cho thấy tổng số giáo viên cần nâng chuẩn là 42.621 người, trong đó số giáo viên công lập là 29.032 người, ngoài công lập là 13.589 người. Tổng số giáo viên có nhu cầu nâng chuẩn 23.032 người, trong đó trình độ cao đẳng là 16.789 người, trình độ đại học 6.243 người [H4.03.03.08]. Số lượng giáo viên dôi dư có nhu cầu chuyển đổi đào tạo văn bằng 2, bồi dưỡng chứng chỉ ngành giáo dục mầm non rất lớn [H4.03.03.09].

Nắm bắt từ cầu thực tiễn, Nhà trường triển khai thực hiện đào tạo các trình độ cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cấp chứng chỉ theo các chuyên đề. Trường tổ chức đào tạo hệ cao đẳng chính quy; trung cấp chính quy ngành GDMN đào tạo năm 2018, 2019, vừa làm vừa học, liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp lên trình độ cao đẳng theo Nghị định 71 năm 2021 (theo đặt hàng Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam). Các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ như Phương pháp cho trẻ làm quen tiếng Anh, Nghiệp vụ sư phạm mầm non, Tiền tiểu học, Can thiệp sớm cho trẻ rối loạn phát triển và trẻ khuyết tật trí tuệ theo nhu cầu và theo đặt hàng các Sở Giáo dục Đào tạo Hải Phòng, Ninh Bình...

Trên cơ sở chương trình khung và các quy định về các học phần bắt buộc theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường tổ chức đào tạo các chương trình phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu xã hội. Các chương trình đào tạo bao gồm: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy, chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp. Sinh viên được đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học học theo chương trình đào tạo hệ chính quy với kế hoạch giảng dạy ngoài giờ hành chính. Trong giai đoạn 5 năm vừa rồi Nhà trường có các lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội, đặt hàng các địa phương. Từ năm 2021 đến nay chỉ đào tạo theo hình thức chính quy và đào tạo đặt hàng theo Nghị định 71. Năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019- 2020 đáp ứng nhu cầu giáo viên mầm non chất lượng cao cho các cơ sở giáo dục mầm non [H4.04.03.10]. Năm 2021 Nhà trường xây dựng chương trình đạo theo hướng chuyên ngành, cung cấp kiến thức chuyên sâu các lĩnh vực cho giáo viên mầm non để đáp ứng công việc thực tế giáo viên tại trường mầm non [H4.04.03.11], [H4.04.03.12].

Đối với mỗi khóa đào tạo, Nhà trường xây dựng và thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy toàn khóa bám sát mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, gồm kế hoạch 3 năm với trình độ cao đẳng hệ chính quy, kế hoạch 2 năm với trình độ trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy, kế hoạch 1,5 năm đối với chương trình cao đẳng đào tạo liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp [H4.04.03.13].

Đầu mỗi năm học, Trường tổ chức và xây ban hành các kế hoạch: Kế hoạch và nội dung thực hiện công tác tuyển sinh và đào tạo năm học; kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp, kế hoạch về thực hành thực tập, hướng dẫn các cuộc thi nghiệp vụ nghề nghiệp; kế hoạch hướng dẫn SV khóa luận tốt nghiệp... [H4.04.03.14]. Trên cơ sở hướng dẫn của Nhà trường, các khoa xây dựng kế hoạch chuyên môn, trình Ban Giám hiệu (thông qua các phòng, ban có liên quan) phê duyệt [H4.04.03.15].

## **2. Điểm mạnh**

Căn cứ trên thực tế nhu cầu xã hội cần số lượng lớn đội ngũ giáo viên mầm non; trên mong muốn được đào tạo chuyên ngành sâu của GDMN, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng... trường đã chú trọng đến việc tổ chức đào tạo bằng các hình thức đa dạng đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngoài hệ chính quy tập trung, Nhà trường tổ chức đào tạo hệ vừa làm vừa học, hình thức liên thông, liên kết và phối hợp đào tạo (trình độ trung cấp chuyên nghiệp), tổ chức đào tạo theo nhu cầu của các địa phương, đơn vị sử dụng lao động, tổ chức đào tạo bồi dưỡng theo nhu cầu thực tiễn người học.

## **3. Tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và nhà tuyển dụng các ngành thuộc hệ thống GDNN chưa được thực hiện một cách rộng rãi và thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Phát huy thế mạnh về chất lượng, nội dung, hình thức đào tạo của Nhà trường trong những năm qua đã được xã hội đánh giá cao, đặc biệt thế mạnh đào tạo ngành giáo dục mầm non, để có bước phát triển tiếp theo cho các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Trong giai đoạn 2022 - 2025, Nhà trường sẽ nghiên cứu áp dụng phương thức điều tra khảo sát đối với các nhà tuyển dụng ở khối ngành này, góp phần điều chỉnh hình thức tổ chức đào tạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và xã hội.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 4.4: Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.***

### **1. Mô tả**

Luôn nhận thức chất lượng giáo dục đào tạo là vấn đề then chốt của cơ sở giáo dục và đào tạo, trong những năm qua, sau giai đoạn đánh giá trường lần 1, chủ trương đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, Ban GH Nhà trường [H4.04.04.01].

Trong những năm qua, Nhà trường đã không ngừng đầu tư cho cơ sở vật chất của Nhà trường để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy và học. Nhà trường đã đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin LMS, thiết lập hệ thống LMS với hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để thực hiện việc giảng dạy và đánh giá quá trình học tập của SV. Toàn bộ hệ thống phòng làm việc, khu giảng đường và ký túc xá SV đã được lắp đặt hệ thống mạng wifi. Đầu tư mới phòng học đa năng trang bị 41 máy tính, thiết bị phụ kiện phục vụ cho đào tạo trực tiếp và trực tuyến, đầu tư mới các trang thiết bị tại 3 trường MNTH phục vụ cho công tác THPT, tương tác trên trẻ, phục vụ tiếp đoàn chuyên gia, hội thảo hộ nghị; đầu tư phòng studio để quay và thu âm bài giảng E-elearning. Với trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, giúp giảng viên và SV ứng dụng công nghệ, đổi mới phương pháp trong dạy học [H4.04.04.02].

Cùng với đó, Nhà trường đã dành nguồn kinh phí hằng năm cho công tác nghiên cứu khoa học. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang thay đổi căn bản lối sống, cách thức làm việc và giao tiếp của con người. Điều này đòi hỏi giáo dục và đào tạo cũng phải thay đổi phương thức dạy học một cách mạnh mẽ, toàn diện. Trong đó, ứng dụng công nghệ thông tin và internet vào quá trình đào tạo nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tri thức, hình thành năng lực chủ động trong việc chiếm lĩnh tri thức là một yêu cầu cấp thiết. Dạy học trực tuyến là một phương thức đào tạo hiện đại, được coi là một cuộc cách mạng trong dạy và học trở thành xu hướng tất yếu của thời đại. Phương thức này đã được áp dụng phổ biến ở các trường đại học trên thế giới với nhiều mức độ khác nhau đã tạo ra các mô hình lớp học mà người dạy và người học giao tiếp, thực hiện các nhiệm vụ qua môi trường mạng. Thay vì người học và người dạy tới các lớp học

truyền thông, đào tạo trực tuyến đã giúp cho việc trao đổi thông tin, truyền đạt tri thức, việc tổ chức lớp học linh hoạt mọi lúc, mọi nơi nhờ ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, các trường học ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã lựa chọn đào tạo trực tuyến là một trong những giải pháp tối ưu nhằm bảo đảm an toàn sức khỏe và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, đào tạo trực tuyến hiện nay mới chỉ ở giai đoạn kết nối trực tuyến trên nền tảng các ứng dụng họp trực tuyến và internet, chưa làm thay đổi căn bản phương pháp học tập.

Để đáp ứng yêu cầu cấp bách trong việc phòng chống dịch Covid-19, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 về quy chế đào tạo đại học. Theo Thông tư, các cơ sở giáo dục đại học được tổ chức các lớp học trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng chất lượng lớp học trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp. Thời lượng tối đa (chính quy hay vừa làm vừa học) 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Các trường được phép áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi bảo đảm trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần. Cũng như nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo khác, Trường CDSPTU cũng đã bước đầu chuyển sang đào tạo trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát và diễn ra phức tạp. Quá trình chuyển đổi là sự kết hợp hài hòa giữa việc sử dụng internet và công nghệ để tạo ra các lớp học ảo với việc giảng viên giao nhiệm vụ, SV hoàn thành và các lớp học trực tiếp. Đề tài trọng điểm cấp cơ sở “Nghiên cứu triển khai đào tạo trực tuyến tại Trường CDSPTU giai đoạn từ năm 2021-2025” là giai đoạn đầu tiên để triển khai đào tạo trực tuyến Nhà trường [H4.04.04.03]. Trên cơ sở nghiên cứu của đề tài, năm 2021, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định đào tạo trực tuyến [H4.04.04.05].

Cùng với đó các đề tài của các giảng viên xây dựng hệ thống bài giảng E-learning phục vụ cho công tác đào tạo được triển khai sâu rộng. Giai đoạn tiếp theo, Nhà trường ban hành quy định tính giờ, quy đổi giờ học trực tuyến và triển khai sâu rộng để tất cả các bài giảng đều được xây dựng dưới hình thức bài giảng E-learning, góp phần vào việc đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học [H4.04.04.04]. Hiện nay, có hơn 4000 tài khoản của người dùng đã được tạo

trên LMS và thường xuyên sử dụng, bao gồm tài khoản của giảng viên (hơn 150 tài khoản, còn lại là tài khoản của SV/học viên). Hệ thống LMS có 13605 tài khoản: Mỗi giảng viên và SV đều được cấp 2 tài khoản (1 tài khoản được đồng bộ từ hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường và 1 tài khoản được tạo trên LMS; một số tài khoản của SV được đồng bộ từ phần mềm QLĐT nhưng không tham gia học qua LMS; một số tài khoản các lớp dự án kỹ năng sống - dự án kidskills; ngoài ra có một số tài khoản tạo để dùng thử chương trình, v.v.). Có hơn 100 lớp học trực tuyến được mở trên LMS. Trên màn hình có 730 lớp, bao gồm cả các lớp được tạo trên phần mềm quản lý đào tạo từ các năm học trước được đồng bộ sang. Có hơn 60 học phần/môn học/nội dung đã được đưa lên LMS [H4.04.04.05]. Danh sách các học phần/môn học đưa lên LMS (phụ lục 2).

Với kinh nghiệm nhiều năm đào tạo giáo viên mầm non, trường CĐSPTU đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho nhiệm vụ đầu mối, phối hợp với các chuyên gia, các nhà khoa học trong việc biên soạn các tài liệu bồi dưỡng GVMN và CBQL cơ sở GDMN theo Thông tư 11, 12 về bồi dưỡng thường xuyên GVMN và CBQL cơ sở GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Có 40 tài liệu bồi dưỡng thường xuyên thực hiện năm 2020, 2021 đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiệm thu và đánh cao về chất lượng. Có 02 mô đun đã nghiệm thu được chuyển thể sang bài giảng E-leraning [H4.04.04.06].

Năm 2022, Quyết định số 1791/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số và xây dựng học liệu số phục vụ giáo dục mầm non; Thông báo số 1176/TB-BGDĐT ngày 07 tháng 9 năm 2022 thông báo Kết luận của Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn tại buổi làm việc với các chủ đầu tư dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội; Công văn số 4738/BGDĐT-GDMN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng danh mục học liệu số, khóa học trực tuyến; Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ; Vụ Giáo dục Mầm non, Trường CĐSPTU đề xuất danh mục, tiêu chí đánh giá, quy trình xây dựng học liệu số, khóa học trực tuyến dành cho giáo dục mầm non với 200 bài giảng video đã phê duyệt [H4.04.04.07]. Đây là nguồn học liệu vô cùng quý giá hỗ trợ rất lớn trong công tác dạy và học, cũng như hỗ trợ cha mẹ trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

Hàng năm, hoạt động dự giờ góp phần rất lớn trong việc cải tiến chất lượng giảng dạy của giảng viên. Các tổ chuyên môn thuộc các khoa tiến hành sinh hoạt chuyên môn, dự giờ góp ý cho các giảng viên về phương pháp, nội dung bài giảng. Thông qua các tiết dạy học giảng viên có thêm nhiều kinh nghiệm trong việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của SV [H4.04.04.08]. Ở các trường MNTH của Nhà trường cũng tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức thi giáo viên dạy giỏi các khối. Thông qua hoạt động thao giảng nhằm tôn vinh, khen thưởng các giáo viên luôn đổi mới nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ [H4.04.04.08].

Nhà trường có định hướng rõ ràng trong công tác nghiên cứu khoa học, ưu tiên các nghiên cứu về đổi mới phương pháp dạy - học, đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập cho SV và khuyến khích giảng viên xây dựng ngân hàng đề thi [H4.04.04.09]. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của SV: yêu cầu giảng viên khi lên lớp hạn chế diễn giảng, tăng cường thảo luận, thực hành, buộc tất cả SV phải làm việc tích cực trong giờ học. Giảng viên công bố chương trình chi tiết học phần cho SV, trong đó có hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn, giáo trình, tài liệu tham khảo, hình thức thi [H4.04.03.06]. Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá: khuyến khích ra đề thi mở, tăng cường hình thức thi vấn đáp và trắc nghiệm khách quan [H4.04.04.10]. Nhà trường tiến phiếu lấy ý kiến SV về chất lượng giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc học phần trên phần mềm quản lý đào tạo [H4.04.05.11]

Việc thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV cũng thể hiện trong các đợt bồi dưỡng chuyên môn theo các chuyên đề chuyên sâu, các hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Từ 2018 đến 2022 cán bộ giảng viên của Nhà trường đã và đang thực hiện 57 đề tài NCKH các cấp; 23 tài liệu tham khảo; 06 giáo trình; 27 băng hình; 05 sách dịch từ tiếng nước ngoài phục vụ cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, trong đó đã xuất bản 39 đầu sách. Trường đã tổ chức thành công 27 hội thảo cấp Khoa, 02 hội thảo cấp trường; 06 hội thảo quốc gia, 01 hội thảo quốc tế; 07 bài báo đăng tạp chí quốc tế, 71 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. 100 bài báo khoa học đăng trên Tập san Thông tin Khoa học Giáo dục [H4.04.04.12].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có đầu tư nguồn lực vật chất và con người cho công tác giảng dạy, các giảng viên rất nỗ lực học hỏi đổi mới chuyên môn, phương pháp giảng dạy, làm chủ khoa học công nghệ, không ngừng nỗ lực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học, góp phần nâng cao kết quả học tập, sự chủ động sáng tạo người học, nâng cao hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại các trường mầm non.

### **3. Tồn tại**

Giảng viên tham gia và xây dựng bài E-learning chưa nhiều.

### **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, đội ngũ giảng viên không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, làm chủ phương tiện thiết bị dạy học, sẽ là tiền đề cho việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học trong thời gian tới. Trong năm 2023, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch, lộ trình đẩy mạnh số hóa bài giảng, thúc đẩy giảng viên tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, trong đó có xây dựng các bài giảng E-learning cho các học phần, khuyến khích và hỗ trợ SV làm tiểu luận, bài tập nhóm, nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cũng như kỹ năng làm việc nhóm.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 4.5. Đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.***

#### **1. Mô tả**

Đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; bảo đảm nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, bảo đảm mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo đã được Nhà trường thực hiện. Cụ thể:

- Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp) [H4.04.05.01], [H4.04.05.02]. Đề cương chi tiết của từng học phần cũng có mục tiêu cụ thể, rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, gắn với mục tiêu chung của chương trình đào tạo [H4.04.05.03],



[H4.04.05.03].

- Tất cả các chương trình đào tạo được cấu trúc hợp lý gồm các nội dung sau: Tên chương trình, Trình độ đào tạo, Ngành đào tạo, Mã ngành, Hình thức đào tạo, Mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể), Chuẩn đầu ra, Khối lượng kiến thức toàn khóa, Nội dung chương trình, Hướng dẫn thực hiện chương trình [H4.04.05.01], [H4.04.05.02].

- Việc tổ chức đào tạo được thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều 22 của quy chế quy định đánh giá điểm học phần, điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy. Cụ thể: điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6; Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2; Điểm học phần đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,00 trở lên sau khi đã quy đổi. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hai chữ số thập phân; Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm học phần được bảo lưu, không bao gồm điểm học phần được miễn trừ và học phần điều kiện; Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy chỉ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc học phần lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc học phần có điểm cao nhất. Hiện nay, toàn việc tổ chức đào tạo được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy chế này [H4.04.04.11]

- Năm học 2019, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý xây dựng ngân hàng đề thi, tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo theo hệ thống tín chỉ và tiếp tục cải tiến năm 2021 ban hành Quy định thi kết thúc học phần bổ sung quy trình thi trực tuyến (online); xây dựng Kế hoạch thi và Kế hoạch nghiệm thu ngân hàng đề thi kết thúc học phần theo từng năm học [H4.04.05.05], [H4.04.05.06], [H4.04.05.07]. Trong đó quy định trách nhiệm của từng đơn vị

phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối trong việc tổ chức thi, phòng QLĐT, phòng Quản trị thiết bị, các Khoa, phòng khác phối hợp. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch thi, nhận phản hồi và rà soát, chỉnh sửa kế hoạch, gửi yêu cầu coi/chấm thi, Bốc thăm /Lựa chọn đề thi, in sao, quản lý đề thi, Tổ chức coi/chấm thi, nhập điểm, tổng hợp điểm thi và điểm học kỳ trên phần mềm quản lý đào tạo. Phòng QLĐT Thống kê các học phần mở lớp và tiến độ giảng dạy theo từng năm học, giải quyết những vướng mắc liên quan đến tiến độ giảng dạy và xử lý khi GV giải trình điểm thành phần. Các Khoa đôn đốc giảng viên nhập điểm thành phần lên phần mềm quản lý đào tạo trước kỳ thi, xây dựng ngân hàng đề thi hoặc ra đề thi và chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi theo đúng quy định, phân công giảng viên coi/chấm theo kế hoạch thi.

Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi: Tổ bộ môn được phân công nhiệm vụ tổ chức biên soạn đề, Khoa và tổ bộ môn đánh giá và nghiệm thu NHĐT cấp khoa; sau đó tiến hành nghiệm thu cấp trường. Trách nhiệm cụ thể của trưởng bộ môn sẽ phải chịu trách nhiệm trước khoa về việc hướng dẫn các giảng viên phụ trách học phần biên soạn ngân hàng câu hỏi và đáp án. Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi theo quy định của trường và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng ngân hàng đề thi. Ngân hàng đề thi phải được xây dựng phù hợp, phủ kín chương trình môn học.

Tùy theo đặc thù của mỗi khoa, mỗi ngành, các khoa sử dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập khác nhau phù hợp với hình thức đào tạo và hình thức học tập nhằm bảo đảm mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Trường đã áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan cho môn Tiếng Anh, Ngữ pháp, Đất nước học, Tin học cơ sở, Phân loại tài liệu, Định chủ đề và từ khóa..., các môn học còn lại được đánh giá qua các bài thi vấn đáp, thực hành và tự luận [H4.04.05.08]. Nhà trường khuyến khích việc ra đề thi mở để phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học. Tất cả các hoạt động trên đều hướng tới mục tiêu chung là bảo đảm nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác trong đánh giá.

Kết quả thi được công bố trên tài khoản SV (đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ) hoặc gửi về khoa (đối với đào tạo theo học chế niên chế). Việc tổ chức chấm thi phúc khảo được tổ chức đúng quy chế, bảo đảm quyền lợi của SV. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá mỗi học phần/môn học được thực hiện đồng nhất giữa các hình thức đào tạo.

Đối với các học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp, Nhà trường biên soạn mẫu và thang điểm đánh giá gửi tới các cơ sở thực hành thực tập, giúp việc đánh giá SV thực tập được khách quan và công bằng [H4.04.05.09].

Nhà trường triển khai hoạt động lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau khi học xong các học phần, phiếu hỏi có nội dung về chất lượng giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học trên phần mềm quản lý đào tạo, phần lớn SV đều đánh giá rất cao tính khách quan, chính xác, công bằng trong quá trình học, đánh giá cao chất lượng giảng dạy của giảng viên [H4.04.05.10].

Trong Chương 5 của Quy chế tổ chức thi quy định rõ về quy trình phúc khảo điểm thi như điều kiện phúc khảo, quy trình chấm phúc khảo và xử lý kết quả chấm phúc khảo. Điều này đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo [H4.04.05.05].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã giao cho khoa GD mầm non trong thời gian tới, phối hợp phòng Quản lý đào tạo tiếp tục xây dựng kế hoạch mời các chuyên gia tập huấn cho giảng viên về đổi mới phương pháp đánh giá người học theo hướng tiếp cận năng lực.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học chặt chẽ, khoa học, bảo đảm nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, bảo đảm mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.

Nhà trường áp dụng hiệu quả hình thức thi thực hành trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, góp phần đáng kể trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, gắn lí thuyết với thực hành, phát triển kĩ năng, tay nghề, bảo đảm tính khách quan, công bằng, phù hợp trong việc đánh giá chất lượng dạy và học.

## **3. Tồn tại**

Tổ chức hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng chuyên môn cho công tác đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá người học chưa được thực hiện thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2022 - 2023, tiếp tục rà soát điều chỉnh về đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, với cơ sở hạ

tầng CNTT sẵn có của Trường sẽ góp phần rất lớn vào việc đánh giá người học khách quan, công bằng.

Trong những năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ có kế hoạch Tổ chức hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng chuyên môn cho công tác đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá người học, hoạt động này cần được triển khai thường xuyên hơn.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

**Tiêu chí 4.6. Đảm bảo an toàn chính xác trong lưu trữ kết quả của người học.**

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã bảo đảm an toàn chính xác trong lưu trữ kết quả của người học. Các kết quả của người học bao gồm: kết quả tuyển sinh đầu vào, điểm đánh giá thường xuyên các học phần, điểm thi, kết quả tốt nghiệp.

Điểm trúng tuyển và danh sách SV trúng tuyển từng đợt, từng khóa tuyển sinh được lưu trữ theo hồ sơ tuyển sinh. Việc lưu trữ thực hiện đúng theo quy định [H4.04.06.01].

Kết quả học tập của người học được quản lý thông qua các Sổ lên lớp của giảng viên, đầu điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được lưu giữ bằng bản cứng tại Khoa, điểm thi, bài thi kết thúc học phần được lưu giữ tại phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Công tác chấm thi được thực hiện tập trung, tại chỗ tại phòng Nghiệp vụ thi. Sau khi thi vấn đáp giảng viên nhập điểm trực tiếp tại phòng Nghiệp vụ thi. Ngoài ra, các đầu điểm được giảng viên trực tiếp nhập lên phần mềm quản lý đào tạo, giảng viên không thể tự ý sửa điểm khi đã gửi điểm lên thông, việc sửa điểm chỉ được thực hiện khi giảng viên lên hệ thống làm giải trình lý do, sau đó in bản giải trình và có xác nhận Ban chủ nhiệm các khoa, nộp trực tiếp về phòng Quản lý đào tạo (lưu giữ), sau đó mới được sửa điểm, điều này bảo đảm lưu vết và thực hiện chính xác trong lưu trữ kết quả của người học [H4.04.06.02], [H4.04.06.03].

Từ năm 2019, việc tổng hợp điểm trong quá trình học trên phần mềm QLĐT đã được phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện, trước kia là nhiệm vụ thuộc phòng QLĐT. Điều này thể hiện rõ quy trình khách quan, khoa học trong minh bạch tổng hợp điểm và lưu giữ kết quả học tập của người học [H4.04.06.04].

Hệ thống phần mềm QLĐT đã bảo đảm tính bảo mật và các dữ liệu đào tạo thường xuyên được backup, các dữ liệu học tập của SV được lưu giữ về tại ổ

cứng để trách việc khi server hỏng, các dữ liệu kết quả học tập không bị mất [H4.04.06.04].

Sau khi có kết quả công nhận tốt nghiệp, các bảng điểm toàn khóa của SV được lưu trữ tại phòng văn bằng chứng chỉ của Nhà trường. Danh sách SV tốt nghiệp được quản lý khoa học, theo Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ [H4.04.06.05]. Số liệu cấp phát văn bằng chứng chỉ được công bố công khai [H4.04.06.06]. Sau quá trình đánh giá chất lượng Nhà trường chu kỳ 1, các nội dung tồn tại về sổ VBCC đã được rà soát, bổ sung theo khuyến nghị.

Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng nhập nhầm điểm lên phần mềm QLĐT, theo thống kê số lượng GV nhập nhầm điểm trong 5 năm từ năm 2018 - 2022 là 289 lượt, lỗi chủ yếu là do giảng viên nhập nhầm điểm, hoặc sót điểm thành phần trong quá trình dạy/học, Thất lạc bằng (phía người học) và xin cấp lại bản sao là 171, sai sót về thông tin trên bằng là 9 trường hợp [H4.04.06.07]

## **2. Điểm mạnh**

Với quy trình khoa học, nghiêm ngặt và sự hỗ trợ của phần mềm QLĐT, kết quả học tập của người học được lưu trữ ngày càng chính xác, khoa học và bảo đảm an toàn, từ khâu tuyển sinh, kết quả học tập và công nhận tốt nghiệp.

## **3. Tồn tại**

Việc nhập điểm của một số giảng viên vẫn còn có xảy ra sai sót và phải giải trình điểm trên phần mềm.

## **4. Kế hoạch hành động**

Việc lưu trữ kết quả học tập người học được làm tốt trong thời gian qua, tuy nhiên, để hạn chế việc nhập điểm nhầm và phải giải trình trên hệ thống phần mềm của giảng viên, trong những năm học tới Nhà trường sẽ nâng cao tinh thần trách nhiệm giảng viên trong quá trình kiểm tra/đánh giá và nhập điểm để tránh các sai sót không đáng có.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 4.7. Kết quả người học được thông báo kịp thời. Văn bằng chứng chỉ học tập được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.***

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã thực hiện việc thông báo kết quả học tập kịp thời đến người học. Các văn bằng chứng chỉ học tập của người học được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Cụ thể:

Việc tổ chức thi, chấm và công bố kết quả thi kết thúc học phần được thực hiện đúng theo quy chế đào tạo (Điều 21. Ra đề thi, chấm thi kết thúc học phần) và quy định về việc tổ chức thi của trường. Kết quả đánh giá thường xuyên được giảng viên công bố trước khi thi kết thúc học phần và nhập điểm lên hệ thống QLĐT, SV có thời gian được xem và phản hồi tới giảng viên nếu có sai sót trước một tuần khi kế hoạch thi của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục. Đối với việc công bố điểm thi kết thúc học phần. Điểm thi theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc báo cáo thực tập phải được công bố cho người học biết ngay sau khi chấm. Đối với các hình thức thi khác (tự luận, thực hành...) phải được công bố cho người học biết sau mười ngày làm việc kể từ ngày thi xong học phần đó. Các điểm thi kết thúc học phần được ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và được lưu tại đơn vị.

Kết quả thi học phần được công bố kịp thời, đúng quy chế trên phần mềm quản QLĐT, SV xem kết quả trên phần mềm QLĐT [H4.04.07.01]. Năm 2019, 2020 các lớp trung cấp GDMN, năm 2022 là các lớp liên thông ngành GDMN theo Nghị định 71 vẫn thực hiện việc thi tốt nghiệp. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục xây dựng kế hoạch tổ chức thi. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp được niêm yết công khai, được thông báo kịp thời đến SV. Đề thi, thang điểm thi tốt nghiệp được xây dựng, bảo mật và lưu trữ tại phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục [H4.04.07.02]. Khi khoá học kết thúc, toàn bộ điểm thi và kết quả học tập được in thành bảng điểm tổng hợp toàn khóa, phiếu điểm cá nhân để cấp cho người học [H4.04.07.03].

Nhà trường có cán bộ chuyên trách văn bằng chứng chỉ thuộc phòng Quản lý Đào tạo. Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: dự kiến số lượng SV tốt nghiệp để đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phát phôi bằng, cho SV kiểm tra chính thông tin trong buổi làm thủ tục thi tốt nghiệp, thực hiện in bằng sau khi có Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp phát bằng theo Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ (mẫu theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hệ thống sổ sách việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ rõ ràng, cụ thể (gồm Họ tên, Ngày tháng năm sinh, Nơi sinh, Giới tính, Dân tộc, Khóa học, Năm tốt nghiệp, Xếp loại tốt nghiệp, Hình thức đào tạo, Số hiệu bằng, Số vào sổ) theo từng năm [H4.04.07.04]. SV tốt

nghiệp trực tiếp nhận bằng tốt nghiệp tại trường; những trường hợp nhận thay cần có đơn và giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn xác nhận.

Danh sách học sinh, SV tốt nghiệp hằng năm dự kiến được công bố công khai trên phần mềm quản lý đào tạo để SV phản hồi, sau đó khi ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách công nhận tốt nghiệp tiếp tục công bố công khai trên phần mềm quản lý đào tạo.

Mọi thắc mắc của người học về kết quả thi đều được giải đáp thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Quy trình giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định phúc khảo hiện hành và được công bố công khai trên phần mềm.

Kết quả của người học được lưu trữ đầy đủ và khoa học nên công tác cấp lại bằng điểm và chứng nhận tốt nghiệp cho học sinh, SV sau khi ra trường thuận lợi, việc phối hợp với các cơ quan điều tra, tuyển dụng trong việc xác minh văn bằng chứng chỉ được tiến hành nhanh chóng, chính xác [H4.04.07.05].

Nhà trường có sổ quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ theo mẫu của bộ GD&ĐT có bổ sung cột “Số điện thoại” theo góp ý của đoàn đánh giá ngoài [H4.04.07.04]. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời trên hệ thống quản lý đào tạo [H4.04.07.06].

## **2. Điểm mạnh**

Với cách thức quản lý khoa học trong công tác tổ chức đào tạo, kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, văn bằng chứng chỉ được cấp theo đúng quy định, hồ sơ lưu trữ an toàn chính xác.

## **3. Tồn tại**

Hệ thống phần mềm đôi lúc quá tải với lượng truy cập, một số SV xem kết quả học tập chưa được kịp thời.

## **4. Kế hoạch hành động**

Phần mềm quản lý đào tạo và quy trình vận hành công tác tổ chức đào tạo đã bảo đảm được tính khách, chính xác lưu giữ thông tin.

Trong năm học tới, để bảo đảm quyền lợi cho SV, Nhà trường tiếp tục làm việc với đơn vị cung cấp phần mềm tiến hành bảo dưỡng, rà soát chỉnh sửa và nâng cấp phần mềm.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

**Tiêu chí 4.8: Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.**

## 1. Mô tả

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Nhà trường, tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp so với giai đoạn 1 đánh giá ngoài đã có sự thay đổi rất lớn. Cụ thể:

Phần mềm quản lý đào tạo hiện nay đã tích hợp các nguồn dữ liệu đầu vào của người học với điểm học tập, điểm rèn luyện, điều kiện được dự thi kết thúc với công tác tài chính của trường. Dữ liệu SV này là cơ sở để trung tâm Thông tin - Thư viện Nhà trường cập nhật quản lý việc cho mượn đầu sách, giáo trình phục vụ cho việc học của SV. Đối với học sinh học hệ trung cấp được quản lý toàn bộ trên phần mềm EMIS, đối với SV cao đẳng được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo. Cơ sở dữ liệu của trường bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu tuyển sinh: danh sách thí sinh, điểm trúng tuyển, quyết định và danh sách trúng tuyển, danh sách nhập học theo lớp hành chính do Phòng Quản lý Đào tạo quản lý [H4.04.08.01];

- Hồ sơ HSSV nhập học và Hồ sơ tốt nghiệp: do phòng Công tác Sinh viên quản lí [H4.04.08.02];

- Chương trình đào tạo các ngành và đề cương chi tiết các học phần trong từng chương trình [H4.04.08.03]; [H4.04.08.04]; [H4.04.08.05]; [H4.04.08.06];

- Kế hoạch tổ chức thi học kì, kế hoạch rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Khoa GDMN, kế hoạch thực tập sư phạm tập trung, kế hoạch nghiên cứu khoa học, ngoại khóa...) [H4.04.08.07];

- Kết quả học tập của người học [H4.04.08.08];

- Dữ liệu tốt nghiệp: Quyết định và danh sách SV tốt nghiệp theo từng khóa/đợt xét tốt nghiệp, Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ: do bộ phận chuyên trách trực thuộc Phòng Quản lý Đào tạo quản lí [H4.04.08.09];

- Kết quả điều tra về mức độ người học tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành [H6.06.04.10].

Hiện nay, việc tích hợp giữa phần mềm quản lý đào tạo và phần mềm LMS bảo đảm thông tin và cơ sở dữ liệu trùng khớp từ danh sách SV, thời khóa biểu, đầu điểm...Nguồn cơ sở dữ liệu được đồng bộ hóa đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường. Đồng thời, Trường có tiến hành tổ chức nhiều hình thức thu thập thông tin (qua điện thoại, hội thảo, khảo sát online) về tình hình việc làm của SV [H4.04.08.11].

## 2. Điểm mạnh



Trường đã có CSDL về hoạt động đào tạo tương đối đồng bộ, đầy đủ các nguồn dữ liệu cá nhân, liên tục được bổ sung hằng năm và được lưu giữ an toàn, bảo mật đúng quy định. Từ sau giai đoạn đánh giá trường chu kỳ 1 đến nay đã thống nhất được cơ sở dữ liệu trong Trường trên phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ: mã số thí sinh trúng tuyển, hồ sơ HSSV, kết quả học tập từng học phần, học kì, năm học, kết quả xét tốt nghiệp.

### **3. Tồn tại**

Việc kết nối cựu SV để giới thiệu việc làm chưa được hiệu quả như mong muốn.

### **4. Kế hoạch hành động**

Với việc đồng bộ được CSDL trong những năm qua, đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo, công tác quản lý của Nhà trường. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về tình hình SV tốt nghiệp, việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp.

Trong giai đoạn 2023 - 2025, tăng cường kết nối cựu SV với nhiều hoạt động đa dạng, phong phú.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 4.9. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.***

#### **1. Mô tả**

Để xác định được những mặt mạnh và hạn chế trong chương trình đào tạo nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tế của xã hội, Nhà trường đã lấy ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo của người học (SV đang học tập tại trường và SV sau khi ra trường); ý kiến các nhà tuyển dụng về chất lượng SV, đóng góp chỉnh sửa chương trình đào tạo. Hoạt động này đã được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục. Trên cơ sở ý kiến đóng góp, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo, cải tiến công tác phục vụ đào tạo để nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Tiếp thu các ý kiến của đoàn đánh giá ngoài giai đoạn 1, năm 2018, Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát để đánh giá chất lượng của người học sau khi ra trường. Thông qua ý kiến phản hồi của người học (về tình hình việc làm) và của các đơn vị sử dụng lao động (về mức độ đáp ứng công việc của người học tốt nghiệp). Nhà trường đã ban hành kế hoạch khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp

ngành GDMN khóa 2018 - 2021 (456 sinh viên), khóa 2019 - 2020 (520 sinh viên) làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo. Thời gian tiến hành khảo sát hai khóa sinh viên này là tháng 8/2021 và tháng 8/2022. Kết quả thống kê thể hiện trong bảng (phụ lục 2).

Từ kết quả khảo sát cho thấy sinh viên chủ yếu làm ở môi trường tư thục và tập đoàn giáo dục. Sinh viên sau 3 năm học tập tại trường đều đánh giá chương trình đào tạo nhà trường đáp ứng được yêu cầu công việc hiện nay. Các cơ sở tuyển dụng đánh giá cao sinh viên ở mức độ đáp ứng công việc cho đến mức đáp ứng tốt. Bên cạnh đó các cơ sở tuyển dụng để đáp ứng đòi hỏi công việc vẫn tiến hành tổ chức đào tạo bồi dưỡng giáo viên, trong đó bồi dưỡng hai vấn đề chính đó là sứ mệnh cơ sở thực tập và kỹ năng mềm. Khi tiến hành phỏng vấn sâu, sinh viên cho biết tùy theo tính chất công việc thì chúng em sẽ được cơ sở đào tạo sau thêm để có thể đáp ứng, một số vị trí được đào tạo sau thêm đó là làm ở bộ phận tổ chức - tiếp đón, tư vấn phụ huynh, tư vấn chương trình cho phụ huynh có nhu cầu đăng ký học; bộ phận truyền thông của nhà trường. Ngoài ra một số ý kiến nêu việc học thêm các kỹ năng mềm là yêu cầu bắt buộc các trường mầm non, để giáo viên có thể giao tiếp, ứng xử với phụ huynh với trẻ và biết cách sáng tạo tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, tổ chức các sự kiện tại lớp cho các trẻ mầm non [H4.04.09.01]. Sinh viên tốt nghiệp đề xuất nhà trường cần có cách tiếp cận công tác tư vấn tuyển sinh tốt hơn, hệ thống phần mềm cần cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo.

Về chương trình đào tạo của Trường đầy đủ (nội dung chương trình đào tạo, nội dung THPT, quy định hướng dẫn THPT, chấm điểm...), đáp ứng được yêu cầu thực tiễn công việc SV đang làm. Các cơ sở THPT gần, có chất lượng tốt, có bề dày kinh nghiệm trong việc hướng dẫn SV thực tập [H4.04.09.01]. Các đợt sinh hoạt công dân đầu khóa được phổ biến đầy đủ quy chế đào tạo, quy chế HSSV, quy định của Nhà trường, cách thức truy cập phần mềm QLĐT để xem thời khóa biểu, điểm thi...Bên cạnh đó, còn có ý kiến góp ý thêm cho Nhà trường về các nội dung:

Đối với công tác tuyển sinh: cần có nhóm zalo, fanpage của Trường để thí sinh cập nhật thông báo nhanh hơn; Cần có hướng dẫn ôn thi năng khiếu trước mỗi buổi thi, đa dạng hóa các hình thức thi như thi online tạo điều kiện cho thí sinh ở xa khó đến dự thi trực tiếp; Hồ sơ tạo điều kiện thí sinh nộp online; Có hòm thư kết nối với website trường để SV có thể đăng ký online trước.

Đối với hoạt động tổ chức đào tạo: hệ thống phần mềm Nhà trường nhiều lúc còn bị lỗi, việc truy cập SV nhiều lúc chưa được thuận lợi.

Đối với chương trình đào tạo: Các phương pháp giáo dục mới đã có trong CTĐT chuyên ngành GDMN, tuy nhiên SV có thể đăng ký học thêm phương pháp tiên tiến này theo các chứng chỉ bồi dưỡng ngắn hạn.

Kết quả khảo sát cơ sở cho thấy, hầu hết các cơ sở đều tuyển dụng GVMN và tỷ lệ tuyển dụng GVMN tốt nghiệp trường CĐSPTU chiếm tỷ lệ 80%. Các cơ sở tuyển dụng đánh giá cao mức độ đáp ứng công việc của sinh viên, các mức độ đáp ứng đều đạt mức đáp ứng cho đến mức đáp ứng rất tốt. Qua quá trình sinh viên thực tập, công tác tại trường các cơ sở mầm non góp ý cho nhà trường mở rộng mạng lưới các cơ sở thực tập để tăng tính trải nghiệm và môi trường khác nhau cho sinh viên sau khi ra trường, đặc biệt với sự giao thoa giáo dục toàn cầu hóa như hiện nay các phương pháp giáo dục tiên tiến và các kỹ năng mềm cần được trang bị cho sinh viên nhiều hơn nữa [H4.04.09.01].

Căn cứ trên ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp, của giảng viên, các cơ sở THPT... Nhà trường đã xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, thực hiện việc cải tiến công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng giáo dục. Cụ thể:

Đối với công tác tuyển sinh: Nhà trường đã xây dựng các nhóm zalo tư vấn tuyển sinh, hướng dẫn ôn thi năng khiếu miễn phí cho SV từ năm 2021. Kết nối hòm thư để thí sinh đăng ký online, tải hồ sơ xét tuyển. Hòm thư này kết nối với website chính thức Nhà trường. Điều này đã tạo điều kiện cho thí sinh được tiếp cận các thông báo, hướng dẫn thi và xét tuyển vào trường, phát huy hiệu quả trong giai đoạn dịch bệnh Covid - 19 [H4.04.09.02].

Đối với hoạt động tổ chức đào tạo: hệ thống phần mềm Nhà trường đã được cập nhật và chỉnh sửa, Nhà trường đã có Server mới thay thế cho Server cũ để tăng tốc độ truy cập, lưu trữ thông tin và phục vụ cho đào tạo trên phần mềm LMS kết nối với phần mềm QLĐT.

Đối với chương trình đào tạo: Báo cáo so sánh chương trình giáo dục mầm non phiên bản 2019 và 2021 cho thấy đã có sự điều chỉnh chương trình đào tạo, trong đó đã cập nhật 4 phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới là: Phương pháp giáo dục Montessori, Phương pháp giáo dục Steiner/Waldorf, - Phương pháp tiếp cận Reggio Emilia, Giáo dục STEM trong trường mầm non.

Ngoài ra, còn có nhiều điều chỉnh chương trình bảo đảm đúng yêu cầu theo quy định Bộ Giáo dục, yêu cầu đòi hỏi thực tiễn [H4.04.09.03].

Bên cạnh ý kiến đóng góp của SV sau tốt nghiệp, chương trình ngành Giáo dục mầm non chỉnh sửa được dựa trên ý kiến khảo sát các bên liên quan trong đó có ý kiến khảo sát cơ sở thực tập đồng thời cũng là nhà tuyển dụng về CTĐT [H4.04.09.04] và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SV [H4.04.09.05].

Trường đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo 2019, hội nghị có sự tham gia của các chuyên gia về lĩnh vực Giáo dục mầm non và toàn thể giảng viên khoa Giáo dục mầm non [H4.04.09.06]; Chương trình đào tạo được xây dựng từ cấp khoa với sự tham gia của các giảng viên, các tổ chuyên môn và cán bộ quản lý [H4.04.09.07]. Sau mỗi đoàn thực tập giảng viên trưởng đoàn thực tập đều tiến hành tổng kết, đánh giá SV tại cơ sở, các ý kiến đánh giá của giáo viên, cán bộ QLCSGDMN đã đã góp phần rất lớn cho công tác chỉnh sửa chương trình đào tạo, tiến độ đào tạo của Nhà trường. Hằng năm, Trường tiến hành tổ chức hội nghị THPT để lấy ý kiến cho việc chỉnh sửa chương trình đào tạo.

## **2. Điểm mạnh**

Việc lấy kiến phản hồi của SV các ngành, các trình độ về chương trình đào tạo, lấy ý kiến các nhà tuyển dụng về chất lượng của SV sau khi ra trường đã được quan tâm và tiến hành thường xuyên, được tiếp thu nghiêm túc và đưa vào các chương trình đào tạo chỉnh sửa của Nhà trường trong những năm qua.

## **3. Tồn tại**

Số lượng nhà tuyển dụng được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo sinh viên chưa nhiều.

## **4. Kế hoạch hành động**

Với thế mạnh đào tạo các ngành nghề trong những năm qua, Nhà trường sẽ tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh hoạt động đào tạo và chỉnh sửa chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Trong năm 2023 và 2024, sẽ khảo sát trên diện rộng các nhà tuyển dụng về việc đánh giá chất lượng đào tạo sinh viên. Kết quả khảo sát là căn cứ để cải tiến chất lượng đào tạo theo từng năm học.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

#### **Kết luận tiêu chuẩn 4**

Hoạt động đào tạo của Nhà trường giai đoạn từ năm 2018 - 2023 đã đạt được những bước tiến vượt bậc. Tiếp thu ý kiến đóng góp của các chuyên gia đánh giá ngoài giai đoạn 1, các hoạt động đào tạo được triển khai cụ thể, sáng tạo, khoa học, bảo đảm tính chính xác, khách quan.

Hoạt động đào tạo luôn được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, do vậy, Nhà trường đã chú trọng, tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc nâng cao chất lượng đào tạo từ công tác tuyển sinh đến công tác tổ chức, quản lý đào tạo và công nhận tốt nghiệp; bảo đảm nghiêm túc, chặt chẽ, công bằng, khách quan và không ngừng đổi mới. Nhà trường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, tuyển sinh trên địa bàn cả nước và là đơn vị đào tạo có uy tín trong lĩnh vực Giáo dục Mầm non.

Nhà trường liên tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao những nhiệm vụ trọng tâm trong việc biên soạn các mô đun bồi dưỡng thường xuyên giáo viên MN và cán bộ QLCSGDMN, xây dựng bài giảng E-elearning, xây dựng 200 video phục vụ cho công tác dạy và học.

Cơ sở vật chất của Nhà trường được chú trọng, phần mềm QLĐT đã thực hiện việc tích hợp, đồng bộ các cơ sở dữ liệu cá nhân từ tuyển sinh, đào tạo, thi, công tác tài chính, thư viện. Việc quản lý dữ liệu SV tốt nghiệp đã được bổ sung, cập nhật theo góp ý của chuyên gia.

Từ năm 2021, Nhà trường đã tăng cường quảng bá chất lượng đào tạo; tiến hành khảo sát chất lượng người học sau khi ra trường và nhu cầu sử dụng lao động của địa phương để có giải pháp tổ chức hoạt động đào tạo phù hợp, bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội. Từ năm 2019 bắt đầu xây dựng ngân hàng đề thi và tiếp tục hoàn thiện hệ thống ngân hàng đề thi; nâng cấp mạng nội bộ, hoàn thiện các phần mềm chuyên dụng để SV có thể truy cập thông tin thuận lợi nhất.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ khắc phục hạn chế còn tồn tại, tiếp tục chú trọng bồi dưỡng giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học; tiếp tục đổi mới công tác khảo sát để làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; tiếp tục duy trì và phát triển có hiệu quả câu lạc bộ cựu SV để kết nối, giới thiệu việc làm và là cơ sở nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo.

## Tiêu chuẩn 5

### **ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN**

#### **Mở đầu**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên là nhân tố quyết định sự phát triển của Nhà trường trong giai đoạn hiện tại cũng như lâu dài. Nhận thức được tầm quan trọng của đội ngũ quản lý, giảng viên và nhân viên, trong những năm qua, Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch, luân chuyển cán bộ theo đúng quy trình, rõ ràng, minh bạch. Nhà trường có chính sách tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức, giảng viên đi học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức, giảng viên có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được bảo đảm quyền lợi theo quy định của Nhà nước. Nhà trường Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp của Nhà trường được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và bảo đảm theo đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình hướng dẫn về công tác bổ nhiệm cán bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***Tiêu chí 5.1. Các cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thực hiện các nghĩa vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.***

#### **1. Mô tả**

Các cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Nhà trường thực hiện đúng các nghĩa vụ về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Trường cao đẳng ban hành năm 2015 [H2.02.01.01] và Quy chế Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường CĐSPTU [H5.05.01.01].

Hàng năm, Nhà trường định kỳ tổ chức các hội nghị tổng kết năm học, hội nghị cán bộ viên chức các cấp và duy trì họp giao ban cán bộ chủ chốt hàng tháng. Nhà trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để 100% cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đóng góp ý kiến về các chủ trương, kế hoạch công tác của Trường; lấy ý kiến để chỉnh sửa, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện đúng quy trình lấy ý kiến cho việc quy hoạch cán bộ quản lý, xây dựng môi trường văn hóa công sở, văn minh công nghiệp hàng năm [H5.05.01.02].

Ban Thanh tra nhân dân thực hiện đầy đủ các chức năng, giám sát các hoạt động của Nhà trường theo quy định. Tại hội nghị cán bộ viên chức của Trường, Ban Thanh tra nhân dân đều có báo cáo cụ thể các mặt hoạt động [H5.05.01.03].

Hiệu trưởng Nhà trường ban hành nội quy tiếp công dân; lãnh đạo Nhà trường duy trì lịch tiếp công dân vào ngày 25 hằng tháng để tiếp nhận các ý kiến đóng góp cho Trường. Bộ phận Thanh tra (trước là Ban Thanh tra giáo dục) cũng có lịch tiếp công dân hằng tuần, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và các ý kiến góp ý của cán bộ giảng viên, phụ huynh, HSSV... Hòm thư góp ý được đặt tầng 1, nhà A trước phòng Văn thư, thuận tiện cho việc tiếp nhận ý kiến [H5.05.01.04].

Do dịch bệnh covid-19 xảy ra kéo dài, ảnh hưởng tới tất cả các mặt của đời sống của xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, giáo viên của Nhà trường, tuy nhiên, được sự đoàn kết, chia sẻ của viên chức, người lao động, Nhà trường đã nhanh chóng khắc phục và vượt qua được giai đoạn khó khăn. Mặc dù vậy, đã có những ý kiến trái chiều của một số giáo viên mầm non tại các trường Mầm non thực hành gây ảnh hưởng không tốt trong dư luận, tuy nhiên Ban lãnh đạo Nhà trường đã từng bước xác minh và làm rõ các nội dung phản ánh theo đúng quy định [H5.05.01.05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ công khai trong tất cả các hoạt động, tạo môi trường tốt để cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, người lao động, HSSV bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Trường cao đẳng.

## **3. Tồn tại**

Vẫn còn cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên chưa thực hiện tốt một số nghĩa vụ của viên chức.

## **4. Kế hoạch hành động**

Hằng năm, cập nhật các văn bản của Nhà nước và pháp luật về chế độ chính sách của viên chức và người lao động, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, công khai và minh bạch.

Nâng cao vai trò của ủy ban kiểm tra, thanh tra nhân dân, thanh tra giáo dục nhằm phát hiện kịp thời các biểu hiện vi phạm quy định, quy chế, kịp thời uốn nắn điều chỉnh và đôn đốc thực hiện.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 5.2. Có chủ trương, kế hoạch và biện pháp tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên, tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ở ngoài nước; chú trọng đào tạo và phát triển các giảng viên trẻ.***

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã ban hành và thực hiện nghiêm túc quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ viên chức. Quy chế được xây dựng, chỉnh sửa kịp thời theo sự thay đổi của các văn bản hướng dẫn của Nhà nước [H5.05.02.01]. Năm 2022, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, trong đó, ưu tiên các đối tượng lao động hợp đồng nhiều năm công tác, có kinh nghiệm, năng lực, trình độ đào tạo phù hợp và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian hợp đồng. Để đảm bảo đủ số lượng người làm việc được giao, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức với tổng số 57 chỉ tiêu. Trong đó, có 04 chỉ tiêu giảng viên cao đẳng sư phạm, 34 chỉ tiêu giáo viên mầm non, 13 chỉ tiêu Chuyên viên, 02 chỉ tiêu kế toán viên, 01 chỉ tiêu cán sự và 03 chỉ tiêu y sĩ [H5.05.02.02].

Nhà trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo sau đại học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như có quy định khen thưởng, hỗ trợ các công trình khoa học cho đội ngũ viên chức, người lao động trong toàn trường.

Trong quy định về thi đua khen thưởng, sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ là điều kiện bắt buộc để được xét các danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Chính vì vậy, các công trình nghiên cứu được bảo vệ thành công vừa đảm bảo định mức về NCKH của giảng viên, vừa là điều kiện để được xét các danh hiệu thi đua năm học đó.

Nhà trường tạo điều kiện về thời gian và có biện pháp khuyến khích, hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước. Với các viên chức đi học sau đại học và bồi dưỡng, tập huấn ở nước ngoài, Nhà trường đã thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Nhà trường đối với từng viên chức cụ thể. Cán bộ, giảng viên được cử đi học nghiên cứu sinh trong nước được trừ 35% hoặc 50% định mức giảng dạy và được hỗ trợ kinh phí thực hiện luận án 10.000.000 đồng sau khi bảo vệ. Cán bộ, giảng viên được cử đi học đại học, thạc sĩ trong nước



được trừ 40% hoặc 70% định mức giảng dạy. Phần đầu đến năm 2025, có thêm 10 viên chức có trình độ cao cấp lý luận chính trị, 20% viên chức, người lao động có trình độ trung cấp lý luận [H5.05.02.03].

Trong những năm qua, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc tham gia tập huấn, hội thảo trong nước và quốc tế bị hạn chế. Tuy vậy, Nhà trường đã cử nhiều lượt cán bộ viên chức đi tập huấn, hội thảo trong nước và quốc tế. Từ năm 2019 đến 2022 đã cử gần 200 lượt giảng viên, viên chức, người lao động làm công tác hành chính đi dự các đợt tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn [H5.05.02.04].

Nhằm cân đối và bảo đảm số lượng giảng viên giảng dạy các chương trình đào tạo, Nhà trường tạo điều kiện cho các giảng viên tham gia học tập chuyên môn phù hợp với các chuyên ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu các đơn vị. Từ năm 2017 đến 2022, Nhà trường cử hơn 30 viên chức, người lao động tham gia các lớp Trung cấp, Cao cấp Lý luận Chính trị, Cao học và Nghiên cứu sinh [H5.05.02.05]. Đến nay, các giảng viên được tuyển dụng nói riêng và giảng viên trong toàn trường nói chung đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường quan tâm tạo điều kiện học tập và tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên vụ nghiệp vụ, đáp ứng hoạt động đào tạo của Nhà trường.

### **1. Điểm mạnh**

Nhà trường có chủ trương, kế hoạch và biện pháp tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên. Tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước và đặc biệt chú trọng đào tạo và phát triển các giảng viên trẻ.

### **3. Tồn tại**

Chưa xây dựng được cơ chế tài chính nhằm thu hút nhân tài dẫn đến một số vị trí công tác khó tuyển dụng được nhân sự.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tiến hành xây dựng cơ chế tài chính nhằm khuyến khích cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và thực hiện thu hút nhân tài cho các vị trí việc làm yêu cầu trình độ chuyên môn cao.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

**Tiêu chí 5.3. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỉ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.**

### 1. Mô tả

Hiện nay, Nhà trường có 158 giảng viên với chức danh nghề nghiệp: Giảng viên cao cấp 01 giảng viên (0,7%), Giảng viên cao đẳng sư phạm chính 49 giảng viên (31%), Giảng viên cao đẳng sư phạm 108 giảng viên (68,3%) [H5.05.03.01]. Nhà trường có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để thực hiện tốt các chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tổng số sinh viên chính quy/Tổng số giảng viên quy đổi:  $6539/255 = 25,6$  sinh viên/giảng viên.

Trong giai đoạn từ năm 2018 - 2022, số lượng sinh viên theo học các ngành, song ngành Giáo dục mầm non chiếm tỷ lệ cao trên tổng số sinh viên tại Trường trung bình qua các năm trên 90%)

TỔNG SỐ HSSV CĐCQ CÁC NĂM						
STT	Ngành	2018	2019	2020	2021	2022
1	Giáo dục Mầm non	409	815	953	1258	991
2	Sư phạm Âm nhạc	10	14			
3	Sư phạm Mĩ thuật	3	5			
4	Giáo dục Đặc biệt	36	11			
5	Song ngành Giáo dục mầm non - Giáo dục Đặc biệt	42	44			
6	Song ngành Giáo dục mầm non - Sư phạm Âm nhạc	35	26			
7	Song ngành Giáo dục mầm non - Sư phạm Mĩ thuật	37	5			
8	Song ngành Giáo dục mầm non - Tiếng Anh	56	28			
9	Song ngành Giáo dục mầm non - Công tác Xã hội		17			
10	Quản trị Văn phòng			12	21	
11	Công tác Xã hội			9	12	
12	Tiếng Anh			9	42	48

TỔNG SỐ HSSV CDCQ CÁC NĂM						
STT	Ngành	2018	2019	2020	2021	2022
13	Thiết kế Đồ họa				30	69
14	Công nghệ Thông tin				25	31
TỔNG SV		628	965	983	1388	1139
Tỷ lệ SV ngành GDMN/ tổng SV		92.2%	96.9%	96.9%	90.6%	87.0%

Tỷ lệ: Tổng số sinh viên chính quy/Tổng số giảng viên ngành GDMN trong 3 năm học gần đây cụ thể như sau:

Năm học 2020 - 2021			Năm học 2021 - 2022			năm học 2022 - 2023		
Sinh viên	Giảng viên	Tỷ lệ SV/GV	Sinh viên	Giảng viên	Tỷ lệ SV/GV	Sinh viên	Giảng viên	Tỷ lệ SV/GV
2177	146	14.9	3026	145	20.9	3202	142	22.5

Tỉ lệ quy đổi sinh viên trên giảng viên của Trường là 22.5 sinh viên/giảng viên, với từng ngành đào tạo cũng không vượt quá con số này. Nhà trường bảo đảm được hệ số tỉ lệ quy định và đảm bảo chất lượng đào tạo theo nhiệm vụ và mục tiêu phát triển.

Cơ cấu đội ngũ giảng viên hợp lí theo ngành và bộ môn, bảo đảm mỗi ngành đào tạo đều có đủ thành phần giảng viên theo quy chuẩn để thực hiện chương trình đào tạo [H5.05.03.02].

## 2. Điểm mạnh

Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên cao, vượt chuẩn quy định đối với trường cao đẳng.

Tỉ lệ quy đổi sinh viên trên giảng viên luôn được duy trì thấp hơn quy định, đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai công tác đào tạo.

## 3. Tồn tại

Số lượng giảng viên được tuyển mới chưa nhiều do còn khó khăn khi thực hiện chính sách tinh giản biên chế của Nhà nước.

## 4. Kế hoạch hành động

Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ giảng viên học tập nâng cao trình độ, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học.

Hoàn thiện đề án vị trí việc làm, xây dựng cơ chế tuyển dụng bổ sung nhằm nâng cao chất lượng và bảo đảm sự kế thừa cho đội ngũ giảng viên.

## 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

***Tiêu chí 5.4. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.***

### **1. Mô tả**

Đội ngũ giảng viên của Trường đều đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp (Điều 54) và Điều lệ Trường cao đẳng (Điều 44) “Nhà giáo dạy lý thuyết chuyên môn trình độ cao đẳng phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; nhà giáo dạy thực hành trình độ cao đẳng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng” [H1.01.02.02], [H2.02.03.01]. Hiện nay, Nhà trường có 158 giảng viên, trong đó Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 20 giảng viên (12,7%), Thạc sĩ 134 giảng viên (84,8%), Cử nhân đại học 04 giảng viên (2,5%) [H5.05.03.01]; 15 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh [H5.05.04.01].

Nhà trường có 5 khoa với nhiệm vụ đào tạo 11 ngành cao đẳng, 04 ngành đào tạo liên thông, 01 ngành trung cấp chuyên nghiệp. Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo này, Nhà trường có đủ giảng viên và được đào tạo theo đúng chuyên ngành [H5.05.04.02].

Đầu năm học, giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo và bảo đảm cơ cấu chuyên môn hợp lý [H5.05.04.03].

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường tiến hành khảo sát năng lực ngoại ngữ, tin học đối với giảng viên, có 131/158 (82,9%) giảng viên thực hiện khảo sát, thông tin thu được như sau:

Về trình độ tin học: tất cả giảng viên đều có khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác chuyên môn, có tới 93,2% giảng viên thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trên mạng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu. Kết quả này chứng tỏ khả năng sử dụng tin học của giảng viên đáp ứng được yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Về trình độ ngoại ngữ: Giảng viên có thể sử dụng được các ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc; Theo kết quả khảo sát 52% giảng viên có khả năng sử dụng ngoại ngữ của giảng viên vào công tác chuyên môn, 54,2% giảng viên có khả năng đọc tài liệu chuyên môn bằng ngoại ngữ và giao tiếp thông thường với người nước ngoài, 23,6% có khả năng viết tài liệu

chuyên môn bằng ngoại ngữ, 32,8% có khả năng nghe chuyên gia nước ngoài giảng trực tiếp, tuy nhiên mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ cho công tác giảng dạy của giảng viên còn tương đối thấp 28,3% [H5.05.04.04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đội ngũ giảng viên bảo đảm trình độ theo quy định, giảng dạy đúng theo chuyên môn được đào tạo. Nhiều giảng viên có năng lực ngoại ngữ, tin học tốt, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu.

## **3. Tồn tại**

Việc sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng CNTT của một số giảng viên còn chưa hiệu quả.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong giai đoạn 2022 - 2025, Nhà trường tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, xây dựng môi trường thực hành để tăng cường năng lực ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 5.5. Đội ngũ giảng viên đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.***

### **1. Mô tả**

Tính đến tháng 12 năm 2022, Trường CĐSPТУ có tổng số 158 giảng viên cơ hữu, trong đó có 35 giảng viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý. Số giảng viên nữ là 121 người (76,6%), giảng viên nam là 37 người (23,4%); Cơ cấu về độ tuổi: dưới 35 tuổi 06 giảng viên (3,8%); 35 tuổi đến 40 tuổi 51 giảng viên (32,3%); từ 41 tuổi đến 50 tuổi 82 giảng viên (51,9%); trên 50 tuổi 19 giảng viên (12%) [H5.05.03.01].

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu là 43 tuổi, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, đúng chuyên ngành đào tạo, có các công trình nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác giảng dạy.

Giảng viên trên 50 tuổi chiếm tỉ lệ 12%, đây là số giảng viên có thâm niên nghề nghiệp cao và là số giảng viên đầu đàn, được đào tạo chuẩn ở trong nước và nước ngoài, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đa số giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II) hiện đang làm công tác quản lý và giữ cương vị chủ chốt, lãnh đạo chuyên môn trong Trường

BẢNG THỐNG KÊ THÂM NIÊN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN					
Năm	Trên 30 năm	Từ 20-30 năm	Từ 10-20 năm	Dưới 10 năm	Tổng
Năm 2019	2	25	100	47	<b>174</b>
Năm 2020	2	27	104	33	<b>166</b>
Năm 2021	2	29	105	24	<b>160</b>
Năm 2022	3	33	101	21	<b>158</b>

Giảng viên ở mỗi khoa tương đối cân đối về tuổi đời, trình độ chuyên môn, học vị và thâm niên công tác, tuy nhiên số lượng giảng viên trẻ dưới 35 tuổi chưa được tuyển dụng nhiều.

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2021 - 2025 [H5.05.05.02], trong đó trọng tâm nâng cao trình độ, năng lực giảng dạy, năng lực quản lý, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của giảng viên đáp ứng yêu cầu về trình độ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm, luôn bảo đảm sự cân bằng về kinh nghiệm chuyên môn và trẻ hoá đội ngũ.

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đội ngũ cán bộ giảng viên giàu kinh nghiệm chuyên môn đặc biệt là giảng viên giảng dạy ngành GDMN là ngành thế mạnh của Nhà trường, năng động, sáng tạo có khả năng hội nhập với khu vực và thế giới phù hợp xu hướng phát triển chung của Nhà trường.

Đội ngũ giảng viên của Nhà trường nhìn chung bảo đảm cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và bảo đảm tính kế thừa trong công tác cán bộ.

## **3. Tồn tại**

Giảng viên có độ tuổi dưới 30 tuổi được tuyển dụng chưa nhiều do chính sách tinh giản biên chế nên không mở rộng được đội ngũ giảng viên mới.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2023, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên có trình độ chuyên môn tập trung cho ngành đào tạo giáo viên mầm non.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2021 - 2025.

## **5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 5.6: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.***

### **1. Mô tả**

Tính đến tháng 12 năm 2022, Trường CĐSPTU có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên gồm 136 người (trong đó có 93 người là cán bộ hành chính và 43 người là nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ). Giới tính nữ là 88 người (64,7%), nam là 48 người (35,3%); Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 26 người (19,1%), Cử nhân đại học 55 người (40,4%), Cao đẳng 19 người (14%), trình độ khác 36 người (26,5%); Cơ cấu về độ tuổi: dưới 30 tuổi 07 người (5,1%); 30 tuổi đến 40 tuổi 51 người (37,5%); từ 40 tuổi đến 50 tuổi 59 người (43,4%); trên 50 tuổi 19 người (14%) [H5.05.06.01].

Trong bản mô tả Vị trí việc làm của Đề án vị trí việc làm, Nhà trường quy định rõ ràng cụ thể về nhiệm vụ của các kỹ thuật viên, nhân viên và cán bộ hành chính trong việc hỗ trợ giảng viên sử dụng trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H2.02.01.06].

Đội ngũ cán bộ hành chính có chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có tuổi đời trẻ, có trình độ ngoại ngữ, sử dụng thành thạo các phần mềm máy tính phục vụ công tác. Đội ngũ cán bộ hành chính ngoài công việc được giao trong phòng, khoa còn là đội ngũ hỗ trợ thường xuyên cho cán bộ giảng viên sử dụng trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có đủ năng lực chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm; được đánh giá hoạt động hỗ trợ thông qua khảo sát về chất lượng phục vụ đào tạo. Năm 2020, Phòng Tổ chức - Hành chính tổ chức lấy ý kiến phản hồi của 256 viên chức, người lao động trong trường, kết quả 81.5% người được khảo sát hài lòng về hoạt động phục vụ của đơn vị.

Trung tâm Thông tin - Thư viện hằng năm cũng tổ chức lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về mức độ đáp ứng của thư viện, kết quả trung bình thu được trên 90% giảng viên, sinh viên hài lòng các dịch vụ tra cứu, mượn tài liệu, thái độ phục vụ bạn đọc, cơ sở vật chất và trang thiết bị tại thư viện [H5.05.06.02].

Đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên, cán bộ hành chính được bố trí làm việc tại các phòng, trung tâm, giáo vụ các khoa và các trường Mầm non thực hành.

Nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ hành chính, nhân viên, kỹ thuật viên được gắn với công việc hỗ trợ phục vụ và được phân công cụ thể từng theo Đề án vị trí việc làm [H2.02.01.06].

Hằng năm, Nhà trường tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, đội ngũ cán bộ hành chính được bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ; trong giai đoạn 2017 - 2022 có hơn 35 lượt cán bộ hành chính được tham gia bồi dưỡng về công tác quản lý hành chính nhà nước, bồi dưỡng về soạn thảo văn bản, bồi dưỡng về nghiệp vụ văn thư, nghiệp vụ lưu trữ, nghiệp vụ xuất bản với hình thức tham gia trực tiếp và trực tuyến [H5.05.06.03].

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, đội ngũ nhân viên thực hiện quy trình đánh giá: làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; được nhận bình xét, xếp loại. Trường đơn vị đối chiếu với các nhiệm vụ được giao để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá cho thấy từ năm 2016 đến nay, đội ngũ nhân viên của Trường 100% đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nhận được giấy khen của Hiệu trưởng và các danh hiệu khác [H2.02.09.04], [H2.02.09.05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

## **3. Tồn tại**

Các hoạt động tổ chức bồi dưỡng kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm...) cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên chưa nhiều.

## **4. Kế hoạch**

Định kỳ tổ chức các đợt tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn bản hành chính và kỹ năng mềm cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên trong đơn vị.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

*Tiêu chí 5.7. Tổ chức đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.*



## 1. Mô tả

Trong công tác quản lý chất lượng đào tạo việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên là một kênh thông tin quan trọng và hữu hiệu, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong quá trình đào tạo và là cơ sở để giảng viên điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Hoạt động này được Nhà trường đưa vào kế hoạch, nhiệm vụ hằng năm của trường [H5.05.07.01]. Để cụ thể hóa các hoạt động đánh giá Nhà trường đã ban hành Quy định Lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo [H5.05.07.02].

Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD là đầu mối trong việc thực hiện triển khai đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên trên phần mềm QLĐT. SV phải trả lời phiếu đánh giá thì mới xem được điểm tổng kết của cá nhân. Nội dung phiếu điều tra bao gồm: Thông tin về học phần; Nội dung giảng dạy; Quá trình giảng dạy; Kiểm tra đánh giá kết quả học tập; Cảm nhận; Ý kiến khác. Quá trình triển khai từ việc xây dựng kế hoạch bảo đảm chất lượng của đơn vị, xây dựng mẫu phiếu khảo sát, tổng hợp ý kiến, xử lý số liệu và viết báo cáo sau khảo sát đều được thực hiện đầy đủ (thể hiện qua các báo cáo hằng năm) [H2.02.06.02]. Kết quả thu được sau mỗi đợt khảo sát được xử lý, gửi tới Ban Giám hiệu, Ban chủ nhiệm các khoa chuyên môn và cá nhân từng giảng viên để rút kinh nghiệm và cải tiến chất lượng trong quá trình giảng dạy các năm tiếp theo [H5.05.07.03].

Ngoài ra, phòng KT và ĐBCLGD triển khai hoạt động SV đánh giá khóa học dành cho SV sắp ra trường hằng năm. Hoạt động này nhằm thu thập ý kiến đóng góp, phản hồi về chương trình đào tạo, về giảng viên, về kiểm tra đánh giá, về hoạt động phục vụ đào tạo, về cơ sở vật chất .... Kết quả thu được từ phản hồi của sinh viên cho thấy, Nhà trường nhận được các ý kiến trả lời tích cực về các lĩnh vực được hỏi trong quá trình đào tạo 3 năm tại trường, mức độ hài lòng luôn đạt trên 90% tỷ lệ sinh viên phản hồi, thể hiện trong báo cáo sau khi xử lý kết quả nhận được [H2.02.06.02].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức nhiều hội thảo từ cấp khoa cho đến cấp trường tập trung vào việc đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng nhu cầu đào tạo; đồng thời tổ chức các cuộc thi liên quan tới việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới dạy học ở bậc cao đẳng, đại học [H5.05.07.04].

Hội nghị tổng kết năm học hằng năm có nội dung về đánh giá hoạt động chuyên môn của đội ngũ giảng viên theo các tiêu chí đối với giảng viên của

Trường. Kết quả đánh giá cho thấy từ năm 2017 đến nay, đội ngũ giảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tỷ lệ cao [H2.02.09.04] và đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng và Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT, Bằng khen của Trung ương Đoàn... [H2.02.09.05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các bộ phận chuyên trách thực hiện việc thanh tra nề nếp dạy và học, triển khai các hoạt động đánh giá chất lượng trong nội bộ Nhà trường hằng năm.

Công tác đổi mới phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục diễn ra thường xuyên ở cả khối giảng viên và giáo viên trong toàn trường.

Triển khai thường xuyên các hoạt động lấy ý kiến phản hồi để từ đó làm căn cứ cho việc cải tiến chất lượng giảng dạy.

## **3. Tồn tại**

Tiêu chí đánh giá xếp loại chất lượng giảng viên còn chưa rõ ràng, cụ thể.

## **4. Kế hoạch**

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường xây dựng quy định đánh giá xếp loại chất lượng đối với giảng viên cụ thể, sát thực tế hơn nữa.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

### **Kết luận tiêu chuẩn 5**

Nhà trường có đội ngũ giảng viên được đào tạo đúng chuyên ngành, có bề dày kinh nghiệm về công tác giảng dạy, được thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, tiếng Anh. Đảm bảo cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ cán bộ hành chính, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động hỗ trợ đào tạo.

Trong thời gian tới, đơn vị chức năng tiếp tục rà soát, đề xuất với Nhà trường về công tác tuyển dụng, luân chuyển vị trí công tác, bổ sung lực lượng giảng viên trẻ cho các ngành đào tạo. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng biện pháp đồng bộ trong công tác phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đào tạo của Nhà trường.

## **Tiêu chuẩn 6** **NGƯỜI HỌC**

### **Mở đầu**

Luật Giáo dục khẳng định mục tiêu của giáo dục đại học: “Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân”. Từ mục tiêu này và với quan điểm dạy học “lấy người học làm trung tâm”, Trường CĐSPTU luôn quan tâm sát sao, kịp thời tới người học; giúp người học yên tâm học tập, rèn luyện như: thông báo, hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách; tạo cơ hội và môi trường lành mạnh để người học tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; kiểm tra đánh giá năng lực của người học tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo...

***Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.***

### **1. Mô tả**

Ngay trong ngày đầu tiên nhập học, người học được thông báo lịch học tập tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa. Các nội dung học tập đều bám sát theo văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.06.01.01]. Trong đó, đặc biệt chú trọng tới nội dung phổ biến các quy chế, quy định về đào tạo; kế hoạch đào tạo; chương trình đào tạo; đăng ký chuyên ngành đào tạo; thực tập, thực hành; cách sử dụng phần mềm QLĐT, tra cứu lịch thi, điểm thi/kiểm tra; điều kiện thi kết thúc học phần, học lại, thi lại, ngừng học, thôi học; điều kiện thi tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; chuẩn đầu ra... [H6.06.01.02].

Phần lớn người học của Trường là sinh viên ngành Giáo dục mầm non (98%) nên ngay trong thời gian đầu nhập học, Trường đã tổ chức các buổi họp tư vấn, giới thiệu về các chương trình chuyên ngành thuộc ngành Giáo dục MN, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường; tổ chức cho sinh viên đăng ký chuyên ngành phù hợp với năng lực của bản thân [H6.06.01.03].

Các khoa cũng duy trì tốt việc tổ chức chương trình gặp mặt người học đầu khóa, cung cấp thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, các yêu cầu kiểm tra đánh giá từng môn học, học kỳ, khoá học... [H6.06.01.04].

Đội ngũ cố vấn học tập cũng được trang bị cuốn sổ tay CVHT, trong đó văn bản quy chế đào tạo để phổ biến, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ cho người học thực hiện nghiêm túc việc học tập, thi, kiểm tra trong suốt 3 năm học tập tại Trường [H6.06.01.05].

*Bảng 6.1. Thông tin người học bị kỷ luật vi phạm quy chế thi và kiểm tra*

Năm học	Tổng số HSSV vi phạm quy chế thi, kiểm tra	Tổng HSSV toàn trường
2017 - 2018	149 SV	3318 SV
2018 - 2019	58 SV	3377 SV
2019 - 2020	77 SV	2565 SV
2020 - 2021	55 SV	2592 SV
2021 - 2022	41 SV	3116 SV
2022 - 2023	53 SV	3152 SV

Nhìn vào bảng số liệu trên, số lượng sinh viên vi phạm quy chế thi, kiểm tra đã giảm đáng kể theo từng năm. Để có được kết quả này, Nhà trường đã thực hiện đồng bộ một số biện pháp như: Kỷ luật sinh viên và trừ điểm rèn luyện theo đúng quy định; chỉ đạo đội ngũ cố vấn học tập bám sát với hoạt động của lớp; tăng cường theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở, động viên người học tự giác, tích cực, chủ động hơn trong việc học tập, rèn luyện. Mặt khác, tuần sinh hoạt công dân giữa khóa, cuối khóa cũng là cơ hội để phòng Công tác HSSV tiếp tục tuyên truyền, quán triệt người học về việc chấp hành nghiêm túc quy chế thi và kiểm tra [H6.06.01.06].

Nhà trường công khai đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo trên Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Đồng thời, công khai trên Website của Trường [H6.06.01.07].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với toàn thể sinh viên. Thông qua diễn đàn này, Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng; kịp thời giải đáp những băn khoăn, thắc mắc hoặc những đề xuất chính đáng của người học về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá; việc cấp phát bằng; học liên thông; về đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập; cơ sở vật chất, hoạt động phong trào... [H6.06.01.08].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản về mục tiêu, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, những thông báo của Nhà trường bằng những kênh thông tin khác nhau, giúp người học yên tâm nghiên cứu, học tập và rèn luyện.

### **3. Tồn tại**

Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và toàn thể sinh viên bị gián đoạn do tình hình dịch bệnh Covid-19.

### **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh về cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản về mục tiêu, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo cho người học, các văn bản hướng dẫn và tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với người học.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khoẻ định kỳ, được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường; được tư vấn việc làm và các hình thức hỗ trợ khác.***

#### **1. Mô tả**

*Về thực hiện chế độ chính sách:*

Ngay trong tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa, người học được thông báo chi tiết các quy định về chế độ chính sách như: miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đóng học phí, vay vốn tín dụng... Đồng thời, hướng dẫn rõ quy trình, thủ tục làm hồ sơ xin hưởng các chế độ chính sách đảm bảo đúng đối tượng [H6.06.02.01].

Trường thường xuyên theo dõi, cập nhật những văn bản mới hoặc hướng dẫn mới liên quan đến chế độ chính sách của người học để thực hiện đảm bảo đúng, đủ, kịp thời. Đặc biệt, năm 2021, Trường bắt đầu thực hiện chế độ hỗ trợ đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho người học các ngành sư phạm theo đúng Nghị định 116 của Chính Phủ; để giúp người học hiểu đúng, trân trọng chế độ của Nhà nước, Trường đã tổ chức họp người học toàn khóa; tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn, giải đáp tất cả những băn khoăn, thắc mắc của người học; việc lưu trữ hồ sơ chế độ chính sách của người học rất khoa học, bài bản [H6.06.02.02]. Mặt khác, Trường cũng tổ chức tập huấn, hướng dẫn cố vấn học tập nắm chắc, nắm vững các chế độ chính sách để hỗ trợ người học [H6.06.02.03]. Trường cũng phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các Tỉnh,

địa phương trong việc thông báo các trường hợp người học bị kỷ luật, đình chỉ năm học, buộc thôi học hoặc bỏ học để địa phương thu hồi lại kinh phí mà người học đã được hỗ trợ [H6.06.02.04].

Các Quyết định người học được hưởng các chế độ chính sách được thông báo công khai trực tiếp trên bảng tin của Khoa và trên Website của Nhà trường. [H6.06.02.05].

Trường thực hiện nghiêm túc chế độ học bổng khuyến khích học tập đối với người học; thường xuyên tuyên truyền, động viên, khuyến khích người học cố gắng, phấn đấu trong học tập, rèn luyện, đạt kết quả cao để được nhận học bổng. Việc chi trả học bổng KKHT được tiến hành từng học kỳ; được thông báo công khai [H6.06.02.06]. Thống kê số liệu người học được hưởng chế độ chính sách hằng năm (phụ lục 3)

*Về chăm sóc sức khỏe định kỳ đối với người học:*

Trường thành lập bộ phận y tế gồm có 03 người có trình độ về chuyên môn, nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết với công việc; Phòng Y tế khang trang, sạch sẽ với 04 giường bệnh, có tủ thuốc và những thiết bị y tế cần thiết để phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học [H6.06.02.07]

Hằng năm, ngay sau tuần đầu tiên nhập học, Trường phối hợp với cơ sở y tế khám chữa bệnh uy tín như bệnh viện Medlatec để tổ chức khám sức khỏe đầu vào đối với người học theo đúng quy định [H6.06.02.08].

Kết quả khám sức khỏe đối với người học được thực hiện nghiêm túc, bài bản; có sổ sách theo dõi từng người học [H6.06.02.09]. Việc chăm sóc sức khỏe hằng ngày, cấp phát thuốc cho người học cũng được theo dõi, ghi chép cẩn thận [H6.06.02.10].

Đặc biệt, khi đại dịch Covid-19 diễn ra, trong suốt 3 năm qua, toàn trường nói chung và bộ phận y tế nói riêng đã rất nỗ lực làm việc; tuyên truyền, quán triệt người học thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng, chống dịch bệnh; túc trực ngày đêm để hỗ trợ người học có dấu hiệu hoặc bị nhiễm Covid-19 [H6.06.02.11].

*Về hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao:*

Phần lớn đối tượng người học của Trường là nữ (chiếm 97% - 99%), tập trung chủ yếu là ngành GDMN nên rất có lợi thế về các phong trào, đặc biệt là hoạt động văn hóa, văn nghệ như múa và đàn, hát. Vì vậy, Trường luôn tận dụng mọi cơ hội để tổ chức những sân chơi lành mạnh, giúp người học được thể hiện

khả năng của bản thân, phát huy năng khiếu, sở trường, đồng thời rèn luyện sự tự tin và kỹ năng mềm...

Tuần sinh hoạt công dân HSSV, ban tổ chức lớp học luôn tạo điều kiện để người học được tham gia các hoạt động biểu diễn văn nghệ, chơi các trò chơi vận động rèn luyện sức khỏe và sự dẻo dai; tổ chức cuộc thi “Một tuần thay đổi bản thân”... tạo nhiều sân chơi để thu hút sự quan tâm và tham gia của người học vào những hoạt động lành mạnh, bổ ích và ý nghĩa [H6.06.02.12]

Trong tuần sinh hoạt công dân HSSV, BCH Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên cũng chia sẻ với người học về kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào, các câu lạc bộ; động viên, khuyến khích người học tích cực tham gia các hoạt động Đoàn, Hội và các câu lạc bộ sinh viên... [H6.06.02.13]

Bên cạnh đó, Trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động sự kiện định kỳ như: Gặp mặt sinh tân sinh viên; khai giảng năm học mới; Lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Chương trình chào tân sinh viên NCE; các hoạt động văn nghệ chào mừng ngày thành lập Hội sinh viên Việt Nam 09/01; ngày thành lập Đoàn 26/3; các hoạt động giao lưu với các đơn vị kết nghĩa,...thu hút được nhiều sinh viên tham gia với tinh thần và khí thế rất sôi nổi [H6.06.02.14].

Hằng năm, Trường tổ chức Hội thi nghiệp vụ nghề nghiệp dưới hình thức sân khấu hóa. Đây là sân chơi lớn để sinh viên các khóa các khoa trong toàn trường được thể hiện những kiến thức đã học tập được và những năng khiếu sở trường của cá nhân và tập thể. Đặc biệt, trong thời gian sinh viên nghỉ học vì dịch bệnh Covid-19, Trường vẫn tổ chức các hoạt động phong trào, các cuộc thi theo hình thức online (sinh viên tự tập luyện, biểu diễn trên zoom hoặc tự quay và gửi video...). SV tham gia nhiệt tình, sôi nổi và cuộc thi đã để lại nhiều ấn tượng và cảm xúc tốt đẹp cho người học [H6.06.02.15]

*Về đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học:*

Trường thực hiện nghiêm túc việc đăng ký tạm trú, tạm vắng cho người học ở ký túc xá để đảm bảo công tác quản lý công dân cư trú, tạm trú theo đúng quy định. Đồng thời, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với công an phường Nghĩa Tân để giải quyết ngay và kịp thời các sự vụ có liên quan đến sinh viên như: ăn cắp, đánh nhau, người lạ đột nhập vào ký túc xá và Trường; thường xuyên kiểm tra tình hình ăn ở, sinh hoạt và sử dụng điện, nước tại ký túc xá; nhắc nhở người ở tiết kiệm điện, nước và sử dụng an toàn các thiết bị điện; mặt khác, Trường

cũng thường xuyên kiểm tra, rà soát các bình cứu hỏa ở các tòa nhà để đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy trong những trường hợp cần thiết...[H6.06.02.16]

Trường cũng thường xuyên phối hợp chặt chẽ với đội An ninh quận Cầu Giấy trong việc phòng ngừa tội phạm, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học; hằng năm, Trường đều được nhận giấy khen của Công an Thanh phố và công an Quận về công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học và công tác phòng cháy chữa cháy... [H6.06.02.17]

*Về tư vấn việc làm và các hình thức hỗ trợ khác:*

Trường không thành lập trung tâm tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Nhiệm vụ này được giao trực tiếp cho phòng Công tác HSSV đảm nhận. Hằng năm, căn cứ nhu cầu và các chuyên ngành đào tạo của người học, phòng Công tác HSSV xây dựng Kế hoạch tổ chức chương trình Ngày hội việc làm và thông báo rộng rãi tới các đơn vị tuyển dụng ở nhiều kênh thông tin; thu hút được rất nhiều các đơn vị tham gia. Đồng thời, cũng thu hút được 100% sinh viên năm cuối tham gia tuyển dụng [H6.06.02.18].

Bên cạnh đó, thông qua chương trình tuần sinh hoạt công dân HSSV, Nhà trường cũng thường xuyên kết nối, mời cựu người học thành đạt về chia sẻ, truyền cảm ứng, trao đổi thông tin tuyển dụng; tạo cơ hội cho nhiều sinh viên tìm kiếm được việc làm tốt [H6.06.02.19].

Phần lớn người học tại Trường là sinh viên ngành Giáo dục mầm non nên sau khi tốt nghiệp ra trường >90% người học đều tìm được việc làm tốt, ổn định có mức lương cao [H6.06.02.20].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đã thực hiện tốt, đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người học; đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học; tạo nhiều sân chơi cho người học được tham gia các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ và tổ chức giới thiệu việc làm cho SV hiệu quả.

## **3. Tồn tại**

Hoạt động thể dục thể thao chưa được tổ chức thường xuyên do tình hình dịch bệnh.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong giai đoạn tiếp theo, Nhà trường tiếp tục bám sát văn bản về chế độ chính sách và thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người học.



Tăng cường các hoạt động giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, nhất là những hoạt động thể thao phù hợp với phần lớn đối tượng người học là nữ.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

*Tiêu chí 6.3. Người học được phổ biến, giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; được tạo điều kiện để tu dưỡng và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác; được tạo điều kiện để tham gia công tác Đảng, đoàn thể.*

#### **1. Mô tả**

*Người học được phổ biến, giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước:*

Trường duy trì tổ chức rất nghiêm túc tất cả các đợt học tập, sinh hoạt tuần công dân HSSV đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa. Trong thời gian này, người học đều được nghe báo cáo, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; tình hình thời sự, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; pháp luật về an toàn giao thông và văn hóa khi tham gia giao thông; pháp luật về phòng chống ma túy, tội phạm, mại dâm, HIV-AIDS... Cùng với đó, người học cũng được nghe phổ biến, giáo dục về Luật Giáo dục, Luật Viên chức, Bộ luật Lao động. Báo cáo viên các nội dung này là giảng viên khoa Đại Cương và báo cáo viên mời ngoài (Công an Thành phố Hà Nội; Cục An toàn giao thông Thành phố Hà Nội... [H6.06.01.01]. Thống kê số buổi tổ chức tuyên truyền pháp luật; số người học tham gia và kết quả đánh giá (phụ lục 4).

*Người học được tạo điều kiện để tu dưỡng và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác:*

Tất cả người học đều được học tập 06 bài lý luận chính trị dành cho đoàn viên thanh niên; nghe báo cáo chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn theo chủ đề từng năm [H6.06.03.02].

Cũng trong tuần sinh hoạt công dân HSSV, Trường thường xuyên mời báo cáo viên chia sẻ về các chuyên đề về Lập chí, giáo dục chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên gắn với bối cảnh hiện nay; các kỹ năng học tập ở bậc đại học; kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm... Đặc biệt, Trường đã phối hợp với Trung tâm học tập đạo đức văn hóa truyền thống Unesco thành lập Câu lạc bộ học tập đạo đức văn hóa truyền thống tại Trường; qua đó, tạo cơ hội cho nhiều sinh viên

tham gia học tập, tu dưỡng và rèn luyện bản thân theo chuẩn mực của cha ông; để sống tốt hơn, đẹp hơn; có ích cho xã hội và cộng đồng. [H6.06.03.03]. Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành Quy định về quy tắc ứng xử trên không gian mạng và Quy tắc văn hóa ứng xử học đường để giúp người học có hành vi ứng xử đúng đắn, văn minh, lịch sự, văn hóa trên không gian mạng và trong môi trường Nhà trường [H6.06.03.04].

Phòng Công tác HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên vẫn duy trì tổ chức các hoạt động phong trào, sự kiện nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm và thu hút được sự tham gia của rất đông sinh viên như: Trung thu; khai giảng; ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Noel, Chào Tân sinh viên; ngày ngày thành lập Đảng 03/02; ngày thành lập Đoàn Thanh niên 26/3... [H6.06.03.05].

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cũng thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi online tìm hiểu, học tập và làm theo tấm Gương đạo đức Hồ Chí Minh; cuộc thi viết về này thành lập nước cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chủ quyền biển đảo; thi viết về công ơn cha mẹ; phong trào sinh viên 5 tốt; văn hóa tham gia giao thông... tạo điều kiện và môi trường để người học rèn luyện tư tưởng, đạo đức, lối sống [H6.06.03.06].

Trong mỗi năm học, các hoạt động nhân đạo, tình nguyện, thiện nguyện và các hoạt động ngoại khóa khác được Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên chú trọng, tổ chức thường xuyên, có sức hút sâu rộng và lan tỏa đến toàn thể đoàn viên có mong muốn được tham gia, cống hiến, đóng góp trách nhiệm của mình đối với Nhà trường và xã hội [H6.06.03.07].

Nhằm tạo cơ hội để người học được thực hành, trải nghiệm, rèn luyện và tu dưỡng bản thân biết yêu lao động, trân quý lao động; có ý thức trách nhiệm giữ gìn vệ sinh phòng ở, giảng đường; ý thức bảo vệ cảnh quan môi trường sư phạm... Trường tổ chức họp toàn thể sinh viên các khóa, làm công tác tư tưởng, chia sẻ, trao đổi, động viên, khuyến khích người học tự lao động, quét dọn vệ sinh hành lang, cầu thang, sân ký túc xá; quét dọn, lau chùi phòng học; đóng mở cửa phòng học... Ban đầu thì chưa được tốt nhưng càng dần về sau, người học đã quen, vào nếp hơn, các hoạt động lao động đã đi vào quy củ và hiệu quả [H6.06.03.08].

Trường chỉ đạo đội ngũ cố vấn học tập họp lớp định kỳ 03 lần/kỳ và các buổi họp đột xuất, tùy theo tình hình thực tế; nhân cơ hội này, cố vấn học tập nắm bắt tâm tư, tình cảm, tư tưởng; bồi dưỡng, vun đắp lí tưởng; chia sẻ, động

viên, giúp đỡ người học để bản thân người học luôn cảm thấy sự quan tâm, thân thiện, gần gũi, yêu thương; để ngày càng có động lực cố gắng phấn đấu, tu dưỡng và hoàn thiện bản thân ngày càng tốt hơn [H6.06.03.09].

Người học được tuyên truyền, phổ biến rất cụ thể về quy chế đánh giá kết quả rèn luyện hằng kỳ, hằng năm; là điều kiện cơ bản, cần thiết để người học được hưởng các chế độ học bổng, khen thưởng, kỷ luật. Vì vậy, rất nhiều người học tích cực tham gia các hoạt động phong trào đoàn thể để đạt được các tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện cao. Sau mỗi học kỳ, người học được đánh giá kết quả rèn luyện rất nghiêm túc, công bằng, khách quan [H6.06.03.10].

*Người học được tạo điều kiện tham gia công tác Đảng, đoàn thể:*

Ngay trong thời gian nhập học vào Trường, BCH Đoàn Thanh niên Trường bố trí đội ngũ cán bộ Đoàn túc trực, hướng dẫn người học nộp sổ đoàn và thông báo các thủ tục sinh hoạt Đoàn tại Trường [H6.06.03.11]. Trong tuần công dân HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cũng dành thời gian để giới thiệu về tổ chức Đoàn, Hội; chia sẻ các hoạt động đoàn, Hội; giới thiệu về các câu lạc bộ trực thuộc Đoàn, Hội quản lý (CLB thanh niên vận động hiến máu nhân đạo; CLB T20; CLB Tiếng Anh; CLB Truyền thông...). Qua đó, người học có thể lựa chọn những câu lạc bộ phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân để tham gia, rèn luyện và phát triển bản thân... [H6.06.03.12].

Quá trình học tập, rèn luyện, người học được theo dõi, giúp đỡ và được xem xét, xét duyệt tham gia các lớp học cảm tình Đảng; sau thời gian học cảm tình đảng và có giấy chứng nhận, người học tiếp tục được Đoàn Thanh niên theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện để phấn đấu được kết nạp vào Đảng. Trường giao chi bộ Phòng Công tác học sinh, sinh viên tổ chức kết nạp đảng cho đoàn viên, quần chúng ưu tú. Các buổi Lễ kết nạp Đảng được tổ chức bài bản, trang nghiêm và đúng quy định Điều Lệ Đảng [H6.06.03.13].

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường chưa có trường hợp người học là đảng viên chuyển sinh hoạt đảng về Trường.

## **2. Điểm mạnh**

Trường tổ chức và thực hiện nghiêm túc việc phổ biến, giáo dục cho người học về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức nhiều hoạt động phong trào thiết thực để người học có cơ hội tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống và được giúp đỡ, tạo điều kiện phấn đấu vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

### 3. Tồn tại

Một số hoạt động phong trào chưa thực sự có chiều sâu; chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng, nhận thức của người học.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, phòng Công tác HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên nghiên cứu, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào thiết thực, ý nghĩa, gắn với nhiệm vụ chính trị và gắn với chuyên môn của người học.

### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

**Tiêu chí 6.4. Thực hiện đánh giá năng lực của người tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo; có kết quả điều tra về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.**

*Về thực hiện đánh giá năng lực của người tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo:*

Trường xác định mục tiêu đào tạo, giáo dục người học, đó là: “Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế” [H6.06.04.01]. Từ mục tiêu này, quá trình dạy và học được tổ chức và giám sát chặt chẽ. Đặc biệt, công tác kiểm tra, đánh giá năng lực, kết quả học tập của người học được quy định rất rõ ràng, cụ thể trong Quy chế đào tạo của Nhà trường và quy định về chuẩn đầu ra [H6.06.04.02].

Hằng năm, sau mỗi đợt thi cuối học kỳ, phòng QLĐT và phòng Khảo thí và ĐBCLGD làm nhiệm vụ thống kê kết quả kiểm tra, tỉ lệ điểm; có sự kiểm tra, đối sánh về chất lượng học tập của người học cũng như chất lượng hoạt động giảng dạy để kịp thời điều chỉnh đề thi, kiểm tra, thi kết thúc học phần [H6.06.04.03].

Mặt khác, việc kiểm tra, đánh giá năng lực, kết quả học tập của người học cũng được Nhà trường quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá; Các lần kiểm tra, đánh giá người học trong một học kỳ bao gồm: Điểm chuyên cần, bài kiểm tra trường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm; điểm kiểm tra thường xuyên 10%; điểm định kỳ chiếm 20% và điểm thi kết thúc học phần 60% tổng điểm học phần [H6.06.04.04].

Cuối mỗi học kỳ, Trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về kiểm tra, đánh giá học phần, làm căn cứ để điều chỉnh việc kiểm tra, đánh giá người học chất lượng và hiệu quả hơn [H6.06.04.05].

Những năm trước đây, việc đánh giá người học chỉ chú trọng vào kết quả thi cuối kỳ, cuối khóa; chỉ chú trọng kiến thức mà chưa chú trọng đến năng lực tư duy, sáng tạo, làm việc nhóm của người học trong quá trình học. Nay, việc đánh giá người học đã đa dạng hơn về mặt hình thức và nội dung: đánh giá điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên từ 1-2 bài, kiểm tra định kỳ từ 1-2 bài và 1 bài thi. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiện thị trong các đề cương môn học và tùy theo đề xuất của GV gắn với đặc thù từng học phần, phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra [H6.06.04.06].

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo, giáo dục người học, Trường ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo nhằm thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình đào tạo, năng lực của người học trước khi tốt nghiệp [H6.06.04.07]. Căn cứ vào quy định này, các đơn vị thực hiện khảo sát các bên liên quan, kết quả khảo sát là cơ sở quan trọng để rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, phương pháp dạy và học để cải tiến chất lượng, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra [H6.06.04.08].

Mặt khác, hằng năm, Trường đều có Báo cáo Tổng kết công tác đào tạo của năm học nhằm chỉ rõ những thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế; nguyên nhân của tồn tại hạn chế và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo cho năm học tiếp theo [H6.06.04.09].

*Kết quả điều tra về mức độ người học tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành:*

Việc khảo sát thông tin người học có việc làm sau tốt nghiệp được tiến hành định kỳ từ năm 2017 cho đến nay và chỉ khảo sát sau 01 năm tốt nghiệp; tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm rất cao, thu nhập bình quân phù hợp với bối cảnh chung của toàn xã hội. Kết quả khảo sát người học có việc làm sau tốt nghiệp được công khai trên Website của Trường và trên cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.06.04.10].

Hình thức điều tra, thu thập thông tin phản hồi của người học sau tốt nghiệp và được thực hiện chủ yếu bằng gọi điện trực tiếp và điền phiếu (đã thử nghiệm bằng hình thức phiếu hỏi google form nhưng không hiệu quả) [H6.06.04.11].

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp	636	1111	1217	955	569
Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) sau 12 tháng tốt nghiệp	96,2%	2,8%	90,7%	98%	98%
Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	0,08	0,08	0,02	0,02	0,03
Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	5,5-6 triệu	5,5-6 triệu	5,8-6 triệu	6-6,5 triệu	6-7,5 triệu

Trường cũng tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi về SV tốt nghiệp của Nhà trường từ các đơn vị sử dụng lao động, nhằm đánh giá về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của đơn vị, địa phương [H6.06.04.12], kết quả cụ thể như sau:

Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020
Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	89,4%	86%	86,7%	90,1%
Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	10,6%	14%	13,3%	9,9%
Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0%	0%	0%	0%

Bên cạnh đó, Trường cũng khảo sát ý kiến của các cơ sở thực hành thực tập để Nhằm giúp Nhà trường nắm bắt được khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên thực tập và sinh viên đã tốt nghiệp, từ đó có căn cứ để điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo hướng phù hợp với nhu cầu xã hội [H6.06.04.13]

## 2. Điểm mạnh

Tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo, đánh giá năng lực người học tốt nghiệp bám sát mục tiêu đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo cụ thể, rõ ràng; tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao; các cơ sở thực hành thực tập và các đơn vị tuyển dụng cơ bản hài lòng và đánh giá tốt về chất lượng đào tạo người học của Nhà trường.

### **3. Tồn tại**

Số lượng nhà tuyển dụng được lấy ý kiến phản hồi về nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương và của ngành chưa được thường xuyên, liên tục.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo, tăng số lượng điều tra ý kiến của nhà tuyển dụng; tổ chức lấy ý kiến phản hồi nhà tuyển dụng bằng phiếu hỏi google form để tiết kiệm được thời gian và chi phí.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

#### **Kết luận tiêu chuẩn 6**

Nhiều năm qua và đặc biệt những năm gần đây, Trường CĐSPTU vẫn luôn giữ vững thương hiệu là một trong 3 trường Cao đẳng Sư phạm uy tín nhất trong cả nước; tuyển sinh hằng năm vẫn duy trì được sự ổn định. Có được kết quả này chính là chiến lược phát triển của Nhà trường dành cho người học. Tất cả người học tại Trường đều được chào đón thân thiện, quan tâm, hỗ trợ, được tạo điều kiện thuận lợi nhất. Người học luôn được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo; được hỗ trợ trong học tập, rèn luyện; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách; tạo cơ hội và môi trường lành mạnh để người học tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; kiểm tra đánh giá năng lực của người học tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo...

Số lượng và chất lượng; tỉ lệ người học ra trường có việc làm cao; được các nhà tuyển dụng đón nhận chính là thước đo khẳng định sự tồn tại và phát triển của Nhà trường.

Trong những giai đoạn tới, Trường sẽ tiếp tục nghiên cứu, thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ hơn nữa để tiếp tục giữ vững sự ổn định, uy tín; nâng tầm thương hiệu và thu hút nhiều hơn nữa sự quan tâm, tin tưởng và lựa chọn của người học đến với Nhà trường.

### **Tiêu chuẩn 7**

## **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ**

#### **Mở đầu**

Định hướng hoạt động của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã chỉ rõ: hoạt động khoa học công nghệ (KH-CN) là một trong các nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng Trường CĐSPTU thành cơ sở nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng có chất

lượng. Các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là giải pháp quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng của mỗi Nhà trường.

Hoạt động KHCN của Nhà trường luôn tuân thủ những quy định về hoạt động KHCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong 5 năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn từ tình hình dịch bệnh covid-19 và nguồn kinh phí, tuy nhiên hoạt động KHCN của Trường đã đạt được những thành tích đáng khích lệ: nhiệm vụ KHCN được thực hiện đa dạng; các đề tài, nhiệm vụ ngày càng sát với thực tiễn đáp ứng xu hướng đổi mới trong nước và quốc tế, phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập.

***Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường cao đẳng.***

### **1. Mô tả**

Quyết định số 480/QĐ-CĐSPТУ ngày 27/8/2021 về việc ban hành Sứ mạng mục tiêu nêu rõ: Trường CĐSPТУ là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học [H1.01.01.04]. Trong những năm qua, hoạt động KHCN đã bám sát định hướng phát triển của Nhà trường góp phần tích cực vào sự phát triển các ngành đào tạo và đặc biệt là ngành Giáo dục Mầm non.

Việc quản lý và triển khai hoạt động KHCN được thực hiện dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H7.07.01.01] và tập văn bản quản lý hoạt động Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế (KHCN-HTQT) của Trường [H7.07.01.02].

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động KHCN, Ban Giám hiệu Nhà trường, căn cứ vào sứ mạng của Trường, chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2013-2023 với mục tiêu chung là: Đến năm 2023, hoạt động khoa học và công nghệ đóng vai trò nòng cốt cho sự phát triển Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non và một số ngành nghệ thuật, xã hội... trình độ đại học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội với chất lượng, phương pháp tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới. Mục tiêu cụ thể: Khoa học Giáo dục mầm non và giáo dục đặc biệt cung cấp được các cơ sở lý luận, dự báo khoa học, luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối, chính sách phát triển Ngành Giáo dục Mầm non đáp ứng



yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội với chất lượng, phương pháp tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới [H7.07.01.03]. Các mục tiêu và kế hoạch thực hiện phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của Nhà trường.

Các chỉ tiêu cơ bản của chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2013 - 2023 (phụ lục 5).

Để thực hiện có hiệu quả chiến lược 10 năm về hoạt động KHCN, Nhà trường tiếp tục ban hành Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường CĐSPTU' giai đoạn 2017 - 2022, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.04] làm định hướng cho việc xây dựng kế hoạch KHCN.

Hàng năm, lãnh đạo Nhà trường giao cho Phòng KHCN-HTQT tham mưu và xây dựng kế hoạch KHCN năm học [H7.07.01.05] dựa trên định hướng phát triển KHCN của Nhà trường. Kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm thể hiện ở hai nội dung cơ bản: một là, danh sách các nhiệm vụ KHCN cụ thể được triển khai trong năm; hai là, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Kinh phí dành cho các hoạt động khoa học công nghệ hàng năm được thể hiện ở bảng sau:

STT	Năm	Tổng kinh phí của trường (VNĐ)	Tổng kinh phí cho NCKH (VNĐ)
1	2018	110,109,463,298	2.866.494.900
2	2019	73,817,824,488	730.111.000
3	2020	96,237,136,126	423.065.000
4	2021	114,962,901,243	645.889.000
5	2022	120,029,181,489	899.369.000

Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch được thực hiện theo quy trình:

- Ra thông báo định hướng hoạt động KHCN: căn cứ vào tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN năm trước và định hướng KHCN của năm, Phòng KHCN-HTQT xây dựng Thông báo định hướng và đăng ký hoạt động KHCN hàng năm gửi đến các đơn vị và cá nhân trong toàn Trường [H7.07.01.06].

- Tổ chức cho cán bộ giảng viên đăng ký các danh mục các nhiệm vụ KHCN bao gồm đề tài khoa học và các nhiệm vụ KHCN khác gồm: xây dựng băng hình, viết tài liệu tham khảo, hội thảo khoa học, ...

- Tổ chức Hội đồng Khoa học và Đào tạo với thành phần gồm Ban Giám

hiệu, trưởng các đơn vị, lãnh đạo Phòng KHCNHTQT và các chuyên gia có chuyên môn sâu ở từng lĩnh vực duyệt danh mục và tư vấn thuyết minh các nhiệm vụ đăng ký thực hiện và ra thông báo thực hiện các nhiệm vụ KHCN thực hiện trong năm.

- Kí hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN do Hiệu trưởng kí với từng chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ [H7.07.01.07].

- Các chủ nhiệm tiến hành công việc nghiên cứu theo hợp đồng đã kí với Hiệu trưởng Nhà trường.

- Kiểm tra tiến độ nghiên cứu các nhiệm vụ KHCN hằng năm và tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ KHCN: hội đồng nghiệm thu được tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng có trách nhiệm đánh giá và nghiệm thu sản phẩm NCKH. quy trình nghiệm thu sản phẩm KHCN của Trường căn cứ vào quy định các tiêu chuẩn nghiệm thu nhiệm vụ KHCN được quy định trong tập văn bản KHCN do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường công bố [H7.07.01.08].

- Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng báo cáo tổng kết công tác KHCN để tổng kết những mặt làm được, mặt còn hạn chế trên cơ sở đó định hướng cho các nhiệm vụ KHCN trong năm tiếp theo [H7.07.01.09].

Góp phần hiện thực hóa sứ mạng và chiến lược phát triển của Nhà trường, hàng năm Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức hội thảo khoa học [H7.07.03.03], bồi dưỡng chuyên môn [H7.07.01.10]. Số lượt cán bộ giảng viên được cử tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học, bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch là: 2018 - 831 lượt, 2019 - 813 lượt, 2020 - 867 lượt, 2021 - 711 lượt, 2022 - 442 lượt.

Để đẩy mạnh các hoạt động KHCN và lan tỏa những giá trị từ các công trình nghiên cứu, Trường CDSPTU đã tổ chức hội thảo khoa học các cấp [H7.07.03.03], chuyên giao các sản phẩm nghiên cứu tới trung tâm Thông tin - Thư viện [H7.07.03.02] và chia sẻ thông tin trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (<http://cdsptw.edu.vn/topics.aspx?sitepageid=580>)

## **2. Điểm mạnh**

Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ được thực hiện đúng theo các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tập văn bản Quản lý hoạt KHCN-HTQT của Trường ban hành, phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường.

### 3. Tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp.

### 4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Nhà trường tiến hành xây dựng chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 10 năm (2024 - 2034).

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu phân bổ nguồn kinh phí, tăng cường đầu tư các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, tiến hành rà soát điều chỉnh và bổ sung quy trình thực hiện hoạt động KH-CN.

Tìm kiếm nguồn kinh phí từ các hoạt động hợp tác với Unicef; đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGDMN giai đoạn 2018 - 2025” theo Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGDMN giai đoạn 2018 - 2025”.

Hằng năm, đẩy mạnh công tác truyền thông về các hoạt động KH-CN, HTQT của Nhà trường.

### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

**Tiêu chí 7.2. Có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.**

#### 1. Mô tả

Nhà trường có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

Tại Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường theo Quyết định số 480/QĐ-CĐSP-TU ngày 27/8/2021 nêu rõ: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học [H1.01.01.04].

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường được duy trì, tham gia vào việc xây dựng định hướng cho các nhiệm vụ trong đó có định hướng cho sự phát triển lĩnh vực KH-CN, phù hợp với chiến lược của Trường, trên cơ sở đó để triển khai nhiệm vụ KH-CN cụ thể cho từng năm.

- Nhà trường đã thường xuyên cải tiến, bổ sung các chế độ chính sách theo hướng ngày càng nâng mức thù lao và tạo điều kiện khuyến khích cho hoạt động

NCKH thể hiện qua việc điều chỉnh các mức chi trong tập văn bản quản lý hoạt động KH-CN-HTQT [H7.07.02.01].

- Kinh phí dành cho hoạt động KH-CN được Nhà trường cấp hằng năm: năm 2018 (2.866.494.900<sup>d</sup>), năm 2019 (730.111.000<sup>d</sup>), năm 2020 (423.065.000<sup>d</sup>), năm 2021 (645.889.000<sup>d</sup>), năm 2022 (899.369.000<sup>d</sup>) [H7.07.01.05].

- Hằng năm để thuận lợi cho việc đăng kí các nhiệm vụ KH-CN, Phòng QL-NCKH-HTQT xây dựng báo cáo tổng hợp đề tài, đề án, dự án đã được nghiệm thu nhằm giúp cho cán bộ giảng viên và sinh viên thuận lợi trong nghiên cứu [H7.07.02.02].

- Trường có quy trình và hướng dẫn nghiên cứu khoa học được cụ thể hóa chi tiết trong tập văn bản quản lý hoạt động NCKH-HTQT [H7.07.01.02], quy trình này được cụ thể hóa thành các bước giúp cho giảng viên và sinh viên thuận lợi trong nghiên cứu khoa học từ khâu đăng ký, triển khai và nghiệm thu sản phẩm NCKH.

Việc khuyến khích NCKH của sinh viên được cụ thể hóa trong tập văn bản quản lý hoạt động NCKH-HTQT do Hiệu trưởng ban hành gồm các nội dung cơ bản như sau: hỗ trợ kinh phí nghiên cứu 1.000.000<sup>d</sup>/đề tài; được cộng điểm rèn luyện theo quy định xét duyệt của Phòng Công tác Học sinh, Sinh viên; được sử dụng các thiết bị phương tiện sẵn có của trường, khoa để phục vụ nghiên cứu; được Nhà trường hỗ trợ việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu và công bố khoa học theo quy định hiện hành; được xem xét để đăng kết quả nghiên cứu trên Tập san thông tin Khoa học - Giáo dục của Nhà trường và xem xét gửi tham dự các hội thi sinh viên NCKH các cấp cao hơn [H7.07.01.02].

Công tác nghiệm thu các nhiệm vụ KH-CN: quy trình nghiệm thu đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở được thực hiện theo bảy bước cụ thể và trải qua hai cấp (cấp khoa và cấp trường). Do được nghiệm thu hai cấp mà chất lượng sản phẩm đề tài KH-CN được nâng lên rõ rệt. Mỗi hội đồng nghiệm thu luôn có từ một đến hai phản biện độc lập ngoài trường tham gia đánh giá [H7.07.01.02], [H7.07.01.08].

Tổng số 168 đề tài NCKH được phê duyệt trong 5 năm từ 2018 đến 2022, trong đó 118 đề tài được nghiệm thu đúng tiến độ, chiếm 70% ; 113/118 đề tài được ứng dụng trong công tác đào tạo của Nhà trường, chiếm 95,7% [H7.07.03.01].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có chủ trương rõ ràng và tạo điều kiện tốt cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến, được cụ thể hóa qua nhiều hình thức cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường. Bên cạnh đó, hệ thống văn bản hướng dẫn đã được xây dựng đầy đủ, chi tiết và thuận tiện trong triển khai thực hiện.

## **3. Tồn tại**

Số lượng sinh viên tham gia NCKH chưa nhiều.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2023, Nhà trường khuyến khích cán bộ, giảng viên phối hợp cùng sinh viên trong NCKH.

Nhà trường xây dựng định hướng công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, phù hợp với sứ mệnh, mục tiêu và phương hướng phát triển, phát huy thế mạnh ở ngành mũi nhọn là Giáo dục Mầm non, đáp ứng chương trình giáo dục mầm non mới dự kiến ban hành năm 2024, xu hướng phát triển giáo dục trong nước và trên thế giới.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 7.3. Có các kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường và các cơ sở giáo dục khác ở địa phương.***

### **1. Mô tả**

Với vai trò là một trường sư phạm, hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khoa học giáo dục để phục vụ cho công tác đào tạo.

Nhà trường có các kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học:

- Các kết quả nghiên cứu khoa học được Nhà trường chú ý ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học thông qua việc làm báo cáo tổng hợp các nhiệm vụ khoa học công nghệ đã thực hiện từng năm [H7.07.02.02], thống kê danh mục các đề tài NCKH thực hiện trong 05 năm [H7.07.03.01] để gửi đến các đơn vị và phổ biến đến từng cán bộ giảng viên để mỗi cán bộ giảng viên biết và có kế hoạch triển khai ứng dụng trong công tác giảng dạy và nghiên cứu. Sau đó, lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, chuyên viên về tính ứng dụng của các đề tài, nhiệm vụ KH-CN trong công tác đào tạo của Nhà trường [H7.07.03.04].

- Việc thể hiện khả năng ứng dụng sản phẩm KHCN vào dạy và học được chú trọng ngay trong quy trình xét duyệt các nhiệm vụ đầu vào, đó là: (1) Tháng 12 hàng năm Nhà trường thông báo đến các đơn vị về định hướng và đề xuất danh mục nhiệm vụ KHCN của năm tiếp theo [H7.07.01.06]; (2) Các cá nhân/nhóm đề xuất nhiệm vụ KHCN, lãnh đạo đơn vị (Khoa chuyên môn/Phòng/Trung tâm) xác nhận nhiệm vụ phù hợp về mặt khoa học và công tác chuyên môn của đơn vị; (3) Tháng 1,2 hàng năm Nhà trường họp Hội đồng duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN và thông báo danh sách các nhiệm vụ được duyệt tới các đơn vị, chủ nhiệm nhiệm vụ xây dựng thuyết minh và kế hoạch chi tiết cho từng nhiệm vụ; (4) Tháng 2,3 hàng năm họp Hội đồng duyệt thuyết minh các nhiệm vụ KHCN, công bố Quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí thực hiện. Căn cứ vào định hướng phát triển KHCN hằng năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường sẽ xem xét và quyết định những nhiệm vụ nào có tính khả thi, góp phần tháo gỡ những khó khăn trong thực tiễn triển khai các nhiệm vụ của Nhà trường, có tính ứng dụng cao phù hợp với xu hướng phát triển của ngành sẽ được ưu tiên lựa chọn để đưa vào thực hiện.

- Trong quy trình hướng dẫn nghiên cứu khoa học, khâu cuối cùng là chuyển các sản phẩm nghiên cứu hằng năm đến Trung tâm Thông tin - Thư viện để phổ biến đến bạn đọc trong và ngoài trường. Đây là một kênh quan trọng để các sản phẩm nghiên cứu đến với cán bộ giảng viên và sinh viên [H7.07.03.02]. Để quản lý, đánh giá tính ứng dụng của các nghiên cứu đối với công tác đào tạo, mỗi chu kỳ chỉnh sửa, xây dựng mới các học phần trong chương trình đào tạo cần đưa vào mục giáo trình, sách tham khảo của đề cương chi tiết học phần những sản phẩm nghiên cứu mới.

Đến nay, đa số nhiệm vụ KHCN đều hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, 100% nhiệm vụ KHCN được triển khai trong năm năm từ 2018 đến 2022 đều hướng đến phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy và quản lý của Nhà trường.

Cách thức chuyển giao sản phẩm KHCN từ nghiên cứu đưa vào thực tiễn hiện nay được thực hiện trên hai cách: một là, phổ biến trong toàn trường thông qua hệ thống thư viện để làm tài liệu trực tiếp phục vụ hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên; hai là, chuyển tới Trung tâm Nghiên cứu thiết bị giáo dục và học liệu cho giáo dục mầm non và trẻ khuyết tật tiếp tục nghiên cứu để thực hiện các công đoạn sau nghiên cứu.

Nhiều nghiên cứu KHCN của cán bộ giảng viên đã được công bố và phổ biến ứng dụng rộng rãi trong nước thông qua các hình thức khác nhau. Từ năm 2018 đến 2022, có tổng số 188 bài báo khoa học của cán bộ giảng viên đã được công bố trên Tập san, các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế. Những kết quả nghiên cứu khoa học còn được công bố và trình bày trong 36 hội thảo khoa học đã được Nhà trường tổ chức ở các cấp (cấp quốc tế, cấp quốc gia, cấp trường); ngoài ra, trong các đợt tập huấn chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, Nhà trường cử cán bộ giảng viên tham gia trình bày tại các hội thảo, hội nghị trong cả nước [H7.07.04.01], [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.03.03].

Năm 2021 nhóm nghiên cứu của Nhà trường với dự án “Tăng cường năng lực giảng dạy kỹ năng sống cho giáo viên mầm non dưới dự hỗ trợ CNTT” đã tham dự cuộc thi GLOBAL INNOVATION của HUNDRED Phần Lan (Tìm kiếm các giải pháp đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy toàn cầu được tổ chức vào tháng 6/2021). Ngày 3/11/2021 được công bố là dự án Việt Nam duy nhất đạt Top 100 sáng kiến đổi mới giáo dục toàn cầu Global Innovations 2022 [H7.07.03.05].

## **2. Điểm mạnh**

Hầu hết các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ có tính ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy - học và quản lí của trường. Một số hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ đã được phổ biến ứng dụng rộng rãi trong nước.

## **3. Tồn tại**

Việc giới thiệu các sản phẩm nghiên cứu KHCN tới các đơn vị đào tạo GVMN, các cơ sở GDMN và các trung tâm về GDMN chưa được nhiều.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2023, Nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông, tìm kiếm các đối tác nhằm chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tế.

Nhà trường phối hợp với các nhà xuất bản để xuất bản, phát hành hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo và các cơ sở giáo dục đặc biệt các cơ sở GDMN và các trung tâm về GDMN.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

**Tiêu chí 7.4. Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp san, các ấn phẩm khoa học; có các tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường.**

### 1. Mô tả

Có các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín. Việc đăng tải các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành cũng là một cách hữu hiệu để trao đổi thông tin KH-CN và công bố các kết quả nghiên cứu. Các bài báo khoa học đều tập trung vào việc công bố các công trình khoa học của cán bộ giảng viên phù hợp với định hướng phát triển nghiên cứu khoa học của Trường với số lượng cụ thể được trình bày trong bảng 7.4.1.

*Bảng 7.4.1. Số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học, kỉ yếu Hội thảo trong nước và quốc tế*

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế [H7.07.04.01]	0	0	2	3	2	0
2. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí trong nước [H7.07.04.02]	114	12	28	6	9	4
3. Số lượng bài báo đăng trên Tạp san Thông tin Khoa học giáo dục của Trường [H7.07.04.03]	10	31	19	14	20	16
4. Số lượng bài viết đăng trên các kỉ yếu Hội thảo Quốc tế	7	1	0	0	0	0
5. Số lượng bài viết đăng trên các kỉ yếu Hội thảo Quốc gia	3	0	5	0	23	0
6. Tổng số bài báo	<b>134</b>	<b>44</b>	<b>54</b>	<b>23</b>	<b>54</b>	<b>20</b>

Hằng năm, hội thảo khoa học các cấp được tổ chức. Qua các diễn đàn này, cán bộ giảng viên có nhiều cơ hội trao đổi thông tin khoa học, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ tốt công tác đào tạo của Trường [H7.07.04.04].

Trong những năm gần đây, Nhà trường cũng đặc biệt chú trọng tới công tác biên soạn các giáo trình [H7.07.04.05], tài liệu tham khảo [H7.07.04.06], tài liệu biên dịch [H7.07.04.07] để phục vụ công tác giảng dạy cho các ngành đào tạo, đặc biệt đối với các chương trình đào tạo mới như: Các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến; Âm nhạc trong trường mầm non; Mỹ thuật trong trường



mầm non; Tiếng Anh trong cơ sở giáo dục mầm non; Công nghệ thông tin trong trường mầm non; Giáo dục đặc biệt trong trường mầm non; Công tác xã hội trong trường mầm non. Số liệu thống kê hằng năm cho thấy:

Để đáp ứng chương trình đào tạo có những đổi mới, phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập quốc tế, giảng viên Nhà trường đã tham gia nghiên cứu biên soạn tài liệu, giáo trình, dịch tài liệu [bảng 7.4.2].

*Bảng 7.4.2. Thông tin về giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch*

Nhiệm vụ KHCN	Năm					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số sách, tài liệu tham khảo, giáo trình						
- Sách giáo trình	1	4	1	0	0	1
- Sách tham khảo	12	15	8	5	2	3
- Tài liệu dịch	3	4	0	0	1	0
2. Số giảng viên tham gia biên soạn						
- Sách giáo trình	1	9	2	0	0	0
- Sách tham khảo	22	24	8	5	8	9
- Tài liệu dịch	6	9	0	0	2	0

## **2. Điểm mạnh**

Các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tập san, ấn phẩm khoa học, tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường ngày càng có chất lượng.

## **3. Tồn tại**

Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo hầu hết được lưu hành nội bộ, việc xuất bản còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác biên soạn các giáo trình, tài liệu tham khảo chú trọng các tài liệu về phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến; Âm nhạc trong trường mầm non; Mỹ thuật trong trường mầm non...

Từ năm 2023, Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tra nhu cầu sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng viên của Trường đã nghiên cứu, biên soạn;

phối hợp với các nhà xuất bản để xuất bản, phát hành hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 7.5. Có các hoạt động kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo; có các hoạt động về quan hệ quốc tế. Kết quả của các hoạt động khoa học và quan hệ quốc tế đóng góp vào việc phát triển nguồn lực của trường.***

#### **1. Mô tả**

Hoạt động hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Trong những năm qua, hoạt động hợp tác quốc tế đã phát huy hiệu quả và mang lại cho Trường nhiều lợi ích thiết thực. Nhà trường luôn xác định hoạt động hợp tác quốc tế phải được gắn kết chặt chẽ với công tác đào tạo của các ngành học.

Để triển khai được mạng lưới liên kết hợp tác quốc tế rộng rãi, Nhà trường đã có định hướng chiến lược hợp tác quốc tế trong giáo dục đào tạo rõ ràng, chú trọng giáo dục mầm non. Mỗi đối tác đến với Nhà trường đều là những vị khách quý, được đón tiếp trân trọng. Nhà trường luôn lắng nghe, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ, cởi mở chia sẻ mọi khó khăn cũng như thuận lợi nhằm phát triển mối quan hệ bền vững lâu dài với mọi đối tác. Kết quả là việc triển khai đào tạo ngành GDMN được đổi mới; chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non của Nhà trường được cải thiện; giảng viên, sinh viên, giáo viên mầm non có cơ hội làm việc, hợp tác với giảng viên và sinh viên quốc tế.

Từ năm 2017 đến năm 2022, Nhà trường đã kí kết được 11 biên bản hợp tác với các đối tác quốc tế là các trường đại học, các tổ chức giáo dục quốc tế gồm: Trường Đại học Copenhagen Đan Mạch, Đại học Via Đan Mạch, Đại học Bắc Đan Mạch, Đại học Oulu Phần Lan, Đại học Nam Đan Mạch (UCSYD), Đại học Graz Áo, Đại học Khoa học và công nghệ Pingtung Đài Loan ... [H07.07.05.01].

Nhà trường phối hợp với các chuyên gia đến từ các đối tác quốc tế để tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nhằm trao đổi các chuyên môn sâu, các kinh nghiệm quản lí, đào tạo, nghiên cứu nhằm phát triển năng lực cho đội ngũ cán bộ của Nhà trường [H07.07.05.02].

Thông qua chương trình hợp tác quốc tế, từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã đón nhận nhiều chuyên gia, giảng viên, sinh viên Đan Mạch, Úc, Đức, Hàn Quốc, Ba Lan đến trao đổi chia sẻ chuyên môn và thực tập. Trường đã tổ chức

khóa đào tạo ngắn hạn và cấp chứng chỉ cho 17 học viên là các cán bộ, giảng viên, giáo viên mầm non Lào [H07.07.05.03], [H07.07.05.04], [H07.07.05.08].

Trong khuôn khổ các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu này, Trường cũng đã tổ chức được 01 hội thảo quốc tế “Xây dựng Trường mầm non hạnh phúc và nói không với bạo hành trẻ em” và hội thảo hữu nghị năm 2018, 2019 với Đại học Bắc Đan Mạch (UCN).

Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường đã triển khai nhiều đợt công tác, tham quan học tập kinh nghiệm giáo dục của cán bộ, giảng viên tại Đan Mạch, Singapore, Đài Loan ... [H7.07.05.05].

Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường đã ra thông báo, xét tuyển và quyết định cử sinh viên đi bồi dưỡng học tập ở các trường đại học của Đan Mạch [H7.07.05.06].

Trong 5 năm qua, Trường đã tham gia 6 dự án quốc tế; cụ thể là các dự án: Sáng kiến phương Nam (Wanda); Nghiên cứu giao thoa văn hóa trong lãnh vực cho trẻ mầm non làm quen với Toán; Thử nghiệm “Chương trình Đàn cá” thuộc Dự án Học tập cho trẻ em do Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF tài trợ; Trao đổi giảng viên Trị liệu tâm vận động giữa Trường Đại học Copenhagen và Khoa Giáo dục đặc biệt Trường CDSPTU; Phòng chống bạo lực trẻ em; Học tập cho mọi trẻ em [H7.07.05.07].

Ngoài ra, Nhà trường tạo điều kiện để giảng viên tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng, viết giáo trình cùng với chuyên gia thuộc Reggio Children, Italy [H7.07.05.09].

Có thể nói, hợp tác quốc tế đã góp phần quan trọng giúp Nhà trường xây dựng và bồi dưỡng năng lực giảng dạy và nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng viên; đồng thời, từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ hợp tác với các trường cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế.

## **2. Điểm mạnh**

- Trường đã xây dựng chiến lược, kế hoạch cho hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; đây là cơ sở để triển khai một cách thống nhất và hiệu quả các hoạt động.

- Nhà trường có thế mạnh về đào tạo ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Đặc biệt. Đây là một môi trường thuận lợi cho cán bộ giảng viên cũng như đối tác nước ngoài trong việc xây dựng và triển khai các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục đặc biệt.

- Thông qua hoạt động hợp tác về nghiên cứu khoa học, năng lực nghiên cứu của cán bộ giảng viên trong Trường đã được nâng cao rõ rệt, cơ sở vật chất được chú trọng và đầu tư nâng cấp, sửa chữa tốt hơn; từ đó, khẳng định thế mạnh và vị thế của Trường về năng lực nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

### **3. Tồn tại**

Các công bố quốc tế chưa được nhiều.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2023, Nhà trường nghiên cứu thành lập và bồi dưỡng nhóm nghiên cứu mạnh, có đủ kinh nghiệm và năng lực thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ hợp tác cùng với các chuyên gia quốc tế.

Nhà trường tiếp tục tìm kiếm các cơ hội thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ quốc tế và khu vực.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

#### **Kết luận tiêu chuẩn 7**

Các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động KHCN đã được Nhà trường xây dựng, triển khai phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu đặt ra.

Nhà trường có chủ trương rõ ràng, tạo điều kiện tốt và luôn khích lệ, tạo động lực để cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến qua nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện thực tế. Nhiều công trình nghiên cứu, tài liệu, giáo trình có ý nghĩa thực tiễn cao, phục vụ tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển công nghệ của Trường.

Công tác hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, đối tác hợp tác ngày càng mở rộng tạo điều kiện cho việc học tập và phát triển của đội ngũ viên chức, người lao động và sinh viên Nhà trường.

Trong giai đoạn tiếp theo Nhà trường có chiến lược rõ ràng nhằm tiếp tục phát triển các hoạt động khoa học công nghệ nhằm thực hiện tốt hơn nữa sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của Nhà trường.

### **Tiêu chuẩn 8**

#### **THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC**

#### **Mở đầu**

Sau quá trình đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 1, giai đoạn 2012 - 2017, Trường CĐSPTU tiếp tục đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho

công tác giảng dạy và NCKH. Hằng năm, Nhà trường liên tục bổ sung, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị hiện đại trang bị cho phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm. Nhà trường thực hiện rất nhiều các dự án ngắn hạn, trung hạn như: Dự án sửa chữa Giảng đường, KTX, Hội trường (2022 - 2023); Dự án Đầu tư Trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số và xây dựng học liệu số phục vụ giáo dục mầm non (2022 - 2023); Cải tạo, sửa chữa nâng cấp tầng Nhà lớp học 2 tầng Trường MNTTH Hoa Sen 2018; Cải tạo sửa chữa, mua sắm thiết bị phòng Hội thảo năm 2019; Thi công xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện cấp trực nhà A, B năm 2020; Cải tạo sửa chữa, mua sắm thiết bị phòng Họp Giao ban năm 2021; Dự án Nhà đa chức năng (2021 - 2025).

Công tác quản lý CSVC, thiết bị thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sử dụng và quản lý tài sản công. Nhà trường đã xây dựng các văn bản quy định; Ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; Ban hành quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác phòng cháy chữa cháy; Ban hành Nội quy phòng cháy chữa cháy; Ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa của người học.

Kí túc xá khang trang, sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu người học. Trường có đầy đủ các biện pháp để bảo vệ tài sản và an toàn cho người học, công tác an ninh trật tự được bảo đảm tốt.

***Tiêu chí 8.1. Thư viện có đầy đủ tài liệu, sách báo, tạp chí để tham khảo và học tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo theo quy định. Tổ chức phục vụ đáp ứng yêu cầu học tập của người học.***

### **1. Mô tả**

Trung tâm Thông tin - Thư viện (gọi tắt là Thư viện) có địa chỉ tại tầng 1, tầng 2 nhà C và gồm có các phòng chuyên môn như: phòng Nghiệp vụ, phòng Tham khảo và phòng Giáo trình. Thư viện được thiết kế và xây dựng theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Trong đó, các phòng phục vụ có gần 100 chỗ ngồi, bảo đảm các tiêu chuẩn về ánh sáng; bàn ghế, giá sách, tủ sách theo quy định, bảo đảm về điều kiện phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm. Các phòng này được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết gồm: cổng an ninh, kiosk tra cứu thông tin, máy tính... [H8.08.01.01]. Các phòng phục vụ đều có cán bộ có trình độ chuyên môn thư viện phụ trách. Tổng số 06 cán bộ, trong đó có 02 thạc sĩ và 02 cử nhân chuyên ngành thư viện, 02 cử nhân chuyên ngành khác. Các cán bộ luôn tự trao

dòi trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc. Bên cạnh đó, cũng thường xuyên được tham dự các buổi hội thảo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ do ngành thư viện tổ chức [H8.08.01.02].

Thư viện có đầy đủ các văn bản quy định thời gian phục vụ, văn bản hướng dẫn đọc giả cách sử dụng hệ thống tra cứu tài liệu và nội quy của từng phòng chức năng, quy định liên quan đến hoạt động thư viện [H8.08.01.03].

Thư viện có đầy đủ học liệu, bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo... phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo. Tính đến tháng 12/2022, về tài liệu truyền thống, Thư viện có 12.034 tên với 99.325 bản. Trong đó, giáo trình có 856 đầu sách, 50.223 cuốn sách; sách tham khảo có 7.474 đầu sách, 41.688 cuốn sách, 236 tên đĩa VCD, CD tư liệu phục vụ đào tạo giáo viên, 780 tên tài liệu nội sinh gồm luận án, luận văn, khóa luận, đề tài nghiên cứu, tài liệu hội nghị hội thảo. Theo khuyến nghị từ đoàn đánh giá giai đoạn 1, từ năm 2017, Thư viện không còn bổ sung và phục vụ tài liệu không có bản quyền. Từ năm 2020, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 300 tên, trong đó phần lớn là tài liệu nội sinh [H8.08.01.04].

STT	Loại tài liệu	Tên tài liệu	Số lượng
01	Giáo trình	856	50.223
02	Sách tham khảo	7.474	41.688
03	Tài liệu Nhà trường	251	1.621
04	Ấn phẩm định kỳ	777	1.447
05	Luận án, luận văn	09	19
06	Sách ngoại văn	1.661	2.726
07	Khóa luận	175	227
08	Đề tài nghiên cứu khoa học	289	499
09	Tài liệu hội nghị - hội thảo	56	322
10	Tài liệu đa phương tiện	236	303
11	Tài liệu số	250	250
<b>Tổng</b>		<b>12.034</b>	<b>99.325</b>

Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hằng năm, đáp ứng nhu cầu đào tạo. [H8.08.01.05]. Các đầu sách của Thư viện bảo đảm phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường [H8.08.01.06].

Nguồn tài liệu của thư viện và hồ sơ bạn đọc được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện điện tử Kipos phiên bản 7.0.7.2. Bạn đọc có thể tra cứu tài liệu của Thư viện qua cổng thông tin điện tử của Thư viện: <http://thuvien.cdsptw.edu.vn>. [H8.08.01.07].

Từ tháng 12/2022, Thư viện đã kết nối dùng chung nguồn tài liệu thư mục, tiến tới dùng chung nguồn tài liệu số với hệ thống thư viện các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. GV,SV có thể tra cứu nguồn tài liệu thư mục của các thư viện thành viên qua Trung tâm Tri thức số <http://digitalknowledgehub.vnu.edu.vn/> [H8.08.01.08].

Trong 5 năm học, từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022, số lượt người học và giảng viên đến thư viện đạt 44.277 lượt, bình quân gần 9.000 lượt/năm học, không tính lượt truy cập để tra cứu thông tin trên trang thông tin của Thư viện. Số lượt tài liệu mượn đạt 63.551 lượt, bình quân gần 13.000 lượt/năm [H8.08.02.09].

Năm học	Lượt bạn đọc	Tài liệu mượn
2017 - 2018	6.409	17.898
2018 - 2019	10.636	20.906
2019 - 2020	10.933	11.919
2020 - 2021	11.885	9.225
2021 - 2022	4.414	3.603
<b>Tổng</b>	<b>44.277</b>	<b>63.551</b>

Tỉ lệ kinh phí Trường đầu tư cho thư viện trên tổng kinh phí của Nhà trường từ năm 2017 đến năm 2022 là 1,06%, bình quân 1.167.714.000 đồng/năm [H8.08.02.10].

Năm	Tổng kinh phí của trường (VNĐ)	Tổng kinh phí cho thư viện (VNĐ)
2018	110.109.463.298	5.463.340.000
2019	73.817.824.488	13.840.000
2020	96.237.136.126	130.459.000

Năm	Tổng kinh phí của trường (VNĐ)	Tổng kinh phí cho thư viện (VNĐ)
2021	114.962.901.243	125.145.000
2022	120.029.181.489	105.788.000

Hằng năm, Thư viện đều tiến hành khảo sát, điều tra ý kiến bạn đọc về mức độ đáp ứng của hệ thống thư viện của Nhà trường. Bạn đọc phần lớn hài lòng về mức độ đáp ứng về tài liệu, các dịch vụ thông tin - thư viện, cơ sở vật chất, trang thiết bị của thư viện. Về thái độ phục vụ của cán bộ thư viện: đa số bạn đọc hài lòng và rất hài lòng. Qua ý kiến phản hồi từ người đọc, Thư viện có những điều chỉnh kịp thời. Công tác tổ chức phục vụ người học tương đối khoa học, cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập của người học [H8.08.01.11].

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện của Trường hiện nay về cơ bản đã có đủ nguồn tài liệu để phục vụ nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên theo các chương trình đào tạo trong Nhà trường; Thư viện điện tử cho phép cán bộ, giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập vào nguồn tài liệu số của Thư viện. Nguồn tài liệu số đã từng bước được Thư viện cập nhật lên hệ thống tra cứu cho bạn đọc sử dụng; Công tác liên kết, liên thông thư viện để dùng chung nguồn tài liệu đã được Thư viện chú trọng thực hiện; Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc đã được hiện đại hóa để đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

## **3. Tồn tại**

Việc tư vấn, hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện hiện đại và tra cứu thông tin cho bạn đọc chưa đa dạng.

## **4. Kế hoạch hành động**

Thư viện trường đang thực hiện lộ trình theo từng giai đoạn chuyển sang thư viện số hóa. Khai thác nguồn tài liệu sẵn có cũng như nguồn tài liệu của các thư viện liên kết để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập cũng như phục vụ bạn đọc có hiệu quả nhất. Đa dạng hoá các hình thức tra cứu thông tin, chuyên nghiệp hóa cách thức phục vụ để thu hút giảng viên, SV đến thư viện.

Trong giai đoạn 2022 - 2025, Thư viện sẽ tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo kỹ năng tra cứu thông tin theo quy mô hẹp và chuyên sâu hơn đến toàn bộ giảng viên và SV trong Trường.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**



***Tiêu chí 8.2: Có đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu chương trình đào tạo.***

### **1. Mô tả**

Nhà trường có vị trí thuận lợi trên mặt đường Hoàng Quốc Việt, với tổng diện tích mặt bằng đất là 12.622m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng là 16.944m<sup>2</sup>, được xây dựng 10 tòa nhà từ 2 đến 5 tầng và một số công trình cấp 4 phụ trợ. Đến tháng 12 năm 2022, Nhà trường có 11 chương trình đào tạo các ngành đều có yêu cầu về thực hành, Nhà trường có hệ thống 3 trường MNTH là cơ sở để HSSV được thực hành, thực tập và sinh hoạt chuyên đề: Trường Mầm non thực nghiệm Hoa Hồng với diện tích gần 8.000m<sup>2</sup>, Trường MNTH Hoa Sen với diện tích gần 6.500m<sup>2</sup> và Trường MNTH Hoa Thủy Tiên nằm trong khuôn viên của Nhà trường [H8.08.02.01]. Hằng năm, Trường có phê duyệt kế hoạch cải tạo, sửa chữa các phòng học, phòng thực hành để đáp ứng yêu cầu về phòng học, phòng thực hành và thực tập đặc thù, năm 2018 Quyết định số 3152/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2018 của Bộ Giáo dục Đào tạo Trường đã hoàn thành xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa nâng cấp tầng nhà lớp học 2 tầng - trường MNTH Hoa Sen [H8.08.02.02].

Tổng số phòng học của Nhà trường hiện có 202 phòng đã bao gồm cả 3 trường mầm non, với tổng diện tích là 15.245m<sup>2</sup>. Trong đó: 74 phòng học chung với diện tích 3.703m<sup>2</sup>, 128 phòng học thực hành với diện tích 11.542m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ dạy và học như bàn ghế, âm thanh, ánh sáng, hệ thống máy tính, máy projector, máy cassette, mạng wifi, kết nối mạng LAN và internet phục vụ tốt cho việc dạy và học, tại trường CDSPTU 51 phòng học giảng đường với diện tích là 2.708m<sup>2</sup> [H8.08.02.03].

Trường có 128 phòng học thực hành với diện tích 11.542m<sup>2</sup>, trong đó bao gồm: 87 phòng thực hành mầm non, 8 phòng học thực hành tin học với tổng diện tích 511m<sup>2</sup>; 4 phòng thực hành âm nhạc có với tổng diện tích 100m<sup>2</sup>; 3 phòng thực hành mỹ thuật với diện tích 345m<sup>2</sup>; 1 phòng thực hành nghiệp vụ Giáo dục Mầm non với tổng diện tích 70m<sup>2</sup>, 2 phòng thực hành thư viện với tổng số diện tích 750m<sup>2</sup>, 2 phòng thực hành văn hóa nghệ thuật với diện tích 130m<sup>2</sup>, 13 phòng học ngoại ngữ với diện tích 633m<sup>2</sup>, 3 phòng thực hành dinh dưỡng với diện tích là 580m<sup>2</sup> và 5 hội trường đa năng dùng để thực hành nghiệp vụ nghề

nghiệp với tổng diện tích 1207m<sup>2</sup> [H8.08.02.04]. Bảng thống kê phòng học (phụ lục 5)

Tại Quyết định số 1536/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng nhà đa chức năng - Trường CĐSPTU, với quy mô đầu tư là 4.800 m<sup>2</sup> xây dựng, bổ sung khoảng 10 phòng làm việc, phòng học đa năng (diện tích khoảng 105m<sup>2</sup>) và 25 phòng học chuyên ngành (diện tích khoảng 65m<sup>2</sup>) nhưng do dịch bệnh covid 19 đã dừng lại. Tại Quyết định số số 2807/QĐ- BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 07/9/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa Hội trường, Ký túc xá, giảng đường Trường CĐSPTU, Trường được đầu tư sửa chữa đồng bộ ký túc xá, hội trường đa chức năng, giảng đường một cách đồng bộ cơ sở vật chất, tạo môi trường giáo dục tốt phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập giúp nâng cao chất lượng giáo dục cho Trường. năm 2022, Nhà trường đã lập báo cáo trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nhà học và làm việc đa năng trong khuôn viên Trường với quy mô 8 tầng, tổng diện tích sàn sử dụng là 4.800m<sup>2</sup>. Dự kiến thực hiện từ năm 2023 và hoàn thành vào năm 2025, diện tích phòng học sẽ tăng thêm 2000m<sup>2</sup> [H8.08.02.05].

Các phòng thực hành đã được trang bị đầy đủ trang thiết bị, học liệu như đàn Piano, đàn Organ, bảng chống lóa có khung nhạc, giá vẽ di động, giá vẽ hai mặt, giá vẽ một mặt, cùng nhiều tranh, khối hình, tượng mẫu, tranh ảnh, mẫu vật, đèn chiếu Overhead, đầu đĩa DVD, máy tính nối mạng hiện đại và thường xuyên có cán bộ, giảng viên trực để quản lí, khắc phục sự cố, hướng dẫn sử dụng trang thiết bị và có sự phối hợp giữa các đơn vị có liên quan để bố trí sử dụng hợp lí và hiệu quả [H8.08.02.06].

Trang thiết bị phục vụ dạy và học: các phòng học đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị và học liệu phục vụ học tập của HSSV như bàn ghế đạt chuẩn, máy chiếu, bảng chống lóa, rèm cản sáng, đèn, quạt, một số phòng học chất lượng cao và phòng học đặc thù có lắp điều hòa nhiệt độ. Hằng năm, Nhà trường phê duyệt kế hoạch và thực hiện việc mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị và học liệu, năm 2019 Nhà trường đã sửa chữa nhà B C H, và năm 2020 để bảo đảm cho sự ổn định hoạt động của hệ thống trang thiết bị tốt nhất Nhà trường đã thay lại toàn bộ hệ thống đường điện [H8.08.02.07]. Đến nay, Trường có 254 bộ máy tính để bàn, trong đó 108 bộ máy tính để bàn, 03 máy tính xách tay, 36 bộ máy chiếu và màn chiếu; có máy chủ phục vụ cho công tác đào tạo và tuyển sinh

[H8.08.02.08]. Phòng thực hành máy tính được trang bị đủ trang thiết bị như điều hòa nhiệt độ, bàn ghế, bảng đặt chuẩn, thường xuyên cử cán bộ bảo dưỡng máy tính, giảng viên chuyên trách phụ trách và hướng dẫn học tập để đạt hiệu quả cao trong phục vụ dạy và học.

Môi trường, cảnh quan xung quanh khu vực trường và nhà ở khu kí túc xá được Nhà trường đầu tư cải tạo, sửa chữa bảo đảm được thoáng mát, nhiều hệ thống cây xanh, cây cảnh, tạo không gian xanh, sạch, đẹp [H8.08.02.09].

Về mức độ đáp ứng, hiệu quả quản lí, sử dụng hệ thống các phòng học, giảng đường, thực hành thí nghiệm, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi thông qua trao đổi trực tiếp với SV tại các cuộc đối thoại SV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, hằng năm, giữa khóa và cuối khóa. Đồng thời đã tiến phát phiếu khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về mức độ đáp ứng phòng học, phòng thực hành, bảo đảm ánh sáng, âm thanh, độ thông thoáng

Về mức độ đáp ứng, hiệu quả quản lí, sử dụng hệ thống các phòng học, giảng đường, thực hành thí nghiệm, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi thông qua trao đổi trực tiếp với SV tại các cuộc đối thoại SV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, hằng năm, giữa khóa và cuối khóa. Đồng thời đã tiến phát phiếu khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về mức độ đáp ứng phòng học, phòng thực hành, bảo đảm ánh sáng, âm thanh, độ thông thoáng ... Kết quả điều tra về mức độ đáp ứng phòng học, phòng thực hành, bảo đảm ánh sáng, âm thanh, độ thông thoáng của Trường được thể hiện qua số liệu điều tra 5 năm theo links đánh giá trực tiếp trên google forms [H8.08.02.10].

Khóa	Mức hài lòng (%)	Mức rất hài lòng (%)
2017 - 2020	63,1%	21%
2018 - 2021	61,4%	20,1%
2019 - 2022	61,1%	20,1 %
2020 - 2023	62,4%	22%
2021-2024	62,4%	22,6%

## 2. Điểm mạnh

Có đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Trường có đủ các phòng thực hành, phòng học đặc thù; được đầu tư trang bị đầy đủ các trang thiết bị và học liệu phục vụ học tập của SV theo yêu cầu.

Trường có 3 trường MNTH trực thuộc là nơi tổ chức các hoạt động thực hành, thực tập cho HSSV.

### **3. Tồn tại**

Số lượng phòng học lớn vẫn còn ít.

### **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục trang bị nhưng thiết bị cho phù hợp với hiện đại hoá kỹ thuật số internet và lập dự án trình Bộ đề phê duyệt nâng cấp xây dựng mới cơ sở hạ tầng.

Năm 2023, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà học và làm việc đa năng trong khuôn viên Trường với quy mô 8 tầng, tổng diện tích sàn sử dụng là 4.800m<sup>2</sup>; dự kiến hoàn thành vào năm 2025. Dự án xây dựng xong, sẽ có nhiều phòng học lớn đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

**Tiêu chí 8.3. Có đủ phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.**

#### **1. Mô tả**

Trong giai đoạn vừa qua, do cơ cấu tổ chức thay đổi, có việc tách nhập các đơn vị, các phòng/khoa trong Nhà trường. Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm Ban Giám hiệu, tổ chức Đảng, đoàn thể, bao gồm: 1 phòng Hiệu trưởng, 2 phòng Phó Hiệu trưởng, 8 phòng chức năng, 5 khoa, 4 trung tâm; cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu được bố trí làm việc chủ yếu tại tòa nhà A để thuận tiện cho việc hoạt động và quản lý. Đồng thời, năm 2019 Nhà trường đã bố trí lại phòng làm việc để phù hợp với yêu cầu và sự trao đổi hợp tác giữa các đơn vị được thuận tiện hơn, có bảng tên đơn vị trước cửa phòng. Phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, phòng khách, phòng họp được bố trí hợp lý tập trung ở một tòa nhà và được trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện để làm việc. Tuy nhiên, do chuyên môn của một số đơn vị có tính chất đặc thù nên Nhà trường còn bố trí một số phòng làm việc cho một số phòng, ban, khoa, trung tâm làm việc ở các tòa nhà khác.

Năm 2019 trường đã sửa lại và nâng cấp phòng Hội thảo, năm 2021 đã sửa lại và nâng cấp phòng Họp giao ban [H8.08.03.01].

Các phòng, ban, khoa, tổ chức Đảng, đoàn thể, được bố trí từ 2 đến 4 phòng làm việc, hoạt động nghiệp vụ; trong các phòng được trang bị đầy đủ phương tiện làm việc. Lãnh đạo các đơn vị được bố trí riêng biệt để thuận tiện cho hoạt động quản lý của từng đơn vị. Tuy nhiên, để thuận tiện cho hoạt động

quản lí, sinh hoạt chuyên môn, Nhà trường đã bố trí cho một số đơn vị từ 2 đến 5 phòng làm việc ở các tòa nhà khác.

Hiện nay, Trường có 72 phòng dành cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu làm việc, với tổng diện tích 3.019m<sup>2</sup>, các phòng làm việc chủ yếu tập trung tại nhà A, khoa Giáo dục mầm non giảng đường B tiện cho việc giảng dạy, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập được bố trí tòa nhà 5 tầng khu riêng biệt phục vụ cho chuyên môn, Trung tâm bồi dưỡng kiến thức và Trung tâm Nghiên cứu thiết bị dạy học cho trẻ Mầm non & trẻ Khuyết tật được bố trí tại nhà N, khoa nghệ thuật được bố trí tại tầng 1 nhà C vì nhà C bố trí phòng học đàn tầng 2 và phòng nghệ thuật tầng 1, các phòng học được trang bị máy chiếu, màn chiếu, bàn ghế với số lượng sinh viên được 55-60 sinh viên, quạt trần và bóng đèn bố trí phù hợp đảm bảo cho việc học tập và giảng dạy, trường cũng đã kết nối internet cho tất cả các phòng học, và internet wifi cho toàn giảng đường thuận tiện việc tra cứu và học tập của sinh viên và giảng viên [H8.08.03.02]. Tổng số cán bộ giảng viên cơ hữu trong toàn trường là 264 (không tính cán bộ giáo viên của 3 trường Mầm non thực hành), tỉ lệ m<sup>2</sup>/cán bộ giảng viên là  $3019/264 = 11,44$  m<sup>2</sup>/người. Trong phòng đầy đủ trang thiết bị, phương tiện làm việc như bàn ghế, máy tính, máy in, bảng công tác, điện thoại để bàn, wifi, điều hòa nhiệt độ và các trang thiết bị khác, tạo điều kiện tốt để cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu làm việc.

Hằng năm, ngay từ đầu năm học Hiệu trưởng đều phê duyệt kế hoạch mua sắm, cải tạo cơ sở vật chất để hiện đại hóa phương tiện làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu [H8.08.03.03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định. Phòng làm việc của lãnh đạo các đơn vị hầu hết được bố trí riêng để thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành và quản lí. Phòng làm việc thường xuyên được cải tạo, sửa chữa bảo đảm thông thoáng, vệ sinh, cảnh quan để phục vụ tốt cho hoạt động của các cán bộ, giảng viên và nhân viên, được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp phục vụ tốt các hoạt động chung và hoạt động đặc thù của từng đơn vị.

## **3. Tồn tại**

Vẫn còn tình trạng một số ít phòng làm việc của Khoa, Trung tâm đan xen trong khu giảng đường học.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Trong giai đoạn 2023 - 2026, Nhà trường đã lập đề án trình Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đầu tư xây dựng Nhà đa chức năng - Trường CĐSPTU, công trình là nhà đa chức năng phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên và SV Nhà trường, chiều cao công trình: 8 tầng, cao 33,45 m.

Sau khi quy hoạch và xây dựng thêm các công trình, Trường sẽ sắp xếp lại các phòng làm việc khoa học và hợp lý hơn.

#### **5. TỰ ĐÁNH GIÁ: Đạt yêu cầu tiêu chí**

**Tiêu chí 8.4. Có phòng máy tính được nối mạng đáp ứng nhu cầu học tập của người học; có biện pháp hỗ trợ người học tiếp cận công nghệ thông tin.**

##### **1. Mô tả**

Do tình hình dịch bệnh năm 2020, 2021, để đáp ứng nhu cầu thực tiễn Nhà trường chuyển đổi hình thức đào tạo trực tiếp sang trực tuyến. Đồng thời, Trường nhận thấy cần phát triển và đầu tư cho CNTT. Chính vì thế Trường tạo điều kiện tốt nhất để phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động dạy và học. Để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo, Nhà trường đã đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp các trang thiết bị về công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu học tập của người học. Năm 2020, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công quyết định số 246/QĐ-CDSPTW ngày 26/2/2020 [H8.08.04.01].

Giai đoạn 2018 - 2023, Trường tiếp tục bổ sung trang bị máy tính nối mạng, máy in, máy photocopy cho SV học tập. Hằng năm, Nhà trường có phê duyệt kế hoạch để mua sắm bổ sung mới, sửa chữa, bảo dưỡng máy để bảo đảm hoạt động tốt, phục vụ tốt cho việc quản lý và điều hành của khoa, phòng, ban, trung tâm [H8.08.04.02]. Một số phòng như Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính có cài đặt phần mềm hỗ trợ để quản lý chuyên môn [H8.08.04.03].

Riêng máy tính và thiết bị công nghệ thông tin trực tiếp phục vụ và hỗ trợ người học tiếp cận công nghệ thông tin, Nhà trường đã trang bị thiết bị trình chiếu phục vụ giảng dạy và học tập (máy projector, màn chiếu) được lắp cố định ở các phòng học, hội trường; với tổng số 36 bộ máy projector và màn chiếu, 03 màn hình KidLoop tài trợ cho trường, 3 màn hình led trang bị 3 trường MNTH theo đề án CNTT. Các hội trường và một số phòng học đặc thù, một số khoa còn

trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, máy cassette, tivi và loa di động và mạng wifi.

Năm 2021, Nhà trường đã lắp đặt mới máy tính đồng bộ cho 1 phòng học máy tính. Đến năm 2022, Nhà trường trang bị 01 máy photocopy, 2 máy ảnh phục vụ cho công tác đào tạo. Đến tháng 12 năm 2022, Trường có 5 phòng học thực hành máy tính với 146 bộ được kết nối mạng LAN và internet phục vụ việc dạy học và thực hành bộ môn tin học cho các hệ đào tạo trong Nhà trường, có đội ngũ kỹ thuật viên chuyên trách bảo dưỡng, duy tu các thiết bị, trợ giúp về mặt kỹ thuật cho giảng viên và người học bảo đảm để các thiết bị hoạt động thường xuyên, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Ngoài ra, có 19 máy tính có kết nối internet đặt tại Trung tâm Thông tin - Thư viện đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin, phục vụ việc nghiên cứu và học tập của giảng viên và người học [H8.08.04.04].

Các phòng học thực hành máy tính được trang bị đầy đủ bàn, ghế, bảng đúng quy cách, máy điều hòa nhiệt độ, đèn chiếu projector, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập bộ môn tin học, Nhà Trường đã cử 02 đồng chí có trình độ thạc sỹ công nghệ thông tin quản lý phòng máy cho SV thực hành các môn tin học. Khi Trường tổ chức các hoạt động như: hội nghị, hội thảo, chương trình văn nghệ, những ngày lễ ... cần đến kỹ thuật luôn được hỗ trợ từ đội ngũ này [H8.08.04.05]. Hằng năm, Nhà trường có phê duyệt kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị tin học và thường xuyên sửa chữa những sai hỏng để trang thiết bị công nghệ thông tin vận hành tốt phục vụ dạy và học [H8.08.04.06].

Năm 2020, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư xây dựng phần mềm LMS, đường truyền; xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng CNTT cho sản xuất học liệu điện tử, xây dựng 03 chuyên đề bồi dưỡng giáo viên theo định dạng e-learning phục vụ bồi dưỡng giáo viên mầm non qua mạng tại Trường CĐSPTU, Trường đã lắp đặt và vận hành tốt phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tin chỉ, Để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo, Nhà trường đã lắp đặt hệ thống đường truyền internet với tốc độ Download/Upload: 400 Mbps; Băng thông quốc tế: 18,9 Mbps, phủ sóng toàn trường [H8.08.04.07].

Kết quả được thể hiện qua điều tra 4 năm: khóa 2017 - 2020, 20% SV rất hài lòng và 60,1% SV hài lòng; khóa 2018 - 2021, 21,1% SV rất hài lòng và

62,1% SV hài lòng; khóa 2019 - 2022, 20,2 % SV rất hài lòng và 65,4% SV hài lòng; khóa 2020 - 2023, 23,2% SV rất hài lòng và 63,3% SV hài lòng, có 24,5% người khuyết tật rất hài lòng và 72,3% người khuyết tật hài lòng về cơ sở vật chất của Trường [H8.08.04.08].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã trang bị cho các phòng học, hội trường và phòng học máy tính đầy đủ về thiết bị công nghệ thông tin. Hằng năm, có kế hoạch mua sắm bổ sung, sửa chữa, bảo dưỡng. Đã kết nối mạng LAN và internet đủ điều kiện để tổ chức dạy học môn tin học đạt chất lượng theo yêu cầu. Đã triển khai đồng bộ các biện pháp hỗ trợ người học tiếp cận với công nghệ thông tin tương đối có hiệu quả.

Nhà trường đã lắp đặt wifi toàn trường phục vụ cho việc truy cập internet của giảng viên và SV đáp ứng nhu cầu học tập của người học, hỗ trợ người học tiếp cận công nghệ thông tin.

## **3. Tồn tại**

Với số lượng giảng viên và sinh viên truy cập wifi internet tăng nhiều, tốc độ và băng thông của đường truyền internet đôi khi chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường bổ sung máy tính mới cho phòng học thực hành máy tính và nâng cấp tốc độ và băng thông của đường truyền internet để đáp ứng đủ nhu cầu truy cập internet học tập của người học, hỗ trợ người học tiếp cận công nghệ thông tin.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 8.5. Có kí túc xá, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho SV nội trú và có các dịch vụ phục vụ người học theo quy định.***

### **1. Mô tả**

Nhà trường có khu Kí túc xá dành cho người học, gồm 2 ngôi nhà 5 tầng được xây dựng với tổng diện tích xây dựng 5454 m<sup>2</sup> với 80 phòng, có diện tích sử dụng 48 m<sup>2</sup>/phòng, có phòng sinh hoạt chung. Phòng ở được thiết kế theo tiêu chuẩn 10 người/phòng (4,8 m<sup>2</sup>/người) bảo đảm diện tích nhà ở đúng quy định của Điều 1- Khoản 3- Mục h- Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 về quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng [H8.08.05.01].

Kí túc xá có sơ đồ phòng ở, các phòng ở đều có địa chỉ ghi rõ số phòng, số giường. Số phòng ở thực tế trong năm học 2017 - 2018 là 67 phòng với số lượng



729 người; trong năm học 2018 - 2019 là 66 phòng với số lượng 657 người; trong năm học 2019 - 2020 là 67 phòng với số lượng 708 người; trong năm 2020 - 2021 là 70 phòng với số lượng 716 người; trong năm học 2021 - 2022 là 61 phòng với số lượng 560 người [H8.08.05.02].

Phòng ở Kí túc xá có khu vệ sinh khép kín, được trang bị đủ số giường, quạt, đèn chiếu sáng. Kí túc xá bảo đảm yêu cầu sinh hoạt và học tập cho người học; bảo đảm tiêu chuẩn an toàn về cấu trúc xây dựng, có trang thiết bị phòng cháy chữa cháy đạt điều kiện tối thiểu đáp ứng tiêu chuẩn Điều 4 - Quyết định số 2137/QĐ-BGDĐT về các điều kiện của kí túc xá [H8.08.05.03].

Bộ phận quản lí kí túc xá trực thuộc phòng Công tác HSSV tiếp nhận hồ sơ HSSV vào ở kí túc xá theo đúng đối tượng được quy định tại Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú. Toàn bộ HSSV ở nội trú đều được theo dõi quản lí chặt chẽ thông qua hệ thống sổ sách quản lí, sơ đồ kí túc xá và qua thực tế kiểm tra thường xuyên của viên chức phòng Công tác HSSV và đội An ninh xung kích, đội tự quản [H8.08.05.04]. Kí túc xá của Trường có Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú; Nội quy kí túc xá để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của học sinh sinh viên nội trú [H8.08.05.05].

Phòng Công tác HSSV phân công 2 viên chức chuyên trách và 2 viên chức kiêm nhiệm phụ trách, quản lí các hoạt động của Kí túc xá [H8.08.05.06]. Việc thu nộp phí ở nội trú bảo đảm đúng quy định tài chính, thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch.

Hàng năm có báo cáo tổng hợp số lượng HSSV được vào ở Kí túc xá và tổng số tiền thu phí ở nội trú nộp về Nhà trường theo quy định [H8.08.05.07].

Biểu tổng hợp dữ liệu các tiêu chí trong kí túc xá

Các tiêu chí	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	4363m <sup>2</sup>	4363m <sup>2</sup>	4363 m <sup>2</sup>	4363 m <sup>2</sup>	4363 m <sup>2</sup>
2. Người học có nhu cầu về phòng ở KTX (tỉ lệ % đáp ứng)	100%	100%	100%	100%	100%
3. Số lượng người học được ở trong KTX (người)	729	657	708	716	560

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
4. Diện tích bình quân trên đầu người học ở KTX(m <sup>2</sup> /người)	6	6,6	6,2	6,1	7,8

Nhà trường còn hỗ trợ dịch vụ điện, nước phục vụ sinh hoạt cho học sinh SV nội trú, mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ điện phục vụ chiếu sáng: 50 KW/tháng/phòng 02 buồng và 60 KW/tháng/phòng 03 buồng.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt: 15 m<sup>3</sup>/tháng/phòng 02 buồng và 20 m<sup>3</sup>/phòng 03 buồng/tháng

Qua khảo sát, người học đánh giá Kí túc xá bảo đảm diện tích nhà ở, có các dịch vụ hỗ trợ cần thiết phục vụ người học và chất lượng các dịch vụ đạt loại khá, tốt [H8.08.05.08].

Các hoạt động dịch vụ phục vụ HSSV nội trú có hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu của HSSV, thực hiện nghiêm túc yêu cầu của Nhà trường và tình hình thực tế của Ban Quản lí [H8.08.05.09].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có khu nội trú khang trang, sạch sẽ, bảo đảm diện tích nhà ở, tiện nghi sinh hoạt và có các hoạt động dịch vụ cần thiết đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt và học tập của người học.

Nhà trường đã bố trí cán bộ chuyên trách các công việc của Ban Quản lí Kí túc xá; đội ngũ cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm đều tâm huyết, nhiệt tình, có trách nhiệm và yêu nghề, có năng lực chuyên môn vững vàng trong công tác quản lí tài chính và tổ chức các hoạt động cho HSSV nội trú..

## **3. Tồn tại**

Hệ thống phòng KTX chưa được cải tạo sửa chữa lớn.

## **4. Kế hoạch hành động**

Giai đoạn 2023 - 2027, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về đầu tư xây dựng, sửa chữa ký túc xá theo Quyết định số 2807/QĐ- BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 07/9/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Sửa chữa Hội trường, Ký túc xá, giảng đường Trường CĐSP.TU.

## **5. Đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.**

***Tiêu chí 8.6. Có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, đảm bảo diện tích khu thể dục thể thao theo quy định.***

### **1. Mô tả**

Trường hiện có tổng số 1.700m<sup>2</sup> diện tích sân bãi dùng chung và phục vụ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao [H8.08.06.01]. Diện tích khuôn viên của Nhà trường còn hạn chế, do vậy sân bãi cho các hoạt động được bố trí xen kẽ giữa các khu nhà với tổng diện tích 2.550m<sup>2</sup>; các sân bãi được trang bị hệ thống chiếu sáng, hệ thống thoát nước, vệ sinh sạch sẽ, có nhiều cây bóng mát bảo đảm cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao của Nhà trường. Ngoài ra, năm 2018 theo quyết định số 1546/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt chủ trương và uỷ quyền phê duyệt dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, quyết toán vốn đầu tư dự án mua sắm trang thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy và học tập nghiên cứu của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương với tổng mức đầu tư là 10.990.000.000 đồng trường đã trang bị điều hoà không khí cùng với hệ thống ống dẫn ga, bảo ôn, hệ thống Mixer, mirco không dây, mixer chống hú, màn hình led 298 inch, máy tính, hội trường Đa chức năng với tổng diện tích 450m<sup>2</sup>, sức chứa 350 chỗ ngồi được trang bị các thiết bị như hệ thống âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ và cử người có chuyên môn kỹ thuật quản lý, phục vụ hội trường bảo đảm phục vụ tốt cho sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, hội diễn của các đơn vị, tổ chức trong Trường; tận dụng khu vực sảnh của Hội trường Đa chức năng để phục vụ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và sinh hoạt tập thể chung, năm 2020 trường đã sửa chữa cải tạo phòng học (do hiệu xuất sử dụng phòng học ít) thành phòng múa cho bộ môn nghệ thuật [H8.08.06.01].

Hàng năm trường luôn có kế hoạch sửa chữa các trang thiết bị phòng học phòng làm việc, sân bãi [H8.08.06.04]

Trường đã khảo sát về độ hài lòng của sinh viên khóa 2020-2023 và 2022-2024 đã nhận về phản hồi tích cực của sinh viên khóa 2020-2023 có 44,63% sinh viên hài lòng và 15,77% sinh viên rất hài lòng, khóa 2022-2024 có 44,63% sinh viên hài lòng và 19,29% sinh viên rất hài lòng. Ý kiến khảo sát lấy theo đường links google form do phòng QTTB thiết kế, trong đó bao gồm các câu hỏi đo lường sự hài lòng của người học về cơ sở vật chất, sân bãi... Để bảo đảm cho

môi trường học tập và vui chơi cho SV năm 2020 - 2021, Trường đã thực hiện hợp đồng thuê sân bãi khu vực Nghĩa Tân, Cầu Giấy gần khu vực Trường để thuận tiện cho SV các khóa được luyện tập thể dục, thể thao và vui chơi giải trí. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh covid 19 năm 2020, 2021 các hoạt động đào tạo của Trường đã chuyển đổi sang hình thức đào tạo online (trực tuyến) nên việc thuê sân bãi đã tạm dừng lại. Từ năm học này, Nhà trường tiếp tục thực hiện lại việc thuê sân bãi, đáp ứng hoạt động thể dục thể thao cho SV toàn Trường.

## **2. Điểm mạnh**

Hàng năm, Nhà trường đã cải tạo, sửa chữa hệ thống sân bãi và trang thiết bị phục vụ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao.

Đầu tư kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Hội trường Đa chức năng.

Nâng cấp sửa chữa phòng học kém hiệu quả thành phòng thực hành hiệu suất sử dụng cao hơn.

## **3. Tồn tại**

Diện tích sân bãi hạn hẹp chưa đáp ứng đủ cho một số hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục khảo sát tình hình thực tế để xây dựng những phòng hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao.

Trường đã lập Báo cáo trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nhà học và làm việc đa năng trong khuôn viên Trường với quy mô 9 tầng; sau khi đưa vào sử dụng sẽ phá dỡ những tòa nhà đã hết khấu hao sử dụng ở khu vực giữa sân để mở rộng sân và đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao.

## **5. Đánh giá: Chưa đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 8.7. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường.***

### **1. Mô tả**

Năm 2018 Trường đã có công văn của huyện Mê Linh về việc xây dựng cơ sở 2 nhằm mở rộng diện tích Trường nhưng hiện tại vẫn đang trong giai đoạn lập dự án và trình phê duyệt qua các cấp.

Hiện tại, khuôn viên của Nhà trường có diện tích là 12.622,2m<sup>2</sup>, Trường đã lập hồ sơ và được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy sử dụng đất và Biên bản

hợp Ban chỉ đạo 09 thành phố Hà Nội về quy hoạch tổng thể, Tổng mặt bằng Trường CĐSPTU tỷ lệ 1/500, Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500, Giấy phép Quy hoạch. Dựa trên những căn cứ đó, Nhà trường có kế hoạch xây dựng, cải tạo các công trình trong khuôn viên của Nhà trường [H8.08.07.01].

Nhà trường đã hoàn chỉnh hồ sơ giấy tờ đất, bản vẽ quy hoạch mặt bằng. Các công trình xây dựng mới, cải tạo sửa chữa đã tuân thủ chấp hành đúng theo các quy định hiện hành của Nhà nước và thành phố Hà Nội về công tác xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình trên địa bàn thành phố [H8.08.07.02].

Căn cứ vào quy hoạch phát triển đầu tư xây dựng trung hạn, kế hoạch phát triển Nhà trường giai đoạn đến năm 2030 và các hồ sơ về quy hoạch, tổng mặt bằng, Trường đã lập kế hoạch xây dựng, cải tạo, sửa chữa cho từng năm và những năm tiếp theo; Tại Quyết định số 1536/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng nhà đa chức năng - Trường CĐSPTU, với quy mô đầu tư là 4.800 m<sup>2</sup> xây dựng, bổ sung khoảng 10 phòng làm việc, phòng học đa năng (diện tích khoảng 105m<sup>2</sup>) và 25 phòng học chuyên ngành (diện tích khoảng 65m<sup>2</sup>) với tổng mức đầu tư dự án là 60.500.000.000 đồng nhưng do dịch bệnh covid 19 đã dừng lại. Tại Quyết định số số 2807/QĐ- BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 07/9/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Sửa chữa Hội trường, Ký túc xá, giảng đường Trường CĐSPTU, Trường được đầu tư sửa chữa đồng bộ ký túc xá, hội trường đa chức năng, giảng đường một cách đồng bộ cơ sở vật chất, tạo môi trường giáo dục tốt phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập giúp nâng cao chất lượng giáo dục cho Trường. năm 2022, Nhà trường đã lập báo cáo trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nhà học và làm việc đa năng trong khuôn viên Trường với quy mô 8 tầng, tổng diện tích sàn sử dụng là 6000m<sup>2</sup>. Dự kiến thực hiện từ năm 2023 và hoàn thành vào năm 2026, diện tích phòng học sẽ tăng thêm 2000m<sup>2</sup> [H8.08.07.03].

Năm 2021, phòng chức năng đã điều tra khảo sát về mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên, viên chức, người lao động về cơ sở vật chất của Nhà trường [H8.08.07.04].

Tổng hợp chung 17 câu hỏi (tính trung bình)

Mức 1: Rất không hài lòng	Mức 2: Không hài lòng	Mức 3: Bình thường	Mức 4: Hài lòng	Mức 5: Rất hài lòng
0,4%	1,3%	16,9%	60,7%	20,7%

Theo bảng kết quả cho thấy phần lớn cán bộ, giảng viên, viên chức, người lao động trong Trường hài lòng và rất hài lòng về cơ sở vật chất, vệ sinh môi trường phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường.

## **2. Điểm mạnh**

Trong những năm qua, Nhà trường luôn chú trọng đến việc phát triển quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường và hướng tới kế hoạch phát triển Nhà trường giai đoạn đến năm 2030, có kế hoạch cụ thể hằng năm về phát triển cơ sở vật chất phù hợp với quy hoạch tổng thể của Trường.

Đảng ủy và Ban Giám hiệu luôn quan tâm, rà soát các đơn vị, tìm cách mở rộng diện tích các phòng học và phòng làm việc để phục vụ cho công tác giảng dạy và tuyển sinh theo chiều hướng phát triển tăng lên của Nhà trường.

Tích cực triển khai các giai đoạn tiếp theo trong việc xây dựng, cải tạo mở rộng diện tích Trường.

## **3. Tồn tại**

Việc khảo sát, phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên về mức độ đáp ứng cơ sở vật chất chưa được thực hiện thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong giai đoạn 2023 - 2027, Trường tiếp tục điều chỉnh kế hoạch cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện học và làm việc của cán bộ, giảng viên, HSSV: Báo cáo trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nhà học và làm việc đa năng trong khuôn viên Trường với quy mô 8 tầng với diện tích xây dựng gần 4.800m<sup>2</sup>.

Thực hiện việc điều tra khảo sát hằng năm, làm cơ sở cho việc nâng cấp, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu.

## **5. Đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 8.8. Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.***

### **1. Mô tả**

Với công tác an toàn an ninh trật tự Nhà trường luôn chú trọng và đặc biệt quan tâm. Trước giai đoạn đánh giá lần 1 là phòng Bảo vệ, hiện nay theo cơ cấu tổ chức mới phòng Bảo vệ đã được sát nhập vào phòng Quản trị - Thiết bị và được gọi là Tổ Bảo vệ trực thuộc phòng Quản trị - Thiết bị gồm 10 người, hằng

tháng tổ bảo vệ luôn có sự phân công nhiệm vụ, lịch trực để đảm bảo luôn luôn có sự theo dõi và đảm bảo an ninh toàn khu vực trường [H8.08.08.01]. Cán bộ, viên chức của Tổ có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm trong công tác bảo vệ an ninh trật tự; được trang bị đồng phục. Phòng trực có đầy đủ trang thiết bị; hệ thống cứu hỏa, phòng cháy chữa cháy gồm: 01 máy bơm cứu hỏa, 220 bình cứu hỏa MLZ4, 02 bình chữa cháy di động, 64 cuộn dây vòi cứu hỏa đặt tại các hộp cứu hỏa, có 03 bể nước phòng cháy chữa cháy, hằng năm Nhà trường vẫn phối hợp với công an địa phương về trật tự an toàn an ninh do sự giám sát trật tự của tổ bảo vệ nên trong những năm qua không có hiện tượng mất trật tự, tai nạn hay tình trạng tệ nạn xảy ra trong và ngoài trường, sự phối hợp với công an địa phương được thể hiện bằng những giấy khen, bằng khen được công an trao tặng, phòng luôn phối hợp với Công an Quận Cầu Giấy kiểm tra về Công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ [H8.08.08.02].

Năm 2019 Nhà trường đã thành lập lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của trường CĐSPTU và ban hành Nội quy Phòng cháy chữa cháy [H8.08.08.03], có bảng quy định về việc ra vào cơ quan, Nội quy phòng cháy chữa cháy, bảng hướng dẫn tiêu lệnh Phòng cháy, chữa cháy gắn trên tường sảnh cầu thang các tòa nhà. Để đảm bảo an toàn cho các thiết bị và đồ dùng trong lớp hay phòng thực hành nhà trường đã in và ban hành nội quy phòng học dán ở mỗi phòng học và trường đã ra Quyết định số 246/QĐ-CĐSPTW ngày 26 tháng 2 năm 2020 về việc quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương để áp dụng quy chế tài sản công cho các phòng ban đơn vị.

Lực lượng bảo vệ của Trường được bồi dưỡng chuyên môn định kỳ do công an địa phương tổ chức hằng năm. Nhà trường có quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ; có phân công lịch trực bảo vệ 24/24 giờ hằng ngày, Hằng năm, Nhà trường vẫn phối hợp với Công an Quận Cầu Giấy đào tạo và huấn luyện SV và cán bộ giảng viên về việc phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ [H8.08.08.04]. Tổ Bảo vệ thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Công an phường, Công an quận, Công an thành phố để làm tốt công tác bảo vệ an ninh trật tự. Đặc biệt vào các ngày lễ, ngày Tết, ngày thi tuyển sinh Nhà trường đều tăng cường lực lượng tự vệ, phân công trực lãnh đạo, sẵn sàng giải quyết mọi tình huống xảy ra.

Hằng năm, trong chương trình tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa, Nhà trường tổ chức phổ biến, tuyên truyền với SV về vấn đề an ninh trật tự, phòng tránh tai nạn, phòng cháy chữa cháy [H8.08.08.05].

Trường lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trực tiếp trên google form về việc mức độ hài lòng về công tác bảo vệ an ninh, trật tự trong Nhà trường, khóa 2020-2023 hài lòng 51,87%, rất hài lòng 18,35%, khóa 2021-2024 hài lòng 24,4% rất hài lòng 72,2%, khóa 2022-2025 hài lòng 49,66% rất hài lòng 18,35% [H8.08.08.06].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có lực lượng bảo vệ chuyên trách, được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; có quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng của Phòng Bảo vệ.

Trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy và tập huấn hằng năm về công tác phòng cháy, chữa cháy; có phương án phòng cháy chữa cháy của Trường và đã phối hợp tốt với các cơ quan an ninh địa phương làm tốt công tác bảo vệ an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy. Sau khuyến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Nhà trường năm 2017, phòng chuyên trách đã cho rà soát các thiết bị phòng cháy chữa cháy hết thời hạn hoặc quá cũ không bảo đảm an toàn và mua mới toàn bộ thiết bị bảo đảm trang bị cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của Nhà trường.

## **3. Tồn tại**

Chưa tổ chức được lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn sâu và cao hơn cho lực lượng bảo vệ để xử lý các tình huống khẩn cấp.

## **4. Kế hoạch hành động**

Đội ngũ bảo vệ an ninh tính nghiệp vụ, tiếp tục cử đội ngũ bảo vệ đi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghề nghiệp

Hằng năm, Nhà trường đều lập kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ an ninh trật tự.

## **5. Đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

### **Kết luận tiêu chuẩn 8**

Sau giai đoạn đánh giá trường chu kỳ 1, Nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh của Trường như bảo đảm tốt các điều kiện về cơ sở trang thiết bị học tập, cơ sở vật chất, thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Trường CĐSPTU bảo đảm tốt các điều kiện về cơ sở trang thiết bị học tập, cơ sở vật chất, thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa



học. Nhà trường có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phát triển đầu tư xây dựng trung hạn và hướng tới kế hoạch phát triển Nhà trường giai đoạn đến năm 2030, có kế hoạch cụ thể hằng năm về phát triển cơ sở vật chất phù hợp với quy hoạch tổng thể của Trường.

Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí thiết yếu để tham khảo và học tập đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Có đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu chương trình đào tạo.

Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng thực hành, phòng đặc thù với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu của các chương trình đào tạo. Đặc biệt, trường có 3 trường Mầm non thực hành trực thuộc Trường là nơi tổ chức các hoạt động thực hành thực tập cho HSSV. Phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu được bố trí phù hợp, thuận tiện cho công tác quản lý và chuyên môn. Trường đã hoàn thành xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa nâng cấp tầng nhà lớp học 2 tầng - Trường mầm non thực hành Hoa Sen đáp ứng được việc thực hành mầm non của SV.

Trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy và tập huấn hằng năm về công tác phòng cháy, chữa cháy; có phương án phòng cháy chữa cháy của đơn vị và đã phối hợp tốt với các cơ quan an ninh địa phương làm tốt công tác bảo vệ an ninh, trật tự.

Trong giai đoạn 2023 - 2025 sắp tới, Nhà trường triển khai các hạng mục công trình xây dựng đã được cấp phép, nhằm sắp xếp lại phòng làm việc, mở rộng các phòng học lớn. Đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, nâng cấp hệ thống Internet đáp ứng nhu cầu đào tạo của Nhà trường.

### **Tiêu chuẩn 9**

## **TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

### **Mở đầu**

Trường CĐSPTU là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, tự bảo đảm một phần kinh phí chi thường xuyên. Công tác quản lý tài chính của Trường chịu sự quản lý trực tiếp của Vụ Kế hoạch- Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường luôn chú trọng đến công tác quản lý tài chính, lập kế hoạch và sử dụng nguồn kinh phí bảo đảm tuân thủ đúng chế độ chính sách và quy định của Nhà nước. Hoạt động thu- chi và quản lý tài chính của Nhà trường vận hành

nhịp nhàng, hiệu quả cao phục vụ chiến lược phát triển của Trường. Nhất là sau giai đoạn đánh giá chu kỳ 1, Nhà trường tiếp tục rà soát các hoạt động tài chính để bảo đảm ổn định nguồn kinh phí, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp pháp khác của Nhà trường.

***Tiêu chí 9.1. Có quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện quản lý tài chính theo quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu***

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ (QCCTNB) theo đúng tinh thần của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập [H9.09.01.01]. Hằng năm, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh QCCTNB cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước mới ban hành và thực tiễn nguồn tài chính của Trường. Mặc dù nguồn thu trong những năm gần đây còn khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, nhưng một số mức chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ đã được điều chỉnh theo hướng tăng lên.

Việc điều chỉnh QCCTNB của Nhà trường được thực hiện một cách công khai và dân chủ theo trình tự như sau: Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Ban điều chỉnh QCCTNB; tổ chức họp và triển khai tới lãnh đạo tất cả các đơn vị trong Trường; các đơn vị trong Trường tiếp tục triển khai tới viên chức, người lao động trong đơn vị của mình để lấy ý kiến; từng đơn vị tổng hợp ý kiến gửi Ban điều chỉnh QCCTNB; Thư kí của Ban điều chỉnh QCCTNB sẽ tổng hợp ý kiến của các đơn vị; Ban điều chỉnh tiến hành họp lần hai để xem xét đề xuất của các đơn vị; Thư ký tổng hợp nội dung điều chỉnh gửi Bản dự thảo tới các đơn vị tiếp tục xin ý kiến. Quá trình này sẽ lặp lại nếu còn ý kiến trái chiều và chỉ dừng lại khi tất cả các đơn vị trong trường đều thống nhất với các nội dung được chỉnh sửa. Khi đó Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định ban hành QCCTNB mới. [H9.09.01.02]

Về quản lý tài chính, Nhà trường thực hiện quản lý theo đúng quy định của Nhà nước. Các mẫu biểu, báo cáo đều được làm theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Các định mức thu, chi cũng được xây dựng dựa trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Đặc biệt từ năm 2018, Nhà trường đã chỉ đạo các khoa xây dựng kế hoạch chuyên môn, phân công giảng dạy đảm bảo về cơ bản không để giảng viên dạy vượt trên 300 tiết/người/năm học [H9.09.01.03]

Nhà trường hiện đang sử dụng phần mềm kế toán của Công ty điện, điện tử tin học EIE. Đây là phần mềm có bản quyền, được nhiều trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc tin tưởng sử dụng. Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp Nhà trường quản lý tài chính được thuận tiện, hiệu quả hơn. Nhà trường thường xuyên yêu cầu bên cung cấp phần mềm chỉnh sửa phần mềm cho phù hợp với QCCTNB của Nhà trường cũng như chỉnh sửa các mẫu biểu báo cáo theo các quy định mới của Nhà nước[H9.09.01.04].

Nhà trường luôn khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và quan tâm đến chế độ của các em sinh viên nên các năm qua đã trích lập quỹ học bổng và quỹ khoa học công nghệ, cụ thể như sau:

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
		Mức trích	Tỷ lệ đạt theo quy định	Mức trích	Tỷ lệ đạt theo quy định	Mức trích	Tỷ lệ đạt theo quy định	Mức trích	Tỷ lệ đạt theo quy định	Mức trích	Tỷ lệ đạt theo quy định
1	Quỹ học bổng	0	0	1.600	7,96%	1.600	7,67%	1.600	8%	2.000	9,1%
2	Quỹ khoa học công nghệ	0	0	500	3.16%	500	3,28%	500	2,46%	500	2.44%

Theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ năm 2022 Nhà trường đã ban hành Quy định quản lý đối với 3 trường Mầm non thực hành, thực nghiệm trong đó có cơ chế quản lý tài chính đối với các đơn vị này [H9.09.01.05].

Việc mở Sổ kế toán, ghi chép số liệu, bảo quản lưu trữ chứng từ kế toán, lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, công tác quản lý và sử dụng tài sản được thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước và được thể hiện trong Báo cáo Tài chính các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022 [H9.09.01.06] và thông báo xét duyệt quyết toán Ngân sách nhà nước các năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H9.09.01.07].

Năm 2020 và 2021, Trường tiếp đoàn cán bộ của Kiểm toán Nhà nước đến làm việc. Theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Nhà trường đã thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định về chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu [H9.09.01.08].

Nhà trường cũng đã ban hành tập văn bản quy định về Quy trình thanh toán nội bộ, nhằm hướng dẫn các đơn vị trong và ngoài Trường thực hiện việc thanh, quyết toán [H9.09.01.09].

Theo ý kiến phản hồi của cán bộ giảng viên, 100% cán bộ được khảo sát đều đánh giá: được tham gia vào việc điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ, việc quản lý thu chi của nhà trường đúng quy định hiện hành của Nhà nước. [H9.09.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường được xây dựng công khai dân chủ và được chỉnh sửa hằng năm giúp việc chi tiêu tiết kiệm và hiệu quả, phù hợp với tình hình tài chính của Nhà trường trong từng giai đoạn; cán bộ giảng viên trong và ngoài trường thực hiện thu, chi một cách thuận lợi.

## 3. Tồn tại

Trường đã quan tâm trích lập quỹ học bổng, quỹ khoa học công nghệ tuy nhiên việc trích lập quỹ khoa học công nghệ chưa đạt đủ theo yêu cầu.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Phòng Kế hoạch - Tài chính tiếp tục là đầu mối rà soát, tư vấn cho Nhà trường gia tăng các nguồn thu hợp pháp, làm cơ sở để điều chỉnh các định mức chi cho các hoạt động được phù hợp hơn.

Quan tâm bổ sung quỹ khoa học công nghệ theo đúng tỷ lệ quy định.

## 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

**Tiêu chí 9.2. Có các nguồn tài chính ổn định, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp pháp khác của nhà trường.**

### 1. Mô tả

Nguồn tài chính của Nhà trường được thể hiện qua bảng sau:

Stt	Năm	Tổng số	Phân chia		
			Ngân sách Nhà nước cấp	Học phí	Các khoản thu sự nghiệp khác
1	2018	110.109.463.298	77.429.000.000	2.718.243.610	29.962.219.688

Stt	Năm	Tổng số	Phân chia		
			Ngân sách Nhà nước cấp	Học phí	Các khoản thu sự nghiệp khác
2	2019	73.817.824.488	58.011.000.000	1.589.000.000	14.217.824.488
3	2020	96.237.136.126	81.008.000.000	979.000.000	14.250.136.126
4	2021	114.962.901.243	94.702.000.000	1.291.000.000	18.969.901.243
5	2022	120.029.181.489	101.580.000.000	2.998.000.000	15.451.181.489
	<b>Cộng</b>	<b>515.156.506.644</b>	<b>412.730.000.000</b>	<b>9.575.243.610</b>	<b>92.851.263.034</b>

Với số kinh phí Ngân sách nhà nước cấp, cùng với nguồn thu học phí, thu sự nghiệp khác, Nhà trường đã sử dụng tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường. Điều này thể hiện ở số chênh lệch thu- chi trên Bảng cân đối tài khoản của nhà Trường trong các năm gần đây.

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Số chênh lệch thu - chi	28.621	13.916	10.612	7.872	8.066

Để có được nguồn tài chính ổn định như trên, trong những năm qua nhà Trường đã rất thành công trong việc tuyển sinh các ngành ngoài sư phạm và liên thông, đã mở được nhiều lớp tại trường và ở các địa phương. Đồng thời, để tăng tính tự chủ, giảm dần sự hỗ trợ của Ngân sách Nhà nước, Nhà trường đã đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động dịch vụ nhằm gia tăng nguồn thu. Ví dụ nguồn thu của Trung tâm đào tạo bồi dưỡng kiến thức [H9.09.02.01], của các đề án cho thuê tài sản công đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H9.09.02.02], nguồn thu ký túc xá [H9.09.02.03].

Nguồn thu của Trung tâm đào tạo bồi dưỡng kiến thức, đề án cho thuê tài sản công, kí túc xá giai đoạn 2018 - 2022 được thể hiện qua bảng sau:

STT	Năm	Nguồn thu của TT Đào tạo bồi dưỡng kiến thức	Nguồn thu theo đề án cho thuê tài sản công	Nguồn thu ký túc xá
1	2018	756.822.125	638.000.000	1.273.419.000
2	2019	3.577.397.582	449.080.000	1.312.164.000
3	2020	2.547.525.000	482.500.000	1.028.155.000

STT	Năm	Nguồn thu của TT Đào tạo bồi dưỡng kiến thức	Nguồn thu theo đề án cho thuê tài sản công	Nguồn thu ký túc xá
4	2021	7.623.236.360	768.800.000	914.595.000
5	2022	4.882.477.000	1.058.200.000	1.211.439.000

Trên cơ sở nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước và nguồn thu sự nghiệp của Trường, Nhà trường có kế hoạch phân bổ kinh phí và sử dụng hợp lý nguồn tài chính nên đã đáp ứng tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác của Trường. Cụ thể năm 2021, với tổng kinh phí thu được là 114.962.901.243 đồng, Nhà trường đã chi 27.690.988.366 đồng (bằng 24% tổng thu) phục vụ hoạt động đào tạo; chi 13.867.623.100 đồng (bằng 12% tổng thu) cho hoạt động biên soạn tài liệu, giáo trình, gói thầu số hóa 10 modul học liệu điện tử, gói thầu hoàn thiện hệ thống phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non và cán bộ quản lý giáo dục mầm non; chi 100.000.000 đồng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp và chi 186.670.000 đồng từ nguồn thu hợp pháp của Trường (bằng 0,25% tổng thu) cho hoạt động nghiên cứu khoa học; chi 17.300.549.790 đồng (bằng 15% tổng thu) để trích lập quỹ cơ quan; chi 55.327.840.201 đồng (bằng 48% tổng thu) để chi lương và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ giảng viên toàn trường.

Trong năm 2020, 2021 và đầu năm 2022 nguồn thu của Nhà trường bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid 19, tuy nhiên nhà Trường vẫn quan tâm trích lập các loại quỹ cơ quan bảo đảm theo quy định [H9.09.02.04].

Kết quả khảo sát lấy ý kiến của Nhà trường đối với các bộ phận liên quan về vấn đề này rất tích cực. Theo đó, 95% ý kiến phản hồi cho rằng nhà Trường có nguồn kinh phí ổn định, đã đáp ứng được nhu cầu của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động khác của nhà Trường. [H9.09.02.05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có nguồn tài chính ổn định, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp pháp khác của Trường.

Đặc biệt, trong giai đoạn nguồn thu của Nhà trường bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid 19, Nhà trường vẫn bảo đảm nguồn kinh phí để chi tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi thu nhập tăng thêm từ các nguồn thu hợp pháp của

trường, bảo đảm các hoạt động của Nhà trường diễn ra bình thường, cán bộ giáo viên có thu nhập ổn định và yên tâm công tác.

### **3. Tồn tại**

Nguồn kinh phí chi thường xuyên và các hoạt động phục vụ đào tạo của Nhà trường chủ yếu phụ thuộc vào nguồn kinh phí cấp bù sư phạm. Tuy nhiên, mức cấp bù sư phạm theo quy định thấp, do vậy đã phần nào ảnh hưởng đến nguồn kinh phí hoạt động của Trường.

### **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường đẩy mạnh công tác tuyển sinh, mở rộng nhiều hình thức bồi dưỡng, đào tạo theo chức năng nhiệm vụ, giữ ổn định số lượng HSSV, học viên... góp phần duy trì ổn định và gia tăng nguồn thu.

Tiếp tục đề xuất tăng mức học phí theo quy định.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 9.3. Thực hiện công khai tài chính để giảng viên, cán bộ công chức, nhân viên biết tham gia kiểm tra, giám sát***

#### **1. Mô tả**

Hằng năm, ngay khi nhận được Quyết định giao dự toán Ngân sách Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao, Phòng Kế hoạch- Tài chính công khai các nguồn kinh phí được cấp trong cuộc họp giao ban gần nhất, dán niêm yết công khai tại Phòng Kế hoạch-Tài chính và tiến hành phân bổ kinh phí theo từng quý gửi Kho bạc Nhà nước để hoạt động [H9.09.03.01].

Tại Hội nghị viên chức người lao động, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính báo cáo công khai tình hình thu- chi trong năm chi tiết theo từng nguồn kinh phí, đồng thời công khai các ý kiến, kiến nghị của cán bộ Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm tra xét duyệt quyết toán tới toàn thể viên chức, người lao động [H9.09.03.02].

Nhà trường thành lập tổ tự kiểm tra tài chính theo quy định của Nhà nước. [H9.09.03.03]. Tổ tự kiểm tra tài chính gồm đại diện của các đơn vị, tổ chức trong Trường như: phòng Tổ chức - Hành chính, Công đoàn Trường, Thanh tra nhân dân, Đảng ủy Trường... để tiến hành kiểm tra việc thanh toán có đúng định mức quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và chi tiêu có tiết kiệm và hiệu quả hay không. Kết quả của hoạt động tự kiểm tra tài chính được báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời công khai tới toàn thể cán bộ chủ chốt trong cuộc họp giao ban gần nhất và dán công khai trên bảng tin của Nhà trường [H9.09.03.04].

Những kiến nghị của tổ tự kiểm tra tài chính đều được Nhà trường tiếp thu và điều chỉnh. Ví dụ kiến nghị về mức thu tiền trông xe tại trường còn quá thấp, một số nội dung chi còn chậm, các khoản tạm ứng kéo dài,...(theo Kết luận số 173/KL-CĐSPTW ngày 03/6/2020 của Tổ tự kiểm tra tài chính).

Kết quả khảo sát của Nhà trường đối với cán bộ giảng viên ở một số đơn vị về việc thực hiện công khai tài chính, tham gia giám sát hoạt động tài chính cho kết quả 90% hài lòng [H9.09.03.05].

Đối với đơn vị trực thuộc là các trường Mầm non thực hành, thực nghiệm, hằng năm Nhà trường thành lập tổ công tác kiểm tra xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước. Kết quả kiểm tra được báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai tới toàn thể cán bộ giáo viên tại các trường Mầm non [H9.09.03.06].

Hằng năm, Nhà trường nghiêm túc thực hiện báo cáo 3 công khai theo công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Báo cáo 3 công khai được đăng lên trang thông tin điện tử của Trường [H9.09.03.07].

Năm 2020 và 2021, Nhà trường tiếp các đoàn Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán hoạt động tài chính. Kết quả của các Báo cáo kiểm toán đã được công khai trong cuộc họp Giao ban và Hội nghị cán bộ viên chức của Trường

### **Điểm mạnh**

Nhà trường đã công khai công tác tài chính thông qua rất nhiều hình thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công chức được biết, được kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính trong Nhà trường.

Nhà trường đã làm một số khảo sát phản hồi về việc công khai tài chính, việc tham gia giám sát hoạt động tài chính của viên chức người lao động đã cho kết quả tích cực.

### **3. Tồn tại**

Việc lấy ý kiến của viên chức, người lao động về công tác giám sát quản lý tài chính chưa triển khai thường xuyên.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2023, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của viên chức, người lao động về công tác giám sát quản lý tài chính một cách thường xuyên.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

#### **Kết luận tiêu chuẩn 9**

Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực tài chính, Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng nguyên tắc và quy



định của Nhà nước, bảo đảm tính khoa học và tính khả thi, được điều chỉnh và bổ sung hàng năm để phù hợp với thực tiễn.

Các nguồn lực tài chính của Nhà trường tương đối ổn định và đã đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như tăng cường cơ sở vật chất, chống xuống cấp của Nhà trường.

Công tác quản lí và điều hành hoạt động tài chính của Nhà trường được thực hiện nghiêm túc theo chế độ tài chính - kế toán hiện hành. Nhà trường có kế hoạch, chiến lược phát triển nguồn tài chính theo hướng gia tăng nguồn thu.

Nhà trường luôn công khai tài chính tới cán bộ giảng viên để cùng tham gia kiểm tra giám sát, bảo đảm tính dân chủ, minh bạch.

### **Tiêu chuẩn 10**

## **QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

### **Mở đầu**

Nhà trường là xã hội thu nhỏ, nơi mà người học không chỉ nghiên cứu, học tập chuyên môn mà còn là nơi để tu dưỡng, rèn luyện, hoàn thiện bản thân, trở thành những công dân có ích cho cộng đồng và xã hội. Vì vậy, việc phối hợp, mở rộng các mối quan hệ giữa Nhà trường và xã hội là rất quan trọng. Về vấn đề này, Trường CĐSPTU đã và đang rất nỗ lực, tích cực để tạo môi trường tốt nhất cho sinh viên học tập, rèn luyện, phát triển bản thân vì ngày mai lập nghiệp...

***Tiêu chí 10.1. Thiết lập được các mối quan hệ giữa nhà trường với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao thông tin đại chúng ở địa phương.***

#### **1. Mô tả**

Trường đóng trên địa bàn phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy. Từ nhiều năm qua đến nay, Trường luôn có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với Nhà văn hóa phường Nghĩa Tân, Nhà văn hóa quận Cầu Giấy trong việc tổ chức cho người học tham gia các hoạt động như: Giải chạy báo Việt dã; Lễ ra quân đầu năm và hỗ trợ các hoạt động văn hóa văn nghệ trong những ngày Lễ hoặc những sự kiện đặc biệt khác... [H10.10.01.01].

Nhà trường cũng đã phối hợp tốt với các tiểu ban văn hóa của Thành Đoàn Hà Nội, Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội, Trung ương Đoàn, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam, các trường đại học, cao đẳng trong khu vực quận Cầu Giấy và thành phố Hà Nội tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; tạo môi trường tích cực để người học được tham gia nhiều hoạt động, làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần cho học sinh, sinh viên. Đồng

thời, là điều kiện thiết thực để người học tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, phát triển bản thân [H10.10.01.02]. Từ những hoạt động này, nhiều sinh viên của Trường đã nhận được danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”, giấy khen, bằng khen của Thành Đoàn Hà Nội, Hội sinh viên Thành phố Hà Nội, Trung ương Đoàn, Trung ương Hội sinh viên Việt Nam,... [H10.10.01.03].

Đặc biệt, năm 2018, Nhà trường đã ký kết biên bản thỏa thuận, hợp tác với Câu lạc bộ học tập đạo đức văn hóa truyền thống thuộc Trung tâm học tập đạo đức văn hóa truyền thống Unesco và Hệ thống giáo dục Khai Minh Đức (đây là một trong những Hệ thống giáo dục tiêu biểu nhất trên toàn quốc triển khai mô hình đạo đức văn hóa truyền thống trong hoạt động giáo dục), tạo cơ hội cho người học được tham gia các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ; đại hội thể dục thể thao; tham dự các chương trình Lễ Tri ân cha mẹ, vợ chồng; cuộc thi viết về công ơn cha mẹ; các buổi chia sẻ về đạo đức, văn hóa truyền thống. Qua đó, giúp người học hiểu biết sâu sắc hơn về các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; bồi đắp niềm tự hào và tình yêu quê hương, đất nước [H10.10.01.03].

Năm 2019, Nhà trường đã thành lập Câu lạc bộ học tập đạo đức, văn hóa truyền thống; thu hút được nhiều sinh viên đăng ký tham gia học tập theo hình thức trực tiếp và trực tuyến. Hoạt động này thật sự có ý nghĩa và lan tỏa tích cực tới người học về những giá trị của đạo đức, văn hóa và những bài học làm người [H10.10.01.04].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động phối hợp với các cơ sở văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao ở địa phương đã thu hút nhiều người học tham gia; tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích để người học có cơ hội tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sống mỗi ngày tốt hơn, đóng góp được cho cộng đồng, xã hội.

## **3. Tồn tại**

Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các cơ sở văn hóa về chất lượng tổ chức các hoạt động.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2022 - 2023, tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các cơ sở văn hóa về chất lượng tổ chức các hoạt động.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

***Tiêu chí 10.2. Thiết lập mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương để thực hiện các hoạt động văn hoá - xã hội.***

### **1. Mô tả**

Trường đã ký kết biên bản ghi nhớ, hợp tác với Ủy ban nhân dân Phường Nghĩa Tân để phối hợp tổ chức nhiều hoạt động phong trào văn hóa xã hội, tạo cơ hội và môi trường cho người học tham gia những hoạt động lành mạnh, thiết thực, bổ ích. Trong biên bản ghi nhớ cũng nêu rõ lý do, mục đích, nội dung hợp tác với UBND Phường để tổ chức cho người học được tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do UBND Phường tổ chức nhân dịp các ngày Lễ hoặc các sự kiện quan trọng; đồng thời tạo cơ hội cho người học được tham gia các hoạt động tình nguyện, phục vụ cộng đồng [H10.10.02.01].

Trường cũng luôn có sự gắn kết chặt chẽ với công an phường Nghĩa Tân, đội An ninh quận Cầu Giấy trong việc tuyên truyền, vận động người học làm thẻ căn cước công dân, mã định danh công dân theo yêu cầu của cơ quan công an [H10.10.02.02]. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 suốt ba năm (từ 2019-2022), Trường luôn phối hợp chặt chẽ với công an Phường, Quận để tổ chức tuyên truyền, quán triệt người học về ý thức chấp hành các quy định về phòng, chống dịch Covid-19; cung cấp kết quả khảo sát người học bị nhiễm Covid-19; hỗ trợ tặng quà người học gặp khó khăn khi bị nhiễm Covid-19... [H10.10.02.03]

Mặt khác, Nhà trường cũng phối hợp chặt chẽ với công an thành phố Hà Nội, An Ninh Quận và Phường để nắm bắt kịp thời các thông tin về công tác an ninh trật tự, tình hình diễn biến tư tưởng, các hình thức tụ tập, biểu tình của học sinh sinh viên... để tuyên truyền và kịp thời ngăn chặn. Nhiều năm qua, Trường thường xuyên được nhận giấy khen của Công an Thanh phố và công an Quận về công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học và công tác phòng cháy chữa cháy... [H10.10.02.04].

Nhà trường kết nghĩa với các đơn vị nằm ngoài địa bàn Trường như: Chi đoàn Đồn biên phòng cửa khẩu Quốc tế Lào Cai, Tiểu đoàn cảnh sát Cơ động K20, Tiểu đoàn cảnh sát bảo vệ và vận chuyển hàng đặc biệt, Trung đoàn cảnh sát cơ động Bộ Tư lệnh cảnh vệ để tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động thiện nguyện và các hoạt động xã hội khác, tạo điều kiện cho người học nâng cao nhận thức và trải nghiệm thực tế. Các hoạt động của Nhà trường được các chính quyền địa phương ghi nhận và đánh giá

cao. Đặc biệt là đối với các hoạt động thiện nguyện tại địa phương (tặng quà, tu sửa và vẽ trang trí trường mầm non) được chính quyền địa phương đánh giá cao và mong muốn Nhà trường sẽ tiếp tục tổ chức được nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa hơn nữa [H10.10.02.05].

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cũng phối hợp chặt chẽ với Viện Huyết học và Truyền máu Trung ương để tổ chức cho người học hiến máu hằng năm (mỗi năm 2 lần); tạo cơ hội cho người học được đóng góp một phần nhỏ bé những giọt máu hồng tình nghĩa, yêu thương, chia sẻ với các bệnh nhân... [H10.10.02.06].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với chính quyền, địa phương; tạo cơ hội cho nhiều người học được tham gia các hoạt động phong trào văn hóa xã hội.

## **3. Tồn tại**

Việc phỏng vấn cán bộ, giảng viên, HSSV trong Trường và lấy ý kiến của các cơ quan ở địa phương về một số hoạt động văn hóa xã hội giữa Nhà trường với chính quyền địa phương chưa được thực hiện thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2023, tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương về hình thức tổ chức và chất lượng các hoạt động văn hóa xã hội.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí**

### **Kết luận tiêu chuẩn 10**

Nhà trường luôn duy trì mối quan hệ, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, địa phương, các cơ sở văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao; đã phát huy các hoạt động đoàn thể, hoạt động phong trào văn hóa xã hội cho người học; tạo cơ hội và môi trường tích cực, thuận lợi để người học thực hành, trải nghiệm bản thân; nhận thức được vai trò, ý nghĩa khi tham gia các hoạt động văn hóa xã hội, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

## PHẦN IV: KẾT LUẬN

Sau khi hoàn thành việc tự đánh giá Trường chu kì 1 giai đoạn 2012 - 2017 và được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (tháng 9/2017), Trường CDSPTU đã triển khai các hoạt động nhằm nâng cao hoạt động bảo đảm chất lượng trong Nhà trường, đồng thời tập trung phát huy những điểm mạnh cũng như khắc phục những điểm cần cải tiến theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài. Công tác tự đánh giá và bảo đảm chất lượng giáo dục được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục và đạt được một số kết quả nhất định.

Sau khi kết thúc chu kì 1, để chuẩn bị tốt cho việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kì 2 (giai đoạn 2017 - 2022), Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ. Hoạt động tự đánh giá của Trường đã tập hợp được tất cả các đơn vị, các cán bộ, viên chức, người lao động trong Nhà trường cùng tham gia và đóng góp ý kiến từ cấp lãnh đạo, quản lý đến đội ngũ giảng viên, chuyên viên, nhân viên phục vụ, học sinh, sinh viên, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, các đối tác của Trường. Quá trình tự đánh giá thực hiện đúng theo hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT, Nhà trường tự đánh giá các nội dung, hoạt động theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng với 10 tiêu chuẩn và 55 tiêu chí. Mỗi tiêu chí đều được báo cáo thành 05 phần: mô tả, điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch hành động và mức độ tự đánh giá. Thông qua quá trình tự đánh giá, Nhà trường đã đánh giá được hiện trạng của Nhà trường về tất cả các mặt: Cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, công tác tài chính, các vấn đề liên quan đến người học, quan hệ giữa Nhà trường và xã hội,... từ đó xác định được những điểm mạnh, những tồn tại và đề ra được những kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục những tồn tại cũng như rút ra được bài học kinh nghiệm trong công tác điều hành và tổ chức quản lý Nhà trường. Đồng thời đây cũng là một dịp để cán bộ viên chức và sinh viên nhận thức rõ hơn về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục, góp phần để Nhà trường từng bước thực hiện được mục tiêu, sứ mạng và hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra của mình.

Trong giai đoạn 2023 - 2028, sau quá trình kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2. Nhà trường tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục trên cơ sở phát huy những điểm mạnh đã có và điều chỉnh những mặt

còn tồn tại trong các hoạt động đào tạo. Đồng thời, Nhà trường sẽ tập trung nguồn lực để thực hiện tốt các kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm khắc phục, điều chỉnh những tồn tại đã được đưa ra trong báo cáo tự đánh giá. Xác định các mốc thời gian phù hợp để chọn lĩnh vực cần cải tiến theo từng năm học để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, dần từng bước cải tiến chất lượng các hoạt động hình thành văn hóa chất lượng trong Nhà trường. /.

*Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: CM1
Tên trường: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương
Khối ngành:
Ngày tự đánh giá: 02/2023



**Các mức đánh giá:** Đ: Đạt                      C: Chưa đạt                      KĐG: Không đánh giá

<b>Tiêu chuẩn 1: Sức mạng và mục tiêu</b>			
1.1	Đ		
1.2	Đ		
<b>Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý</b>			
2.1		C	
2.2	Đ		
2.3	Đ		
2.4	Đ		
2.5	Đ		
2.6	Đ		
2.7	Đ		
2.8	Đ		
2.9	Đ		
<b>Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo</b>			
3.1	Đ		
3.2	Đ		
3.3	Đ		
3.4	Đ		
3.5	Đ		
3.6	Đ		
<b>Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo</b>			
4.1	Đ		
4.2	Đ		
4.3	Đ		
4.4	Đ		
4.5	Đ		
4.6	Đ		
4.7	Đ		
4.8	Đ		
4.9	Đ		
<b>Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên</b>			
5.1	Đ		
5.2	Đ		
5.3	Đ		
5.4	Đ		
5.5		C	

<b>Tiêu chuẩn 6: Người học</b>			
6.1	Đ		
6.2	Đ		
6.3	Đ		
6.4	Đ		
<b>Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ</b>			
7.1	Đ		
7.2	Đ		
7.3	Đ		
7.4	Đ		
7.5	Đ		
<b>Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác</b>			
8.1	Đ		
8.2	Đ		
8.3	Đ		
8.4	Đ		
8.5	Đ		
8.6		C	
8.7	Đ		
8.8	Đ		
<b>Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính</b>			
9.1	Đ		
9.2	Đ		
9.3	Đ		
<b>Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa Nhà trường và xã hội</b>			
10.1	Đ		
10.2	Đ		

### **Tổng hợp**

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10
- Số tiêu chí đạt: 52 (94,5%)
- Số tiêu chí chưa đạt: 03 (5,5%)
- Số tiêu chí không đánh giá: 0 (0%)

**PHẦN V: PHỤ LỤC****CƠ SỞ DỮ LIỆU****KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*(Thời điểm cập nhật báo cáo: tính đến ngày 10 tháng 03 năm 2023)*

**I. Thông tin chung của Nhà trường**

1. Tên trường:

- Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

- Tiếng Anh: The National College for Education

2. Tên viết tắt của trường:

- Tiếng Việt: CDSPTU

- Tiếng Anh: NCE

3. Tên trước đây: Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I

4. Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 387 - Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy- Hà Nội

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 043.5764230 Fax: 043.7914850 - E-mail: cdsptw@gmail.com

7. Năm thành lập trường:

Ngày 25 tháng 8 năm 1988 (theo Quyết định số 93/HĐBT, ngày 25 tháng 8 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Ngày 26 tháng 1 năm 2006 theo Quyết định số 509/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: tháng 9 năm 1988.

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: tháng 9 năm 1991

10. Loại hình trường đào tạo: Công lập

**II. Giới thiệu khái quát về Nhà trường**

11. Khái quát về lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Trường

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương được thành lập theo theo Quyết định số 93/HĐBT, ngày 25 tháng 8 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Đến ngày 26/1/2006 theo Quyết định số 509/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Trường có chức năng và nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non, đào



tạo cử nhân các ngành giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu khoa học. Trường hiện có 05 khoa, 08 phòng, 04 trung tâm, 03 trường mầm non thực hành với tổng số 469 cán bộ viên chức; trong đó có 158 giảng viên (Tiến sĩ: 20; Thạc sĩ: 134, Đại học: 04).

### **Sứ mạng của Trường:**

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học.

### **Tầm nhìn và mục tiêu**

Phấn đấu đến năm 2030, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực ngành Giáo dục mầm non và các ngành thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp có uy tín, chất lượng theo tiêu chuẩn của các nước trong khu vực. Đến năm 2035 trở thành cơ sở giáo dục Đại học.

Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

*(Theo QĐ số 480 ngày 27/8/2021)*

### **Các hoạt động của Nhà trường:**

#### **a. Hoạt động đào tạo:**

- Cao đẳng chính quy: 11 ngành
- Cao đẳng liên thông: 4 ngành

#### **b. Nghiên cứu khoa học:**

Cùng với công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ được Nhà trường thường xuyên quan tâm. Từ 2018 đến 2022 cán bộ giảng viên của Nhà trường đã và đang thực hiện 57 đề tài NCKH các cấp; 23 tài liệu tham khảo; 06 giáo trình; 27 băng hình; 05 sách dịch từ tiếng nước ngoài phục vụ cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, trong đó đã xuất bản 39 đầu sách. Trường đã tổ chức thành công 27 hội thảo cấp Khoa, 02 hội thảo cấp trường; 06 hội thảo quốc gia, 01 hội thảo quốc tế; 07 bài báo đăng tạp chí quốc tế, 71 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. 100 bài báo khoa học đăng trên Tạp san Thông tin Khoa học Giáo dục.

#### **Hợp tác quốc tế:**

Thông qua chương trình hợp tác quốc tế từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã đón gần 100 chuyên gia, giảng viên, sinh viên Đan Mạch, Singapore, Hàn quốc, Đức, Ba Lan, Úc, Áo, Mỹ, Lào, Ireland, Bỉ, Nga đến trao đổi chuyên môn, thực tập sư phạm.

Từ năm 2017 đến 2022, Nhà trường đã có 16 đợt công tác của cán bộ, giảng viên đi tham quan học tập kinh nghiệm giáo dục tại Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Bỉ, Áo, Đài Loan, Singapore, Indonesia....Trung bình mỗi năm đón từ 07 đến 10 đoàn chuyên gia quốc tế vào làm việc với Trường.

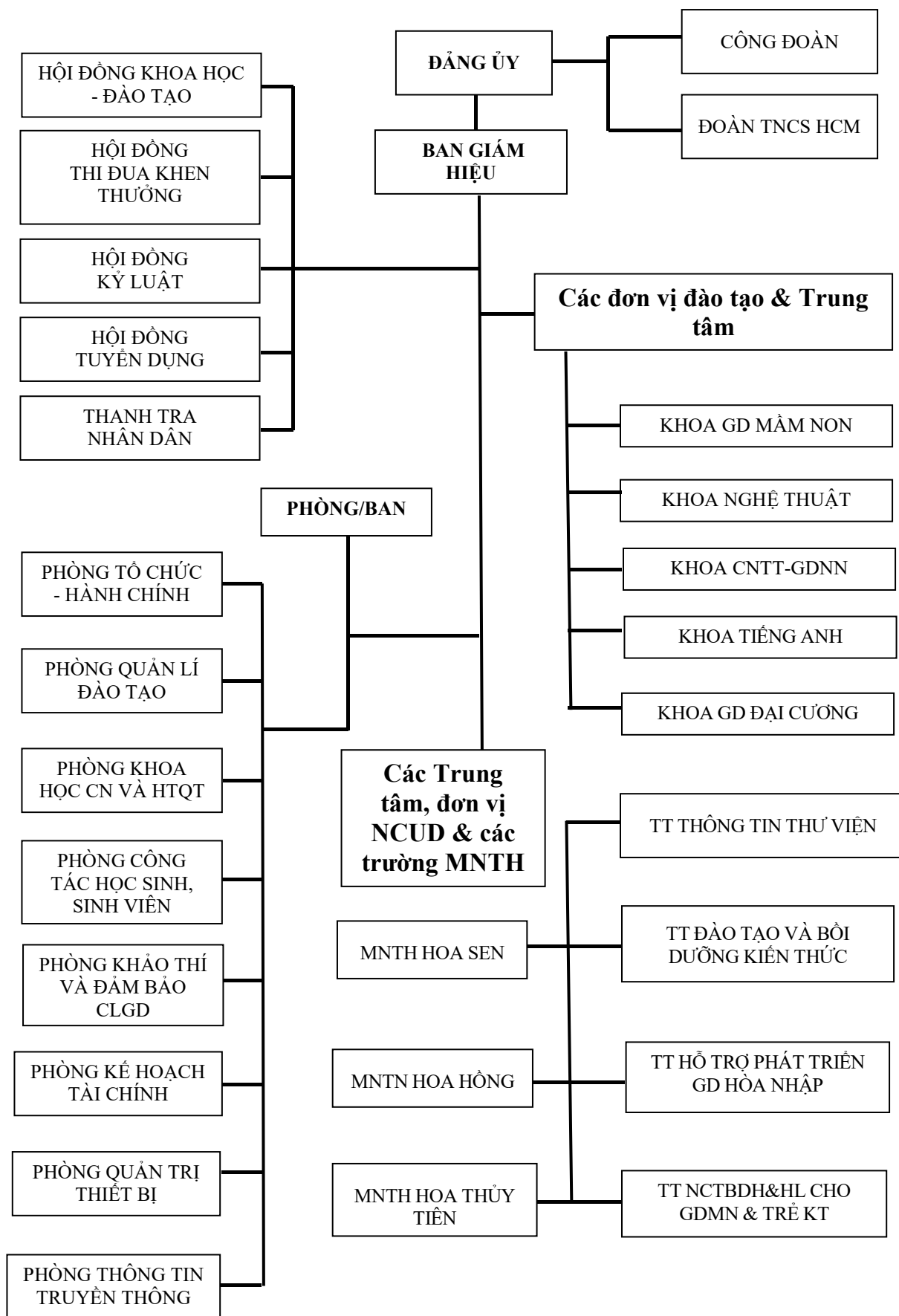
Từ năm 2017 đến năm 2022 có 48 sinh viên Đan Mạch sang thực tập sư phạm và 05 sinh viên của khoa Giáo dục Mầm non, Giáo dục Đặc biệt, Khoa tiếng Anh đã được trao học bổng đi bồi dưỡng học tập ở các trường Đại học của Đan Mạch

Năm 2018, Nhà trường đào tạo, bồi dưỡng 17 cán bộ, giáo viên Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về Phương pháp giáo dục Montessori.

### ***c. Các thành tích và những phần thưởng Nhà trường đạt được***

Trường đã được nhận 02 bằng khen, giấy khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 01 bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam; 05 bằng khen của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. , 01 Giấy khen của Đảng ủy khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội.

12. Cấu trúc tổ chức hành chính của Trường được mô tả theo sơ đồ sau:



## 13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

STT	Các bộ phận/Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Ban Giám hiệu</b>					
1	Trần Đình Tuấn	1965	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0986481965	trandinhluan@cdsptw.edu.vn
2	Trịnh Thị Xim	1970	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	0904458674	ximtt@cdsptw.edu.vn
3	Nguyễn Thị Thanh	1976	TS, Phó Hiệu trưởng	0438355491	thanhnt76@cdsptw.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Hội sinh viên:				
<b>1</b>	<b>Đảng ủy</b>				
1.1	Trần Đình Tuấn	1965	Bí thư Đảng ủy	0986481965	trandinhluan@cdsptw.edu.vn
1.2	Trịnh Thị Xim	1971	Phó Bí thư Đảng ủy	0904458674	ximtt@cdsptw.edu.vn
1.3	Nguyễn Thị Thanh	1976	Đảng ủy viên	0904305766	thanhnt@cdsptw.edu.vn
1.4	Phạm Văn Hào	1981	Đảng ủy viên	0989666781	haopv@cdsptw.edu.vn
1.5	Phạm Trần Hồng Hà	1970	Đảng ủy viên	0972479918	honghacdsptw@gmail.com
1.6	Nguyễn Thị Hồng Vân	1976	Đảng ủy viên	0914372975	hongvan.gdmn@gmail.com
1.7	Trần Nguyên Hương	1979	Đảng ủy viên	0988180955	huongtw@gmail.com
1.8	Lê Thị Thúy Hằng	1974	Đảng ủy viên	0976969906	thuyhang213@yahoo.com
<b>2</b>	<b>Đoàn Thanh niên</b>				
	Đoàn Hữu Huân	1991	Bí thư	0945289347	huandh@cdsptw.edu.vn
<b>3</b>	<b>Công đoàn</b>				
	Phạm Trần Hồng Hà	1970	Chủ tịch	0972479918	honghacdsptw@gmail.com
III	<b>Các phòng/ban</b>				
1	Phòng Tổ chức - Hành chính				
	Nguyễn Thị Nhung	1980	ThS, Trưởng phòng	0982510056	nhungnt@cdsptw.edu.vn
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính				
	Đoàn Đức Dương	1981	Trưởng phòng	0983476828	doanducduong@yahoo.com
3	Phòng Quản lý Đào tạo				

	Phạm Văn Hào	1981	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0989666781	haopv@cdsptw.edu.vn
4	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục				
	Lê Thị Chúc Quỳnh	1976	ThS, Trưởng phòng	0932235577	quynhcdsp@gmail.com
5	Phòng Quản trị - Thiết bị				
	Nguyễn Thạc Hải	1982	ThS, Trưởng phòng	0948699998	thachaikt@gmail.com
6	Phòng Công tác học sinh, sinh viên				
	Phương Thị Xuyên	1983	ThS, Trưởng phòng	0969791881	phuonghaxuyen@gmail.com
7	Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế				
	Trịnh Văn Tùng	1977	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0903280677	trinhtung2002@gmail.com
8	Phòng Thông tin truyền thông				
	Phạm Tiến Thành	1983	ThS, Trưởng phòng	0915084862	thanhphamtien@gmail.com
IV	Các khoa				
1	Khoa Giáo dục đại cương				
	Đỗ Thị Thanh Loan	1970	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0982767970	thanhloanlct@gmail.com
2	Khoa Giáo dục Mầm non				
	Nguyễn Thị Hồng Vân	1976	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0914372975	hongvan.gdmn@gmail.com
3	Khoa Nghệ thuật				
	Phạm Minh Tùng	1983	ThS, Trưởng khoa	0915266621	tungpm@cdsptw.edu.vn
4	Khoa Công nghệ Thông tin - Giáo dục nghề nghiệp				
	Trần Nguyên Hương	1979	ThS, Trưởng khoa	0988180955	huongtn@cdsptw.edu.vn
5	Khoa Tiếng Anh				
	Nguyễn Minh Tuấn	1980	ThS, Phụ trách khoa	0979798195	tuancfl@gmail.com
V	Các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ				
1	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục Đặc biệt				
	Lê Thị Thúy Hằng	1974	Tiến sĩ, Giám đốc	0976969906	thuyhang213@yahoo.com
2	Trung tâm NC thiết bị dạy học và học liệu cho GDMN và trẻ khuyết tật				
	Nguyễn Thị Thành	1973	ThS, Phó Giám đốc	0912419651	hathanh1073@gmail.com
3	TT Đào tạo và Bồi dưỡng kiến thức				
	Khoa Việt Hà	1980	ThS, Giám đốc	0983571499	haviet0501@gmail.com

					ail.com
VI	Các tổ chức phục vụ đào tạo và nghiên cứu ứng dụng				
1	TT Thông tin - Thư viện				
	Phan Thị Thương	1981	ThS. Giám đốc	0902209278	thuongpt@cdspt w.edu.vn
2	Trường MNTH Hoa sen				
	Trần Thị Oanh	1972	ThS, Hiệu trưởng	0906586368	Tranoanh01@g mail.com
3	Trường MNTH Hoa Hồng				
	Đào Thị My	1980	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0438533720	haimy1980@yah oo.com.vn
4	Trường MNTH Hoa Thủy Tiên				
	Trương Thị Minh Phượng	1970	ThS, Hiệu trưởng	0437566506	truongtmphuongl 970@gmail.com

#### 14. Các ngành/chuyên ngành đào tạo:

- Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:	11
- Số lượng ngành đào tạo TCCN:	0
- Số lượng ngành đào tạo khác	0

#### 15. Các loại hình đào tạo của Nhà trường

Loại hình đào tạo	Có	Không
- Chính quy	x	
- Không Chính quy	x	
- Từ xa		x
- Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
- Liên kết đào tạo với trong nước	x	
- Các loại hình đào tạo khác		x

#### 16. Tổng số các khoa đào tạo: 05 khoa

### III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường

#### 17. Số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của Nhà trường

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I.	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó</i>	<b>91</b>	<b>378</b>	<b>469</b>
I.1	Cán bộ trong biên chế	61	304	<b>365</b>
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và cán bộ không xác định thời hạn	30	74	<b>104</b>
II	Cán bộ khác: Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>91</b>	<b>378</b>	<b>469</b>

**Chú thích:** Tổng cán bộ cơ hữu bao gồm cả số CBGV 03 trường MNTH.

## 18. Thống kê, phân loại GV (Những GV trực tiếp GD trong 5 năm gần đây)

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV b.chế tr.tiếp g.dạy	GV HĐ dài hạn tr.tiếp g.dạy	GV k.nhiệm là CBQL		
1	GS, viện sĩ						
2	PGS	01			01		
3	Tiến sĩ Khoa học						
4	Tiến sĩ	19	06		13		
5	Thạc sĩ	134	98	04	32		
6	Đại học	04	04				
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
<b>10</b>	<b>Tổng số</b>	<b>158</b>	<b>108</b>	<b>04</b>	<b>46</b>		

- Tổng số GV cơ hữu: 154 biên chế và 04 hợp đồng lao động.
- Tỷ lệ GV cơ hữu/Tổng số CB cơ hữu:  $158/271 = 58,3\%$
- Số giảng viên trực tiếp đứng lớp: 158
- Số giảng viên không giảng dạy: 0

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong b/chế tr.tiếp giảng dạy	GV HĐ dài hạn tr.tiếp g.dạy	GV kiêm nhiệm là CBQL			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	GS, Viện sĩ	3,0							
2	Phó GS	2,0	01			01			
3	TSKH	3,0							
4	Tiến sĩ	1,5	19	06		13			
5	Thạc sĩ	1,3	134	98	04	32			
6	Đại học	1,0	04	04					
7	Cao đẳng	0,5							
8	Trung cấp	0,2							
9	Trình độ khác	0,2							
	<b>Tổng</b>		<b>158</b>	<b>108</b>	<b>04</b>	<b>46</b>			

## 19. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

STT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo độ tuổi				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	GS, Viện sĩ									
2	Phó GS	01	0.6	01					01	
3	TSKH									
4	Tiến sĩ	19	12	03	16	0	04	13	02	0
5	Thạc sĩ	134	84.9	30	104	0	51	57	26	0
6	Đại học	04	2.5	03	01	0		03	01	
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	<b>Tổng</b>	<b>158</b>		<b>37</b>	<b>121</b>		<b>55</b>	<b>73</b>	<b>30</b>	

19.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ % người sử dụng	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	2,2%	35,1%
2	Thường sử dụng (60-80% thời gian của công việc)	3,1%	40,5%
3	Đôi khi sử dụng (40-60% thời gian của công việc)	22,9%	17,6%
4	Ít khi sử dụng (20-40% thời gian của công việc)	38,2%	6,1%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	33,6%	0,7%

19.2. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43,4

19.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường: 12,6%

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường: 84,8%

#### IV. Người học

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi cao đẳng vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):



Năm học	Số thí sinh dự thi	Số thí sinh trúng tuyển	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào		Điểm TB của sinh viên được tuyển	Số SV quốc tế nhập học
					Theo điểm thi THPT	Theo học bạ		
<b>Cao đẳng</b>		<b>6233</b>		<b>5172</b>				
2018-2019		844	1/1	671	18,25	19,5	17,0	
2019-2020		1260	1/1	968	16,0	19,5		
2020-2021		1166	1/1	961	16,5	19,6		
2021-2022	1814	1647	1/1	1424	17,0	16,0	16,0	
2022-2023	1174 (GDMN)	1166	1/1	1001	17,0	17,0	20,0	
	1400 (GDNN)	150	1/1	147	15,0	15,0	19,0	
<b>Trung cấp</b>		<b>12.693</b>		<b>922</b>				
2017-2018	3925	3168	1/1,2	454			12,5	
2018-2019	3786	3491	1/1,08	264			13,0	
2019-2020	3905	3526	1/1,1	204			13,5	

Số lượng SV hệ chính quy đang học tập tại trường (tính đến 30/12/2022): 3338

21. Thống kê, phân loại số lượng học viên nhập học (trong 5 năm gần đây) các hệ chính quy và không chính quy

Các tiêu chí	2018	2019	2020	2021	2022
1. SV Đại học					
2. SV cao đẳng					
Trong đó					
- Hệ chính quy	671	968	961	1424	1148
- Hệ không chính quy	14	87	0	511	0
3. Học viên cao học					
4. NCS					
5. Học sinh TCCN	264	204	0	0	0
6. HV hệ khác					
Tổng số người học CQ (chưa quy đổi)	935	1172	961	1424	1148
Tổng số người học quy đổi	949	1259	961	1935	1148
Tỷ lệ người học /GV	1,31	1,07	0,99	0,98	7,27

Tổng số học sinh, sinh viên năm học 2022 - 2023:

Cao đẳng	Chính quy	3338
	Liên thông chính quy	511
	Vừa làm vừa học (Không chính quy)	0

Trung cấp chính quy	0
<b>Tổng số HSSV</b>	3460
<b>Tổng số HSSV chính quy</b>	3338

(Tổng số giảng viên quy đổi (theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Giảng viên	Trình độ			Quy đổi
		Tiến sĩ (1,5)	Thạc sĩ (1,3)	Đại học (1)	
1	Cơ hữu, HĐ dài hạn (Hệ số: 1,0)	20	134	4	

Tổng số HSSV chính quy/ Tổng số GV quy đổi: 3338/158 = 21,1

## 22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây nhất

	Năm học				
	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
Số lượng	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0/671	0/968	0/961	0/1424	0/1148

## 23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây

Các tiêu chí	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	4363	4363	4090	4090	4363
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong KTX)	606	587	598	411	555
3. Số lượng người học được ở trong KTX	606	587	598	411	555
4. Tỉ số diện tích bình quân trên đầu người học ở KTX, m <sup>2</sup> /người	7,2	7,4	6,8	9,9	7,8

## 24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học.

	Năm học				
	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
Số lượng	1	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên TSSV quy đổi	1/671	0/968	0/961	0/1424	0/1148

## 25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	971	852	821	548	809
Hệ không chính quy	127	153	35	82	456
2. Học sinh TCCN	343	454	186	120	0
3. Học viên hệ khác					

## 26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1098	1005	856	630	1265
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	83,5	98,5	85,5	86,5	87,6
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp chất lượng đào tạo của Nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	97,6	95,3	95,5	97,4	96,2
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	1,57	2,05	1,49	1,85	3,28
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	636	1111	1217	955	569
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	96,2%	92,8%	90,7%	98%	98%
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	0,08	0,08	0,02	0,02	0,03
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	5,5-6 triệu	5,5-6 triệu	5,8-6 triệu	6-6,5 triệu	6-7,5 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này →					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	95,8	90,9	89,2	96,5	95,4
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	0,4	1,9	1,5	1,5	2,6
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0%	0%	0%	0%	0%

## V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0		0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	4	0	0	2	1	7
3	Đề tài cấp trường	0,5	20	7	8	3	13	25,5
<b>4</b>	<b>Tổng</b>		<b>24</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>13</b>	<b>32,5</b>

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 32,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $32,5/469 = 0,069$

28. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao CN/tổng kinh phí đầu vào của Nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao CN/CB cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0
3	2020	0	0	0

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao CN/tổng kinh phí đầu vào của Nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao CN/CB cơ hữu (triệu VNĐ/người)
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0

29. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	25	48	126	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	25	48	126	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

30. Số lượng sách của Nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	0	2	0	0	0	3
3	Sách tham khảo	1,0	4	3	20	5	1	33
4	Sách hướng dẫn	0,5	2	0	0	0	0	1
5	Tổng		6	5	20	6	1	39
Bình quân số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên 1 cán bộ cơ hữu:								0.08

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 39

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên GV cơ hữu:  $39/158 = 0,25$

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia viết sách trong giai đoạn: từ năm 2018 - 2022

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	3	15	18
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	3	15	18

32. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Nhà trường được đăng tạp chí trong giai đoạn: từ năm 2018 - 2022

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	0	3	2	2	1	12
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	21	31	6	9	4	71
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	31	19	14	20	16	50
4	Tổng		52	53	22	31	20	133

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 133

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $133/469 = 0,28$

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022: 85

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	7	31	47
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	7	31	47

34. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Nhà trường báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong giai đoạn: từ năm 2018 đến năm 2022

STT	Phân loại hội thảo	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	0	1	0	1	3
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	5	0	23	0	14
3	Hội thảo cấp trường	0,25	85	92	46	97	78	99,5
4	Tổng		86	97	47	120	79	116,5

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 116,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $116,5/469 = 0,25$

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong giai đoạn: từ năm 2018 - 2022

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	37	62
Tổng số cán bộ tham gia	1	37	62

36. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: 0

37. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

37.1 Số lượng sinh viên của Nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học cấp trường trong giai đoạn từ năm 2018 - 2022: Không

37.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên: 1

STT	Thành tích NCKH	Số lượng			
		2018	2019	2020	2021
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	1	0	0	0
2	Số bài báo được đăng	0	0	0	0

## VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

38. Tổng diện tích đất sử dụng của trường : 26.351,16m<sup>2</sup>

39. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau :

- Nơi làm việc: 12.101m<sup>2</sup>
- Nơi học: 14.250m<sup>2</sup>
- Nơi vui chơi giải trí: 1.700m<sup>2</sup>

40. Diện tích phòng học

- Tổng diện tích phòng học: 14.250m<sup>2</sup>
- Tỷ số diện tích phòng học trên HSSV chính quy: 14250/3338 = 4,27/1

41. Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường có 12.034 đầu sách, 99.325 cuốn sách

42. Tổng số máy tính của trường: 254 bộ

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 108 bộ
- Dùng cho sinh viên học tập: 146 bộ

Tỷ số số máy tính dùng cho HSSV trên HSSV chính quy: 146/3338=1/23

43. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của Trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Tổng số	Phân chia		
			NSNN cấp	Học phí	Các khoản thu SN khác
1	2018	110.109.463.298	77.429.000.000	2.718.243.610	29.962.219.688
2	2019	73.817.824.488	58.011.000.000	1.589.000.000	14.217.824.488
3	2020	96.237.136.126	81.008.000.000	979.000.000	14.250.136.126
4	2021	114.962.901.243	94.702.000.000	1.291.000.000	18.969.901.243

STT	Năm	Tổng số	Phân chia		
			NSNN cấp	Học phí	Các khoản thu SN khác
5	2022	120.029.181.489	101.580.000.000	2.998.000.000	15.451.181.489
		<b>515.156.506.644</b>	<b>412.730.000.000</b>	<b>9.575.243.610</b>	<b>92.851.263.034</b>

44. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Tổng thu học phí (VNĐ)
1	2018	2.718.243.610
2	2019	1.589.000.000
3	2020	979.000.000
4	2021	1.291.000.000
5	2022	2.998.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.575.243.610</b>

## VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành các chỉ số quan trọng dưới đây:

### 1. Giảng viên

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 158

Tỷ lệ GV cơ hữu/Tổng số CB cơ hữu:  $158/469 = 33,7\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường (%):  $20/158 (12,6\%)$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường:  $134/158 (84,8\%)$

### 2. Sinh viên

Tổng số sinh viên chính quy (người): 3338

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 3338

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 33,3/1

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào khóa 2019 tốt nghiệp năm 2022 (%): 87,6%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường (Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 93,56%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 2,05%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 898

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 95,14%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 3,3%

Thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm (triệu VNĐ): 6 đến 7,5 triệu



5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo.

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 93,56%

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 1,58%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $32,5/469 = 0,069$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên giảng viên cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên giảng viên cơ hữu: 0,25

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên giảng viên cơ hữu: 0,28

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,25

7. Cơ sở vật chất

Trường đã cải tạo phòng máy tính thực hành và đầu tư trang thiết bị máy tính, máy chiếu, hệ thống mạng, bàn ghế mới đáp ứng phục vụ học tập thực hành máy tính của sinh viên, cụ thể như sau:

- Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên HSSV chính quy: 1/62,3

- Tỷ số diện tích phòng học trên HSSV chính quy:  $14250/3338 = 4,27/1$

- Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 1/6,5

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG  
Số: 923/QĐ-CDSPTƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 93/HĐBT ngày 28 tháng 5 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn số 528/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn tìm thông tin minh chứng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2; Thành phần gồm: (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo đúng Quy trình tự đánh giá trường cao đẳng và theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) có tên tại Điều 1, Trưởng các khoa, phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 12/11/22

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTĐBCLGD.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



### DANH SÁCH THÀNH VIÊN

Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2

(Kèm theo Quyết định số 323/QĐ-CĐSPТУ ngày 09 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Đình Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Trịnh Thị Xim	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Lê Thị Chúc Quỳnh	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên TT
4	Nguyễn Minh Tuấn	Phụ trách Khoa Tiếng Anh	Ủy viên thư ký
5	Phạm Tiến Thành	Trưởng phòng Thông tin - Truyền thông	Ủy viên thư ký
6	Nguyễn Thị Nhung	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
7	Nguyễn Thị Thùy	Kế toán trưởng	Ủy viên
8	Nguyễn Thạc Hải	Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
9	Phạm Văn Hào	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
10	Phương Thị Xuyên	Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên	Ủy viên
11	Nguyễn Thị Hồng Vân	Trưởng khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
12	Trần Nguyên Hương	Trưởng khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp	Ủy viên
13	Phạm Minh Tùng	Trưởng khoa Nghệ thuật	Ủy viên
14	Đoàn Đức Dương	Trưởng phòng Kế hoạch tài chính	Ủy viên
15	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Ủy viên
16	Phan Thị Thương	Giám đốc Trung tâm Thư viện	Ủy viên
17	Khoa Việt Hà	Giám đốc Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng kiến thức	Ủy viên
18	Dương Xuân Phương	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
19	Nguyễn Thị Phương	Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp	Ủy viên
20	Bùi Minh Hải	Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
21	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
22	Vũ Thị Thanh Huyền	Giảng viên, trợ lý khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
23	Nguyễn Thị Thanh Nga	Sinh viên lớp 21CĐMN-A5	Ủy viên

(Danh sách gồm 23 người) *chữ*

**DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-CĐSPТУ ngày 19 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>NHÓM 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2 và 5</b>			
1	Nguyễn Thị Nhung	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thị Phương	Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp	Ủy viên
3	Vũ Thị Thanh Huyền	Giảng viên, trợ lý khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
4	Lê Thị Phương Nhung	Chuyên viên phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
<b>NHÓM 2: Phụ trách tiêu chuẩn 3 và 4</b>			
1	Dương Xuân Phương	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
3	Trương Thị Thùy	Chuyên viên phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
<b>NHÓM 3: Phụ trách tiêu chuẩn 6 và 10</b>			
1	Phương Thị Xuyên	Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên	Trưởng nhóm
2	Đoàn Hữu Huân	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
3	Đinh Thúy Quỳnh	Chuyên viên Khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
<b>NHÓM 4: Phụ trách tiêu chuẩn 8 và 9</b>			
1	Đoàn Đức Dương	Trưởng phòng Kế hoạch tài chính	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thạch Hải	Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
3	Phan Thị Thương	Giám đốc Trung Tâm Thư viện	Ủy viên
4	Vũ Trung Hiếu	Chuyên viên phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
<b>NHÓM 5: Phụ trách tiêu chuẩn 7</b>			
1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Trưởng nhóm
2	Khoa Việt Hà	Giám đốc Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng kiến thức	Ủy viên
3	Trần Bích Hạnh	Chuyên viên phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Ủy viên

(Danh sách gồm 17 người) *CS*



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ**

Hội đồng Tự đánh giá cơ sở chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2

(Kèm theo Quyết định số 323/QĐ-CDSPTƯ ngày 19 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Thị Chúc Quỳnh	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Trưởng ban
2	Nguyễn Minh Tuấn	Phụ trách Khoa Tiếng Anh	Ủy viên
3	Phạm Tiến Thành	Trưởng phòng Thông tin - Truyền thông	Ủy viên
4	Bùi Minh Hải	Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên
5	Trần Huyền Trâm	Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên

(Danh sách gồm 05 người) *l.k*



TRƯỜNG CĐ SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG  
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

## KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ Chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2

### I. Mục đích tự đánh giá chu kỳ 2

- Xác định mức độ đáp ứng của Nhà trường so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khắc phục những tồn tại đã được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ ra trong lần đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 1 năm 2017; quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện trách nhiệm giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của Nhà trường.

### II. Phạm vi đánh giá

- Đánh giá các hoạt động của Nhà trường trong việc thực hiện và đảm bảo chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục chu kỳ 2.

- Giai đoạn 5 năm 2017 - 2022 (số liệu tính đến thời điểm 30/11/2022).

### III. Công cụ đánh giá

Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng;

Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Công văn số 528/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn tìm thông tin minh chứng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng.

### IV. Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách

Hội đồng tự đánh giá (HĐTĐG), Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (CTCT) được thành lập theo Quyết định số 923/QĐ-CĐSPTW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Nhà trường.

### V. Thời gian biểu thực hiện

Thời gian	Nội dung thực hiện	Yêu cầu kết quả
Tuần 1-2 (28/11/2022 - 11/12/2022)	- Họp HĐTĐG, thông báo kế hoạch triển khai, phân công nhiệm vụ. - Tập huấn cách viết báo cáo, phân tích nội hàm tiêu chí/tiêu chuẩn, cách thu thập minh chứng.	- Biên bản họp HĐ; Bản phân công nhiệm vụ - Các thành viên trong nhóm CTCT (phân công thu thập minh chứng và viết tiêu chí)

Thời gian	Nội dung thực hiện	Yêu cầu kết quả
<b>Tuần 1-2</b> (28/11/2022 - 11/12/2022)	- Các nhóm CTCT tổ chức họp: + Nghiên cứu, phân tích nội hàm từng tiêu chuẩn/ tiêu chí. + Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập, đánh giá sơ bộ hiện trạng (tình trạng sẵn có/chưa có và hướng khắc phục).	- Danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập đối với từng tiêu chí
<b>Tuần 3-4</b> (12/12/2022 - 25/12/2022)	- Các nhóm tiến hành thu thập minh chứng theo phân công, gửi danh mục cho các đơn vị có liên quan đề nghị cung cấp, hỗ trợ trong quá trình triển khai. - Ban thư ký tiến hành viết phần Tổng quan và Cơ sở dữ liệu của báo cáo tự đánh giá.	- Minh chứng đã được thu thập - Bản cơ sở dữ liệu tự đánh giá
<b>Tuần 5-6</b> (26/12/2022 - 08/01/2023)	- Thành viên nhóm chuyên trách viết báo cáo cho từng tiêu chí/tiêu chuẩn theo sự phân công. - Thu thập thông tin bổ sung nếu cần.	Báo cáo sơ bộ
<b>Tuần 7-8</b> (09/01/2023 - 20/01/2023)	- Các nhóm CTCT họp để thông qua báo cáo từng tiêu chí/tiêu chuẩn. - Kiểm tra chéo, góp ý bổ sung và đề xuất chỉnh sửa.	Biên bản họp (trong đó thể hiện nội dung đề xuất chỉnh sửa)
<b>Nghỉ Tết Nguyên đán 2023</b>		
<b>Tuần 9-10</b> (06/02/2023 - 19/02/2023)	- Các thành viên chỉnh sửa theo góp ý của Nhóm và nộp bản sau sửa cho Trưởng nhóm. - Trưởng nhóm tổng hợp thành báo cáo tiêu chuẩn và nộp cho Thư ký Hội đồng	Các Báo cáo tiêu chuẩn
<b>Tuần 11</b> (20/02/2023 - 26/02/2023)	- Ban thư ký: + Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí của các nhóm + Kiểm tra, rà soát minh chứng + Chỉnh sửa, bổ sung - Họp Hội đồng tự đánh giá sửa BCTĐG lần 1	- Báo cáo TĐG thể hiện các nội dung cần chỉnh sửa, các minh chứng cần bổ sung - Biên bản họp Hội đồng



Thời gian	Nội dung thực hiện	Yêu cầu kết quả
<b>Tuần 12</b> (27/02/2023 - 05/3/2023)	- Nhóm CTCT rà soát và bổ sung theo góp ý của Hội đồng - Ban thư ký tổng hợp báo cáo - Gửi báo cáo lần 2 cho HĐTĐG	Báo cáo tiêu chuẩn đã chỉnh sửa Bản dự thảo báo cáo tự đánh giá
<b>Tuần 13</b> (06/3/2023 - 12/3/2023)	Hội đồng tự đánh giá xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá đề xuất chỉnh sửa (nếu cần)	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)
<b>Tuần 14</b> (13/3/2023 - 19/3/2023)	- Trưởng ban Thư ký Công bố bản báo cáo TĐG và xin ý kiến góp ý (Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan đóng góp ý kiến về báo cáo TĐG)	Báo cáo đăng website trường hoặc gửi cho các đơn vị trong Trường
<b>Tuần 15</b> (20/3/2023 - 26/3/2023)	- Hội đồng tự đánh giá đề bổ sung, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo ý kiến góp ý; thông qua báo cáo TĐG lần cuối và trình Hiệu trưởng ký ban hành	Báo cáo TĐG hoàn thiện
<b>Sau ngày</b> 17/4/2021	- Công khai báo cáo TĐG trong nội bộ trường. - Nộp báo cáo TĐG cho Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Xây dựng kế hoạch Cải tiến chất lượng sau tự đánh giá - Đăng ký đánh giá ngoài CSGD chu kỳ 2 với Trung tâm KĐCLGD - Lưu trữ hệ thống minh chứng phục vụ công tác đánh giá ngoài	Kế hoạch cải tiến chất lượng được ban hành và triển khai thực hiện

## VI. Tổ chức thực hiện

### 1. Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

a) Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá: HĐTĐG chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc và triển khai các công tác tự đánh giá; tham gia phân biện, thẩm định, phê duyệt bản Báo cáo tự đánh giá; phổ biến chủ trương về việc triển khai tự đánh giá và yêu cầu các đơn vị, cá nhân trong trường phối hợp thực hiện; công bố báo cáo tự đánh giá; triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và khắc phục các tồn

tại theo khuyến nghị trong báo cáo đánh giá ngoài chu kỳ 1; tổ chức, duy trì cơ sở dữ liệu về các hoạt động của Nhà trường.

b) Trách nhiệm của Ban thư ký: giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá, tổng hợp báo cáo theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn, rà soát số liệu, văn phong chính tả, làm việc với từng nhóm CTCT để chỉnh sửa báo cáo. Chịu trách nhiệm viết phần tổng quan và tổng hợp phần cơ sở dữ liệu của báo cáo. Tiếp nhận, rà soát toàn bộ báo cáo và kiểm tra minh chứng theo từng tiêu chuẩn/tiêu chí và hoàn thiện báo cáo trình HĐTĐG.

c) Trách nhiệm của các Nhóm công tác chuyên trách: Tham gia tập huấn tự đánh giá; tổ chức thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí/tiêu chuẩn theo sự phân công và theo đúng kế hoạch về thời gian và đảm bảo chất lượng; tham gia bảo vệ tiêu chí/tiêu chuẩn trước Hội đồng tự đánh giá; thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu theo nội dung phân biện của Hội đồng; đề xuất với Hội đồng tự đánh giá các biện pháp, kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

## **2. Trách nhiệm của phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD**

- Giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc tư vấn hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2;

- Tư vấn, hướng dẫn các đơn vị trong Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục khi có yêu cầu;

- Đơn đốc, giám sát thực hiện công tác tự đánh giá và báo cáo Hiệu trưởng;

- Phối hợp với các Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục Nhà trường và báo cáo kết quả cải tiến cho Ban Giám hiệu.

## **3. Trách nhiệm của các đơn vị Khoa/Phòng/Ban chức năng, Trung tâm và các tổ chức đoàn thể trong Trường**

- Phổ biến hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 tới toàn thể tới toàn thể cán bộ viên chức của đơn vị;

- Phối hợp giữa các đơn vị và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục trong công tác tự đánh giá như: cung cấp thông tin, minh chứng cho các nhóm chuyên trách khi được yêu cầu; biên soạn các văn bản (*kế hoạch, báo cáo, quy định, quy trình, hướng dẫn ...*) theo các lĩnh vực được Hiệu trưởng phân công nhằm đáp ứng bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục;

- Triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng được phân công cho đơn vị.

## **4. Trách nhiệm của đại diện sinh viên tham gia Hội đồng tự đánh giá**

Tham gia tập huấn về công tác tự đánh giá, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến người học, sinh viên; đọc và góp ý báo cáo tự đánh giá dưới góc độ là đại diện cho người học thụ hưởng chất lượng đào tạo của Nhà trường.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PSG.TS Trần Đình Tuấn**

**Phụ lục 1: Danh sách các học phần/môn học đưa lên LMS**

1. Giáo dục học mầm non	35. Cơ sở dữ liệu
2. Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	36. Mạng máy tính
3. Tiếng Việt thực hành	37. Lập trình Windows 1
4. Khám phá khoa học	38. Lịch sử tổ chức cơ quan N.nước
5. Kỹ năng giao tiếp	39. Công tác xã hội cá nhân
6. PP hình thành biểu tượng toán cho trẻ MN	40. Ngôn ngữ lập trình
7. Tâm lý học đại cương	41. Hệ quản trị CSDL SQL
8. Tâm lý học	42. Giáo dục trẻ ADHD
9. Vệ sinh dinh dưỡng	43. Giáo dục hòa nhập
10. Giáo dục học	44. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non
11. Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi	45. Kỹ năng sống cho GDMN
12. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	46. Xây dựng kho học liệu điện tử
13. Phương pháp giáo dục thể chất	47. Công tác XH với người cao tuổi
14. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	48. Tham vấn trong công tác xã hội
15. Phương pháp cho trẻ làm quen với T. Anh	49. Tin học văn phòng
16. Tiếng Anh chuyên ngành	50. Thiết kế bài giảng điện tử
17. Tiếng Anh	51. Thiết kế bài giảng elearning
18. Mỹ thuật chuyên ngành 1	52. Đánh giá trẻ rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp
19. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	53. Phương pháp khám phá môi trường xung quanh
20. Thanh nhạc	54. Giáo dục bảo vệ môi trường
21. Mỹ thuật	55. Thảm định 02 bài giảng demo
22. Kiến thức âm nhạc tổng hợp	56. Giáo dục Đạo đức nghề nghiệp
23. Đường lối CM của Đảng CSVN	57. Phát hiện, sàng lọc và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục đáp ứng trẻ em có nhu cầu ĐB
24. Những NLCB của CN Mác-Lê nin 1, 2	58. Kỹ năng mềm dành cho GVMN
25. Giáo dục chính trị	59. Kỹ năng làm việc nhóm
26. Tư tưởng Hồ Chí Minh	60. Kỹ năng xây dựng MQHNB
27. Tin học (2 tín chỉ)	61. Lớp đào tạo chứng chỉ CTĐT 1
28. Tin học (3 tín chỉ)	
29. Bảo trì Máy tính	
30. Giáo dục kỹ năng sống	
31. Mã nguồn mở	
32. Ứng dụng CNTT trong GDMN	
33. Quản lý HCNN và QL ngành GD	
34. Kỹ năng làm việc trực tuyến	

**Phụ lục 2:** Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp

Năm./câu hỏi	Nơi làm việc			Mức độ đáp ứng chương trình đào tạo với yêu cầu công việc hiện nay				Chương trình đào tạo			Đơn vị tuyển dụng đào tạo thêm lĩnh vực nào			Đơn vị tuyển dụng đánh giá mức độ đáp ứng công việc			
	Công lập	Tư thực	Tập đoàn	Chưa đáp ứng	Đáp ứng	Đáp ứng tốt	Đáp ứng rất tốt	Bổ sung PP tiên tiến	Tăng thời lượng thực hành	Mở rộng cơ sở thực tập	Sứ mệnh CS	Đào tạo kỹ năng mềm	Đào tạo CN TT	Chưa đáp ứng được tốt	Đáp ứng được công việc	Đáp ứng tốt công việc	Đáp ứng rất tốt công việc
Tốt nghiệp năm 2021	106	247	103	7	140	201	108	345	36	75	153	314	11	5	30	256	165
Tốt nghiệp năm 2022	150	302	68	9	388	397	123	396	22	102	104	315	101	3	57	255	205
<b>Tổng</b>	256	549	171	16	528	598	231	741	58	177	257	629	112	8	87	511	370

**Phụ lục 3:** Thống kê số liệu người học được hưởng chế độ chính sách hằng năm.

<b>Năm học</b>	<b>Chế độ</b>	<b>Số lượng</b>
<b>2017-2018</b>	Miễn giảm học phí	<b>31</b>
	Trợ cấp xã hội	9
	Hỗ trợ chi phí học tập cho SV là người dân tộc	19
	Học bổng KKHT	720 lượt
<b>2018-2019</b>	Miễn giảm học phí	35
	Trợ cấp xã hội	15
	Hỗ trợ chi phí học tập cho SV là người dân tộc	29
	Học bổng KKHT	688 lượt
<b>2019-2020</b>	Miễn giảm học phí	22
	Trợ cấp xã hội	15
	Hỗ trợ chi phí học tập cho SV là người dân tộc	27
	Học bổng KKHT	606 lượt
<b>2020-2021</b>	Miễn giảm học phí	11
	Trợ cấp xã hội	13
	Hỗ trợ chi phí học tập cho SV là người dân tộc	16
	Học bổng KKHT	695 lượt
<b>2021-2022</b>	Miễn giảm học phí	42
	Trợ cấp xã hội	13
	Hỗ trợ chi phí học tập cho SV là người dân tộc	34
	Học bổng KKHT	720 lượt
	Hỗ trợ đóng học phí và chi phí sinh hoạt 116	1114

**Phụ lục 4:** Thống kê số buổi tổ chức tuyên truyền pháp luật; số người học tham gia, kết quả đánh giá

STT	Năm học	Tuyên truyền Pháp luật An toàn giao thông			Các Luật: An ninh mạng, Ma túy, Mại dâm, Phòng chống HIV/AIDS, Phòng chống tội phạm			Luật công chức, viên chức; Luật lao động		
		Số buổi	Số SV tham gia	Đánh giá	Số buổi	Số SV tham gia	Đánh giá	Số buổi	Số SV tham gia	Đánh giá
1	<b>2017 - 2018</b>	5	3318	100% đạt yêu cầu	10	3318	100% đạt yêu cầu	4	1265	100% đạt yêu cầu
2	<b>2018 - 2019</b>	4	3377	100% đạt yêu cầu	9	3377	100% đạt yêu cầu	4	1308	100% đạt yêu cầu
3	<b>2019 - 2020</b>	4	2565	100% đạt yêu cầu	8	2565	100% đạt yêu cầu	4	973	100% đạt yêu cầu
4	<b>2020 - 2021</b>	1	300	100% đạt yêu cầu	8	2592	100% đạt yêu cầu	4	636	100% đạt yêu cầu
5	<b>2021 - 2022</b>	1	3116	100% đạt yêu cầu	11	3116	100% đạt yêu cầu	4	818	100% đạt yêu cầu
6	<b>2022 - 2023</b>	1	3152	100% đạt yêu cầu	9	3152	100% đạt yêu cầu	3	809	100% đạt yêu cầu

**Phụ lục 5:** Chỉ tiêu của chiến lược phát triển KH và CN giai đoạn 2013 - 2023.

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu đến 2023</b>
1	<i>Số bài báo, báo cáo khoa học</i>	
	- Trong nước	500
	- Quốc tế	
	+ Số bài báo thuộc hệ thống ISI và SCOPUS	05 - 10
	+ Số bài báo trên các tạp chí quốc tế khác	10 - 20
2	<i>Sách chuyên khảo</i>	
	- Tiếng Việt	300 - 350
	- Tiếng nước ngoài	01 - 05
3	<i>Sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách</i>	
	- Sáng chế giải pháp hữu ích	03 - 10
	- Giải pháp khoa học và công nghệ tư vấn chính sách	03 - 10
4	<i>Sản phẩm KH&amp;CN được chuyển giao hoặc thương mại hóa</i>	06 - 10
5	<i>Chương trình hợp tác nghiên cứu với đối tác</i>	
	- Trong nước	08 - 10
	- Quốc tế	05 - 08
6	<i>Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu mạnh</i>	01 - 03
7	<i>Doanh nghiệp, vườn ươm khoa học công nghệ</i>	01 - 02
8	<i>Số ngành khoa học cơ bản đạt trình độ tiên tiến của cả nước</i>	01 - 02
9	<i>Số giải thưởng KH&amp;CN cấp quốc gia, quốc tế</i>	01 - 02
10	<i>Kinh phí các đề tài, dự án KH&amp;CN/năm (tỷ đồng)</i>	02 - 03

**Phụ lục 6: Thống kê phòng học**

Năm học	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
Phòng học chung	76 phòng 3833m <sup>2</sup>	76 phòng 3833m <sup>2</sup>	75 phòng 3753m <sup>2</sup>	74 phòng 3703m <sup>2</sup>	74 phòng 3703m <sup>2</sup>
Phòng học thực hành mầm non	81 phòng 6.901m <sup>2</sup>	81 phòng 6.901m <sup>2</sup>	87 phòng 7.901m <sup>2</sup>	87 phòng 7.901m <sup>2</sup>	87 phòng 7.901m <sup>2</sup>
Phòng Thực hành tin	7 phòng 425m <sup>2</sup>	7 phòng 425m <sup>2</sup>	7 phòng 425m <sup>2</sup>	8 phòng 475m <sup>2</sup>	8 phòng 475m <sup>2</sup>
Phòng thực hành múa	01 phòng 110m <sup>2</sup>	01 phòng 110m <sup>2</sup>	01 phòng 110m <sup>2</sup>	01 phòng 110m <sup>2</sup>	01 phòng 110m <sup>2</sup>
Phòng thực hành âm nhạc	04 phòng 100m <sup>2</sup>	04 phòng 100m <sup>2</sup>	04 phòng 100m <sup>2</sup>	04 phòng 100m <sup>2</sup>	04 phòng 100m <sup>2</sup>
Phòng thực hành mỹ thuật	03 phòng 580m <sup>2</sup>	03 phòng 580m <sup>2</sup>	03 phòng 580m <sup>2</sup>	03 phòng 580m <sup>2</sup>	03 phòng 580m <sup>2</sup>
Phòng thực hành thư viện	2 phòng 750m <sup>2</sup>	2 phòng 750m <sup>2</sup>	2 phòng 750m <sup>2</sup>	2 phòng 750m <sup>2</sup>	2 phòng 750m <sup>2</sup>
Phòng thực hành văn hóa nghệ thuật	1 phòng 80m <sup>2</sup>	1 phòng 80m <sup>2</sup>	1 phòng 80m <sup>2</sup>	1 phòng 80m <sup>2</sup>	1 phòng 80m <sup>2</sup>
Phòng học ngoại ngữ	13 phòng 633m <sup>2</sup>	13 phòng 633m <sup>2</sup>	13 phòng 633m <sup>2</sup>	13 phòng 633m <sup>2</sup>	13 phòng 633m <sup>2</sup>
Phòng thực hành dinh dưỡng	3 phòng 580m <sup>2</sup>	3 phòng 580m <sup>2</sup>	4 phòng 660 m <sup>2</sup>	4 phòng 660 m <sup>2</sup>	4 phòng 660 m <sup>2</sup>
Phòng thực hành nghiệp vụ nghề nghiệp	5 phòng 1207m <sup>2</sup>	5 phòng 1207m <sup>2</sup>	5 phòng 1207m <sup>2</sup>	5 phòng 1207m <sup>2</sup>	5 phòng 1207m <sup>2</sup>